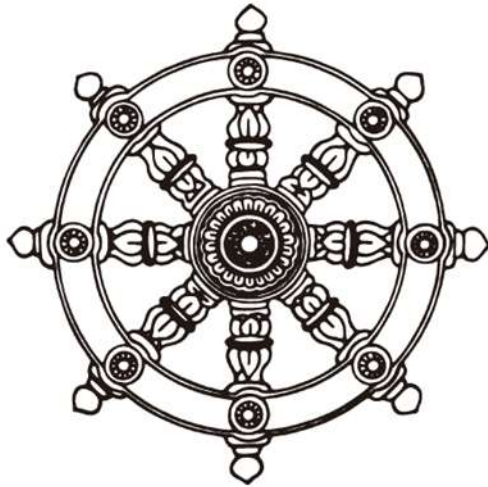


THÁNH ĐIỀN PHẬT GIÁO
hay
Lời Dạy Của Đức Phật Thích Ca



PHÁP LUÂN

Pháp Luân là từ được dịch ra từ tiếng Phạn (Sanskrit) Dharmacakra, tượng trưng cho những lời dạy của đức Phật được lưu truyền mãi mãi về tương lai như bánh xe quay vòng liên tục. Tám nan xe là chỉ cho tám thánh đạo (chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), tức những hạng mục thực tiễn trọng yếu nhất của Phật giáo. Thời kỳ trước khi tượng Phật được hoạ khắc thì biểu tượng pháp luân này đã là một đối tượng lễ bái trong Phật giáo. Ngày nay, pháp luân cũng được sử dụng mang tính chất quốc tế, được xem như là biểu tượng chung của Phật giáo đồ.

Copyright © 1962, 2020 by **BUKKYO DENDO KYOKAI**

Bất cứ phần nào trong cuốn sách này đều có thể được sao chép mà không cần xin phép. Chúng tôi chỉ yêu cầu ghi nguồn Bukkyo Dendo Kyokai - Tokyo và gửi cho chúng tôi một bản copy của ấn phẩm.

Xin cảm ơn.

BUKKYO DENDO KYOKAI

(Society for the Promotion of Buddhism)

3-14, Shiba 4-chome,

Minato-ku, Tokyo, Japan, 108-0014

Phone: (03) 3455-5851

Fax: (03) 3798-2758

E-mail: bdk@bdk.or.jp <https://www.bdk.or.jp>

Twelfth Printing, 2020

Printed by

Kosaido Co., Ltd.

Tokyo, Japan

Trí huệ của đức Phật rộng lớn như biển cả, tâm của đức Phật là đại từ bi. Phật vốn là vô hình tướng mà thị hiện hình tướng vi diệu để dẫn dắt chúng sanh bằng tâm từ bi của ngài.

Quyển sách này là tinh túy lời Phật dạy từ hơn năm ngàn kinh quyển, được lưu truyền và gìn giữ trong suốt hơn hai ngàn năm trăm năm qua, vượt khỏi biên giới quốc gia hay rào cản sắc tộc trên thế giới.

Nội dung sách chứa đựng tinh túy lời Phật dạy, liên quan mật thiết đến những khía cạnh trong đời sống của con người, và đem lại ý nghĩa thiết thực cho con người.

KINH PHÁP CÚ

Trên đời này, hận thù sẽ không bao giờ diệt được hận thù.
Chỉ có hiểu và thương mới diệt được hận thù. Đây là định
luật từ ngàn xưa. (5)

Người ngu tự biết mình là ngu thì thật ra người đó là người
trí. Người ngu tự cho mình là trí thì người đó chính là người
ngu. (63)

Dù chiến thắng hàng ngàn quân địch nơi chiến trường cũng
không bằng tự thắng mình. Tự chiến thắng mình mới là
chiến thắng oanh liệt nhất. (103)

Dù cho sống một trăm tuổi mà không gặp được Phật pháp
cao quý, cũng không bằng sống một ngày mà có thể gặp
được giáo pháp này. (115)

Thân người khó được, nay hy hữu đã được thân người.
Giáo pháp cao quý hy hữu lắm mới được nghe. Hy hữu lắm
mới có Phật xuất hiện. (182)

Chớ làm các việc ác, nên làm các điều lành, giữ tâm ý trong
sạch. Đây là lời Phật dạy. (183)

Cho dù là cha, cho dù là con, cho dù là người thân thuộc,
cũng không thể cứu ta khi cái chết liền kề. (288)

MỤC LỤC

Đức Phật

Chương thứ nhất	Đức Phật Lịch sử	2
Tiết 1.	Cuộc Đời Đức Phật	2
Tiết 2.	Những Lời Dạy Cuối Cùng	9
Chương thứ hai	Đức Phật Vĩnh Hằng	13
Tiết 1.	Từ Bi và Thệ Nguyện	13
Tiết 2.	Cứu Khổ và Ban Vui	16
Tiết 3.	Đức Phật Vĩnh Hằng	20
Chương thứ ba	Hình Tượng và Uy Đức Của Phật	22
Tiết 1.	Ba Thân của Phật	22
Tiết 2.	Sự Xuất Hiện của Đức Phật	26
Tiết 3.	Đức Độ Của Phật	29

Lời Dạy Của Đức Phật

Chương thứ nhất	Nhân Duyên	34
Tiết 1.	Bốn Sự Thật	34
Tiết 2.	Nhân Duyên	37
Tiết 3.	Duyên Khởi	39
Chương thứ hai	Tâm và Trạng Thái	
	Vốn Có Của Sự Vật.....	42
Tiết 1.	Vô Thường và Vô Ngã	42
Tiết 2.	Tâm Tạo Tác	45
Tiết 3.	Hình Thái Chân Thực Của Sự Vật	48
Tiết 4.	Con Đường Trung Đạo	52

Chương thứ ba	Phật Tánh	58
Tiết 1.	Tâm Thanh Tịnh	58
Tiết 2.	Phật Tánh	63
Tiết 3.	Vô Ngã	67
Chương thứ tư	Phiền Nã	71
Tiết 1.	Những Phiền Nã Của Con Người	71
Tiết 2.	Tính Chất Của Con Người	77
Tiết 3.	Hiện Thực Về Cuộc Đời	79
Tiết 4.	Chân Tướng Của Mê Vọng	85
Chương thứ năm	Sự Cứu Độ Của Phật	90
Tiết 1.	Hạnh Nguyên của Đức Phật A-di-đà	90
Tiết 2.	Quốc Độ Thanh Tịnh	97

Con Đường Tu Hành

Chương thứ nhất	Con Đường Giác Ngộ	102
Tiết 1.	Thanh Tịnh Tâm	102
Tiết 2.	Phẩm Hạnh Thiện Lành	109
Tiết 3.	Những Chuyện Kể Mang Tính Giáo Dục	119
Chương thứ hai	Con Đường Thực Tiễn	133
Tiết 1.	Tầm Đạo	133
Tiết 2.	Những Phương Pháp Thực Hành	145
Tiết 3.	Con Đường Của Niềm Tin	156
Tiết 4.	Lời của Đức Phật	162

Tăng Thân

Chương thứ nhất	Bổn Phận Của Người Con Phật	172
Tiết 1.	Đời Sống Xuất Gia	172
Tiết 2.	Phận Sự của Phật Tử Tại Gia	177

Tiết 3. Phương Châm Trong Sinh Hoạt	186
Chương thứ hai Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh	198
Tiết 1. Tăng Thân	198
Tiết 2. Cõi Phật	205
Tiết 3. Những Vị Đã Nhận Được Ánh Quang Từ Cõi Phật.	209
Phật diễn y cứ cho nội dung sách này	216

Phụ lục

I. Lược Sử Phật Giáo	230
II. Lịch Sử Lưu Truyền Thánh Điển Phật Giáo	238
III. Những Bước Tiến Của Sách Này	241
IV. Chỉ Mục Cho Sinh Hoạt Thường Nhật	243
V. Giải Thích Thuật Ngữ	252
Về Hiệp Hội Phật Giáo Truyền Đạo	285

Đức Phật

Chương thứ nhất

Đức Phật Lịch sử

Tiết 1. Cuộc Đời Đức Phật

1. Thành Kapilavastu tọa lạc ở phía Nam của dãy núi Himalaya, bên cạnh dòng sông Rohini, đó là đô thành của dòng tộc Shakya. Đức vua Shuddhodana Gautama (Tịnh Phạn) cai trị thành này bằng đường lối chính trị ưu việt, được lòng muôn dân.

Vị hoàng hậu tên là Maya là công chúa con vua thành Devadaha vương triều Koliya cùng dòng tộc Shakya.

Hai mươi năm sau khi kết hôn mà mãi vẫn chưa có con, một đêm hoàng hậu nằm mơ thấy con voi trắng chui vào bụng từ hông bên phải của bà, và thế rồi bà thụ thai. Vua và thần dân trong nước háo hức chờ đợi một hoàng tử. Đến gần ngày lâm bồn, theo tục lệ, hoàng hậu trở về quê nhà để sinh. Trên đường, bà dừng chân nghỉ ngơi chốc lát ở vườn Lumbini (Lâm-tỳ-ni) trong nắng xuân êm dịu.

Cảnh vật chung quanh với bao hoa Ashoka đang khoe sắc. Trong tâm thế khoan thai, hoàng hậu đưa cánh tay phải lên vịn cành cây thì bà hạ sinh thái tử. Đất trời cất tiếng hoan ca chào mừng thái tử và hoàng hậu được mẹ tròn con vuông. Hôm đó là ngày mừng tám tháng tư.

Nhà vua Shuddhodana Gautama vui mừng khôn xiết, liền đặt tên cho thái tử là Siddhartha (Tất-đạt-đa), có nghĩa là nguyện ước đã thành.

2. Nhưng hồi ôi, niềm vui chưa trọn thì nỗi buồn đã đến. Bảy ngày sau khi hạ sinh thái tử thì hoàng hậu Maya bỗng qua đời. Từ đó, em gái của hoàng hậu là dì Mahaprajapati (Ma-ha-ba-xà-ba-đề) trở thành mẹ nuôi chăm sóc thái tử.

Bấy giờ, có vị tiên ông tên là Asita (A-tư-đà) đang ẩn tu trên núi gần thành. Nhìn thấy có điềm lành xuất hiện, ông bèn xuống thành tìm hiểu. Khi được nhìn thấy thái tử, tiên ông đoán rằng: “Đứa bé này về sau, nếu làm vua thì sẽ là vị chúa tể thống nhất thiên hạ, nếu xuất gia tu hành sẽ thành Phật cứu độ thế gian”.

Thoạt đầu, khi nghe lời tiên tri này nhà vua rất vui mừng, nhưng sau đó ông bắt đầu lo lắng về khả năng cậu con một của ông sẽ từ bỏ cung điện mà xuất gia tu hành.

Khi thái tử lên bảy tuổi thì bắt đầu được học cả văn lẫn võ, nhưng tư duy của cậu ấy thì có xu hướng khác. Vào một ngày xuân, khi theo cha ra ngoại thành xem nông dân cày ruộng, thái tử nhìn thấy cảnh con chim sà xuống đất bắt lấy côn trùng đã bị lưỡi cày của người nông dân xới lên. Thái tử ngồi xuống dưới một bóng cây, tư duy và nhủ thầm: “than ôi, các loài chúng sinh giết chóc lẫn nhau”.

Chào đời chẳng bao lâu thì mất mẹ, nay lại nhìn thấy cảnh chúng sanh giết chóc lẫn nhau, tình cảnh này sớm ghi lại nơi nội tâm của thái tử một nỗi buồn. Như cảnh cây non bị thương, thái tử càng lớn thì nỗi ưu tư về cuộc đời càng trở nên sâu sắc.

Đức Phật Lịch sử

Vua cha thấy thế càng thêm lo ngại, nghĩ đến lời tiên tri của vị tiên nhơn thuở trước, ông đã nghĩ mọi cách làm vui lòng thái tử và hướng tư duy của chàng sang hướng khác. Khi được 19 tuổi, vua liền kết hôn cho thái tử, người hôn phối là công chúa Yashodhara, con gái vua Suprabuddha, vua nước Devadaha, anh của hoàng hậu Maya.

3. Mười năm sau đó, tuy thái tử sống trong các cung điện hợp cho các mùa xuân, thu, mưa, nắng, ngập tràn những tiếng hát hò, những điệu múa ca. Nhưng lúc nào trong lòng chàng cũng mang một nỗi buồn, chàng luôn trầm tư, cố gắng tìm lời giải đáp về ý nghĩa chân thực của kiếp người.

Thái tử thâm nghĩ: “cung điện xa hoa này, tấm thân cường tráng này, sự trẻ trung được mọi người yêu mến này có ý nghĩa gì đối với ta? Con người ta đến một ngày nào đó, rồi cũng sẽ bệnh tật, rồi tuổi già sẽ đến, và rồi không thể tránh khỏi cái chết. Nghĩ cho cùng, niềm tự hào về sự trẻ trung, sự cường tráng và sự tồn tại này rốt cuộc có ý nghĩa gì?

“Con người ta, đấu tranh sinh tồn vốn dĩ là để tìm kiếm một giá trị nào đó. Sự tìm kiếm ấy có hai hướng, đó là tìm kiếm theo hướng sai và tìm kiếm theo hướng đúng. Nếu người ấy tìm kiếm theo hướng sai, dù biết rằng không thể tránh khỏi già, bệnh, chết, nhưng người ta vẫn đi tìm những điều ngược lại, tức mong mình không già, không bệnh, không chết.

“Nếu tìm kiếm theo hướng đúng, người ấy sẽ nhận ra bản

chất thật sự của già, của bệnh, của chết, và tìm kiếm cảnh giới vượt thoát khỏi mọi khổ não của nhân gian. Cuộc sống sung túc của ta hiện nay dường như đang tìm kiếm theo hướng sai.”

4. Thế rồi ngày qua ngày, thái tử cứ bị dẫn dắt bởi những nỗi khổ tâm ấy, cho đến năm 29 tuổi, khi đứa con trai duy nhất của chàng là Rahula (La-hầu-la) chào đời thì thái tử quyết chí xuất gia tìm đạo. Chàng rời hoàng cung cùng với người đánh xe tên Chandaka (Xa-nặc) và con ngựa trắng Kanthaka (Kiền-trắc).

Nỗi khổ tâm của chàng không chấm dứt, nhiều ác ma đến cám dỗ chàng mà nói rằng: Thái tử nên trở về hoàng cung, chẳng bao lâu nữa, cả thế giới này đều là của ngài”. Nhưng thái tử trả lời với ác ma rằng: “Này ác ma, tôi không muốn có mọi thứ nơi thế giới này”. Sau đó, chàng cắt tóc, rồi đi khát thực lần về phương nam.

Trước tiên, thái tử đến thăm tiên nhơn Bhagava để chứng kiến lối tu khổ hạnh của vị này. Sau đó chàng còn tìm đến chỗ của tiên nhơn Arada Kalama và Udraka Ramaputra để học cách tu hành giác ngộ bằng thiền định. Nhưng sau một thời gian thực hành, chàng biết chắc rằng những phương pháp này không dẫn đến giác ngộ được. Cuối cùng chàng đến nước Magadha (Ma-kiệt-đà) và thực hành khổ hạnh tại rừng Uruvilva (Ưu-lâu-tần-loa) bên dòng sông Nairanjana (Ni-liên-thiền) chảy qua làng Gaya.

Đức Phật Lịch sử

5. Tại đây, ngài đã tu hành những lối tu vô cùng khổ hạnh. Sau này ngài có nói rằng: “không có ai trong quá khứ, trong hiện tại cũng như trong thời vị lai mà tu hành khổ hạnh một cách nghiêm ngặt như ta đã làm”.

Tuy nhiên, lối tu khổ hạnh này cũng không đưa đến mục đích mà thái tử đang tìm kiếm. Nên, sau sáu năm trong rừng, ngài đã từ bỏ khổ hạnh. Ngài đến tắm gội nơi dòng sông Nairanjana gần đó, và nhận bát sữa từ một thiếu nữ sống ở làng bên tên là Sujata. Năm vị tu sĩ cùng tu khổ hạnh suốt sáu năm với ngài ngỡ ngàng khi thấy ngài có thể nhận bát sữa từ một thôn nữ, họ nghĩ là ngài đã đoạ lạc, nên đã bỏ ngài mà đi.

Thế rồi thái tử còn một mình. Sức khoẻ dần qua cơn nguy kịch. Ngài tìm đến một gốc cây tĩnh lặng, quyết định thực hành con đường thiền định mới, với quyết tâm: “dù cho máu có cạn, thịt có nát, xương có tan, nếu ta không tìm ra con đường giác ngộ thì ta quyết không rời chỗ ngồi này”.

Đó là khoảng thời gian thái tử đã chiến đấu khốc liệt với chính nội tâm của mình. Sự tuyệt vọng, loạn tâm, bóng tối xâm chiếm cả tâm hồn ngài. Ngài đã bị các ác ma dụ hoặc. Một cách cẩn trọng và kiên nhẫn, ngài truy lùng chúng trong mọi ngóc ngách của tâm và lần lượt loại bỏ chúng. Đó thật sự là một cuộc chiến khốc liệt, thịt nát xương tan.

Tuy nhiên cuối cùng, trong một buổi sáng khi ánh mặt trời vừa xuất hiện ở phương đông thì cuộc chiến ấy được kết thúc. Tâm của ngài đã sáng. Ngài đã tìm ra con đường giác ngộ. Hôm đó là ngày mùng tám tháng mười hai. Thái tử đã

thành Phật, năm ngài 35 tuổi.

6. Từ đây, thái tử được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như: Phật-đà, bậc Vô Thượng Giác, Như Lai, Thích-ca Mâu-ni, Thích Tôn, hoặc Thế Tôn.

Trước tiên, đức Thích Tôn tìm đến Mrigadava (vườn Nai, Lộc Dã uyển) ở thành Varanasi (Ba-la-nại), chỗ của năm vị khát sĩ đã từng tu hành sáu năm khổ hạnh với ngài để giáo hoá họ. Ban đầu họ né tránh ngài, nhưng sau đó họ đã trò chuyện với ngài, họ tin ngài và trở thành những đệ tử đầu tiên của ngài. Sau đó, ngài đến thành Rajagriha (Vương xá) để giáo hoá cho vua Bimbisara (Tần-bà-sa-la), người bạn của ngài. Từ đây ngài đi hành khất và giáo hoá khắp nơi.

Người ta tìm đến ngài như thể là người khát mong nước, người đói mong cơm. Đặc biệt, trong đó có hai người mà sau này trở thành hai vị đại đệ tử, đó là Sariputra (Xá-lợi-phất) và Maudgalyayana (Mục-kiền-liên), cùng với hai ngàn đồ chúng của họ đã quy y theo ngài.

Đức vua cha Suddhodana, ban đầu vẫn sầu khổ vì quyết định từ bỏ hoàng thành mà xuất gia của con, nên đã giữ khoảng cách, nhưng sau đó đã trở thành tín đồ của ngài. Mẹ kế của ngài là bà Mahaprajapati, phu nhân của ngài là công chúa Yashodhara và rất nhiều người thuộc dòng họ Thích-ca bắt đầu theo ngài. Ngoài ra cũng còn rất nhiều người khác cũng đã trở thành tín đồ trung thành của ngài.

Đức Phật Lịch sử

7. Suốt 45 năm liên tục chu du giáo hoá, bảy giờ đức Thế Tôn đã tám mươi tuổi, khi trên đường đi từ thành Rajagriha đến thành Shravasti (Xá-vệ) ngài mắc bệnh tại Vaisali (Tỳ-xá-ly), và tiên tri rằng, 3 tháng sau ngài sẽ nhập niết-bàn. Ngài vẫn tiếp tục lên đường đến Pava, ở đó, ngài cảm thấy bệnh tình trở nặng sau khi thọ nhận thực phẩm cúng dường của bác thợ rèn tên là Chunda (Thuần-đà). Cuối cùng, cho dù cơn đau nặng hơn và sức khoẻ yếu đi, ngài cũng đã đến được khu rừng Sala bên thành Kusinagara.

Đức Thích Tôn nằm nghỉ dưới tán hai cây Sala, ngài vẫn tiếp tục nói pháp cho hàng đệ tử cho đến giờ phút chót. Và rồi ngài đi vào cõi niết-bàn tịch diệt, hoàn thành sứ mệnh đại đạo sư của thế gian này.

8. Người dân thành Kusinagara đã làm lễ trà tỳ (hoả táng) cho ngài dưới sự chỉ đạo của Ananda, vị đệ tử thị giả của ngài.

Lúc bảy giờ, Vua Ajatasatru (A-xà-thế) quốc vương Magadha và bảy vị quốc vương ở các nước lân cận đến thỉnh cầu phân chia di cốt của Phật. Ban đầu, người dân thành Kusinagara đã khước từ và việc từ chối này đã thậm chí dẫn đến chiến tranh. Nhưng sau đó, nhờ lời khuyên của hiền giả Drona, mâu thuẫn đã được hoà giải và di cốt đã được chia đều cho tám quốc gia lớn này. Ngoài ra, cũng có thêm 2 vị vua nhận lấy tro từ giàn thiêu và bình đựng di cốt để đem về nước mình thờ phượng. Thế là trên thế gian có mười ngôi đại tháp phụng thờ tro cốt của đức Phật.

Tiết 2: Những Lời Dạy Cuối Cùng

1. Trong những lời dạy cuối cùng cho các đệ tử khi đức Thế Tôn ở dưới cây Sala tại Kusinagara, ngài có nói rằng:

“Này các con, hãy là ngọn đèn của chính mình, hãy nương tựa chính mình, đừng nương tựa vào ai khác. Hãy lấy giáo pháp này làm ngọn đèn, làm nơi nương tựa, đừng nương tựa vào lời dạy nào khác.

“Hãy quán sát thân mình, nghĩ đến sự ô uế của nó, biết rằng cả cái khổ và cái vui cũng đều là nguyên nhân của khổ, sao có thể ham muốn hưởng thụ? Hãy quán sát tâm mình, biết trong đó không có bản ngã, sao có thể ảo tưởng về nó mà ôm niềm tự hào hay ích kỷ. Nếu biết như thế thì có thể đoạn trừ tất cả khổ. Sau khi ta diệt độ, nếu vâng giữ lời dạy này thì đích thực đó là đệ tử của ta.”

2. “Này các con, đừng bao giờ quên hay từ bỏ những gì ta đã dạy, phải thường gìn giữ, tư duy và thực hành nó. Nếu các con thực hành theo giáo pháp này sẽ thường được an vui.

“Mục đích của giáo pháp này là để rèn luyện tự tâm. Hãy chế ngự dục vọng và giữ gìn chánh hạnh. Tâm hồn các con sẽ trong sạch và lời nói sẽ đáng tin cậy. Hãy luôn nghĩ đến vô thường, các con sẽ có thể từ bỏ được tham sân, và có thể tránh được những điều ác.

“Nếu các con biết rằng mình bị cám dỗ và vướng vào tham

Đức Phật Lịch sử

lam, thì phải kiềm chế và kiểm soát sự căm dỗ ấy. Đừng chạy theo. Các con cần phải làm chủ tâm mình.

“Tâm con người có thể biến con người ta thành Phật, và cũng có thể biến con người ta thành súc sinh. Mê muội thì thành quỷ, giác ngộ thì thành Phật, tất cả đều do tâm này. Do đó, hãy kiểm soát tâm, đừng để nó chệch ra khỏi con đường chân chánh”.

3. “Này các con, hãy vâng theo lời ta dạy, hoà kính lẫn nhau, kiềm chế đừng tranh cãi nhau. Hãy hoà hợp với nhau như nước với sữa, đừng nghịch ghét nhau như nước với dầu.

“Hãy cùng nhau gìn giữ, học tập và thực hành Phật pháp. Đừng phí thời gian và xao nhãng tâm trí vào những điều vô bổ hay những tranh cãi. Hãy thưởng thức đạo mầu có được từ sự thực hành con đường chân chánh này.

“Ta đã tự mình chứng ngộ con đường này và đã nói cho các con, các con cần phải thường thực hành và gìn giữ.

“Nếu các con quên điều này thì có nghĩa là các con chưa bao giờ thật sự gặp ta, các con cách xa ta cho dù các con có ở cạnh ta; nhưng nếu các con vâng theo và thực hành theo giáo pháp này thì các con đang rất gần ta cho dù ở cách xa ta.”

4. “Này các con, giờ ta vào niết-bàn sắp đến, giờ phút

chia tay sắp đến. Nhưng các con đừng than khóc. Cuộc đời là vô thường. Không ai được sinh ra mà không chết. Nay thân ta sắp rời rạc như cỗ xe sắp hư hỏng, chính giờ đây cho thấy đạo lý vô thường.

“Các con đừng than khóc vô ích, nên biết chấp nhận rằng trên đời này không có gì là thường hằng, hãy biết rằng đời người sẽ trở về không. Mong điều vô thường đừng thay đổi là ước mong phi lý.

“Con quý dục vọng luôn chờ các con sơ hở để đánh bại tâm các con. Cũng giống như nếu trong nhà có con rắn độc, muốn được yên ngủ thì trước hết phải đuổi con rắn ấy ra.

“Các con cần phải dẹp bỏ phiền não dục vọng, xua đuổi nó như xua đuổi con rắn độc kia. Hãy tích cực phòng hộ tâm mình.”

5. “Này các con, giờ phút cuối cùng đã đến, nhưng các con đừng quên rằng cái chết chỉ là sự chấm dứt thân thể vật lý này. Thân thể là do cha mẹ sinh ra, được nuôi dưỡng bởi thức ăn, và đương nhiên cũng không tránh khỏi bệnh và chết.

“Nhưng thân thể thật sự của Phật không phải là nhục thể bình thường, mà là sự giác ngộ. Dù thân thể có chết đi nhưng trí giác ngộ thì sẽ còn mãi mãi, nơi giáo pháp và nơi sự thực hành pháp. Những ai chỉ nhìn thấy nhục thể của ta thì không phải thấy ta, chỉ những ai hiểu biết về lời dạy của ta mới thật sự thấy được ta.

Đức Phật Lịch sử

“Sau khi ta diệt độ, giáo pháp mà ta để lại là thầy của các con. Hãy vâng theo gìn giữ và như thế là các con đã làm đúng lời ta.

“Này các con, suốt 45 năm qua, những gì cần nói ta đã nói, những gì cần làm ta đã làm. Không có gì che dấu cả; tất cả đã được nói ra công khai rõ ràng.

“Này các con yêu quý, đây là phút cuối cùng. Ta sẽ vào niết-bàn. Trên đây là giáo giới của ta.”

Chương thứ hai

Đức Phật Vĩnh Hằng

Tiết 1: Từ Bi và Thệ Nguyện

1. Tâm của Phật đại từ đại bi. Đại từ là dùng mọi phương tiện để cứu độ chúng sanh, đại bi là đau với cái đau của chúng sanh, khổ với nỗi khổ của chúng sanh.

Có câu rằng “Nỗi khổ của chúng sanh là nỗi khổ của Phật, hạnh phúc của chúng sanh là hạnh phúc của Phật”. Cũng giống như người mẹ luôn thương con nhỏ, tâm của Phật luôn thương yêu, che chở cho chúng sanh, không hề xao nhãng, vì lòng từ ấy là bản chất của Phật.

Lòng từ bi của Phật khởi lên tùy theo nguyện cầu của chúng sanh, nhờ cảm được từ bi này mà con người ta sanh tín tâm, và nhờ tín tâm mà được sự giác ngộ. Cũng giống như vì tình yêu thương đối với con mà người mẹ thể hiện tình mẹ, và đưa trẻ khi cảm nhận được tình yêu ấy thì sẽ thấy bình yên.

Tuy nhiên, chúng sanh không hay biết lòng từ bi này của Phật, và do sự vô tri ấy mà cứ phải chịu khổ bởi vô minh và dục vọng. Chịu những quả báo của nghiệp do tham chấp thế tục và quần quanh nơi những ngọn núi si mê với gánh nặng ác nghiệp của mình.

2. Lòng từ bi của Phật không phải chỉ trong đời sống hiện tại này mà vốn đã có từ vô thủy, từ khi loài người do vô

Đức Phật Vĩnh Hằng

minh mà lạc lối. Đó là lòng từ bi vượt thời gian của đức Phật Vĩnh Hằng.

Đức Phật Vĩnh Hằng thì khi nào cũng sẵn sàng xuất hiện, ngài hiện thân rất gần gũi với chúng sanh, dùng nhiều phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sanh.

Thị hiện đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sinh ra làm thái tử dòng tộc Shakya, xuất gia, thực hành khổ hạnh, chứng ngộ thánh đạo, thuyết pháp rồi cuối cùng là niết-bàn.

Do vô minh của chúng sanh là vô tận nên sự thị hiện của Phật cũng vô tận, do tội lỗi của chúng sanh nhiều vô cùng nên từ bi của Phật cũng vô cùng.

Khi bắt đầu tu hành, đức Phật đã phát khởi bốn đại nguyện: thứ nhất là nguyện cứu độ tất cả chúng sanh, thứ hai là nguyện đoạn trừ tất cả phiền não, thứ ba là nguyện học tất cả các pháp môn, thứ tư là nguyện thành chánh giác vô thượng. Ngài đã tu hành theo bốn lời thệ nguyện này. Những lời nguyện này là biểu hiện của lòng từ bi trên nền tảng căn bản Phật tính.

3. Khi ngài phát nguyện thành Phật, ngài đã tu hạnh không sát sanh và nguyện nhờ công đức đó mọi người có thể biết được điều tốt lành của sự trường thọ.

Ngài đã tu hạnh không trộm cắp và nguyện nhờ công đức đó mọi người được như sở cầu.

Ngài tu hạnh không tà hạnh và nguyện nhờ công đức đó

Đức Phật Vĩnh Hằng

mọi người có thể biết được điều tốt lành từ tâm hồn trong sạch và không phải chịu đựng tham tâm vô độ.

Ngài tu hạnh không nói lời hư dối và nguyện nhờ công đức đó mà mọi người biết sự an tịnh của tâm để nói lời chân thật.

Ngài tu hạnh không nói hai chiều và nguyện nhờ công đức đó mà mọi người có thể biết được niềm vui của sự hoà kính.

Ngài tu hạnh không nói lời ác và nguyện nhờ công đức đó mọi người có tâm an tĩnh để sống với nhau trong hoà bình.

Ngài tu hạnh không nói điều vô ích và nguyện nhờ công đức đó mà con người biết được điều tốt lành từ sự cảm thông.

Ngài tu hạnh từ bỏ lòng tham và nguyện nhờ công đức đó mà con người biết được sự an tĩnh do không còn tâm tham.

Ngài tu hạnh từ bỏ tâm oán ghét và nguyện nhờ công đức đó mà con người yêu thương lẫn nhau.

Ngài tu hạnh từ bỏ sự si mê và nguyện nhờ công đức đó mà con người có hiểu biết và không coi thường đạo lý nhân quả.

Như thế, lòng từ bi của đức Phật là hướng đến mọi người. Bản chất của lòng từ bi ấy là vì hạnh phúc cho chúng sanh. Phật thương chúng sanh như cha mẹ thương con nên thế nguyện cứu độ chúng sanh khỏi biển mê sanh tử.

Tiết 2: Cứu Khổ và Ban Vui

1. Nếu đứng bên kia bờ mà cất tiếng gọi những con người đang hụp lặn trong biển mê thì họ khó lòng mà nghe được. Nên đức Phật phải tự mình trở lại cõi đời này và dùng phương tiện để mà hoá độ họ.

Có câu chuyện rằng: Có một ông trưởng giả ở một thành phố nọ, nhà ông gặp hoả hoạn. Ông đi từ phương xa về đến nhà, thấy nhà đang bốc cháy mà những người con của ông mãi ham chơi, không để ý đến lửa, nên vẫn còn ở trong căn nhà đang cháy. Người cha gọi các con rằng: “Này các con, hãy chạy mau ra”, nhưng những người con không hề để ý đến ông.

Người cha lo lắng gọi các con một lần nữa: “Này các con, ở đây có nhiều đồ chơi đẹp lắm, mau ra đây mà nhận”. Những người con nghe có đồ chơi đẹp nên liền chạy ra, thoát khỏi ngôi nhà đang cháy.

Cõi đời này cũng như ngôi nhà đang cháy, nhưng con người không hề biết là nhà đang cháy, không biết là đang sống trong mối nguy hiểm chết cháy. Nên đức Phật vì lòng từ bi mà dùng phương tiện hoá độ mọi người.

2. Lại có một câu chuyện rằng: Ngày xưa có ông trưởng giả giàu có, có một người con trai bỏ nhà mà đi và lâm vào cảnh bần cùng.

Người cha đi khắp nơi tìm con, dù đã rất cố công tìm kiếm

mà không tìm thấy.

Người con trai trải qua mấy chục năm, cuộc sống dần dần lâm vào cùng khổ, thế rồi cậu ta lang thang đến gần chỗ người cha đang ở.

Người cha liền nhận ra con mình và sai những người hầu của ông đến dẫn con về. Người con trai vốn đã là kẻ lang thang, khiếp đảm vì dinh thự tráng lệ, anh ta lo sợ họ lừa gạt nên đã không chịu đi.

Người cha một lần nữa sai những người hầu đến bảo là thuê anh ta làm công cho một ông chủ giàu có. Người con liền nhận lời làm thuê và theo những người hầu về nhà của cha anh để làm thuê.

Người cha dần dần nâng đỡ anh ta, cho đến giao cho anh ta trông coi tất cả của cải và kho báu, nhưng anh ta vẫn không biết mình là con của chủ nhà.

Người cha vui mừng vì con trai trung thực. Và khi biết rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ qua đời. Ông gọi tất cả bà con và bạn bè đến và nói với họ rằng: “Thưa quý vị, đây là đứa con một của tôi, đứa con mà tôi đã tìm kiếm bao nhiêu năm. Từ nay trở đi tất cả tài sản và kho báu của tôi đều thuộc về con tôi đây”.

Người con trai kinh ngạc về thổ lộ của cha, anh ta thốt lên: “bây giờ tôi không những tìm thấy cha tôi mà còn được tất cả tài sản kho báu này!”

Người cha giàu có ở đây là ví dụ cho đức Phật, và người

Đức Phật Vĩnh Hằng

con trai lang thang là ví dụ cho tất cả chúng sanh. Lòng từ bi của đức Phật đối với chúng sanh cũng giống như tình cha đối với đứa con một. Với tình yêu đó, đức Phật đã dùng nhiều phương tiện thiện xảo để dẫn dắt chúng sanh, chỉ dạy và làm cho chúng sanh trở thành người giàu có, có cả kho báu giác ngộ.

3. Lòng từ bi của đức Phật đối với chúng sanh là bình đẳng, tùy theo tư chất khác nhau của chúng sanh mà cách cứu độ có khác nhau. Cũng như cùng một cơn mưa xuống, tùy theo mỗi loài cây khác nhau mà nhận lấy lợi ích khác nhau.

4. Tình yêu của cha mẹ dành cho con cái là không khác nhau, nhưng trong những người con đó, nếu có đứa bị bệnh thì tình cảm ưu tiên dành cho người con đó hơn.

Dù lòng đại bi của đức Phật dành cho chúng sanh là bình đẳng, nhưng đối với những kẻ si mê, kẻ tội nặng và đang chịu khổ thì ngài đặc biệt quan tâm hơn.

Như khi vầng thái dương xuất hiện phía trời đông thì bóng tối biến mất, không hề có sự thiên vị đối với khu vực nào. Cũng thế, lòng từ bi của đức Phật bao trùm tất cả chúng sanh, làm mất đi cái ác, dưỡng thành cái thiện, thấm nhuần ánh sáng của trí huệ, diệt trừ bóng tối của vô minh, làm cho đạt thành quả vị giác ngộ.

Đức Phật là người cha đầy lòng từ ái, là người mẹ đầy lòng

Đức Phật Vĩnh Hằng

bi miễn. Bằng tâm từ bi đối với chúng sanh, đức Phật dóc lòng vì tất cả họ. Nếu không có lòng từ bi của Phật thì chúng sanh không thể được cứu độ. Tất cả chúng sanh là con của Phật và đều nhận được phương tiện cứu độ của ngài.

Tiết 3: Đức Phật Vĩnh Hằng

1. Thông thường mọi người đều nghĩ rằng đức Phật được sinh ra là thái tử, xuất gia rồi ngộ đạo, nhưng thật ra đức Phật vốn đã thành Phật từ vô thủy kiếp.

Từ vô thủy, đức Phật đã luôn ở nơi cõi đời này, ngài là đức Phật Vĩnh Hằng, hiểu hết căn tánh của tất cả chúng sanh, dùng tất cả phương tiện để mà cứu độ.

Giáo pháp vĩnh cửu mà đức Phật tuyên thuyết là không hư dối. Bởi vì đức Phật biết tất cả sự việc trong đời đúng như thật và chỉ dạy pháp ấy cho tất cả mọi người.

Thật vậy, việc biết đúng như thật sự việc trong đời là điều khó, bởi vì những điều nơi thế giới này thấy đúng chưa hẳn đúng, thấy sai cũng chưa hẳn sai. Người phàm không thể biết được sự thật của thế giới này.

Chỉ có đức Phật mới biết đúng và biết như thật thế giới này. Do đó đức Phật không nói sự việc trong cuộc đời này là thật, cũng không nói là hư, cũng không nói là thiện, cũng không nói là ác, ngài chỉ mô tả thế giới này đúng như chính nó.

Những gì đức Phật dạy là: “tất cả chúng sanh cần phải gieo trồng thiện căn tùy theo căn cơ, hành nghiệp và lòng tin của mình”.

2. Những gì đức Phật dạy không chỉ có bằng lời mà còn bằng cả cuộc đời của ngài. Mặc dù thọ mạng của ngài là vô

tận, nhưng vì để cảnh tỉnh con người lắm tham dục nên đức Phật phương tiện thị hiện nhập diệt.

Cũng giống như có vị lương y có nhiều con, khi ông đi xa nhà thì những người con liền uống nhầm phải thuốc độc. Khi vị lương y trở về, biết bệnh của chúng và cho chúng thuốc giải. Trong những người con này có người chưa mất tâm trí thì uống thuốc ấy và khỏi độc, tuy nhiên cũng có những người đã mất trí nên không chịu uống thuốc.

Người cha làm nghề y này vì muốn chữa lành bệnh cho con nên quyết định dùng phương pháp cứng rắn. Ông bảo các con rằng: “Nay cha phải đi xa. Cha già rồi, chắc một ngày nào đó cũng sẽ chết. Nếu cha còn sống với các con thì cha có thể chăm sóc các con, nhưng nếu cha chết thì các con sẽ phải khốn đốn. Nếu các con nghe cha chết, mong các con hãy uống những thuốc này, các con sẽ khoẻ mạnh”. Nói xong ông ra đi, sau đó sai sứ về bảo với các con rằng ông đã chết.

Những người con khi nghe cha chết thì vô cùng đau buồn. Họ khóc than rằng: “cha mất rồi còn có ai trên đời này để chúng ta nhờ cậy nữa”. Trong đau buồn và tuyệt vọng, họ nhớ đến lời cha dặn, liền uống thuốc và được lành bệnh.

Có lẽ không ai trách người cha lương y nọ nói dối. Đức Phật cũng như người cha này, ngài cũng vì cứu giúp những chúng sanh luôn tham đắm trong dục lạc mà tạm thị hiện sanh - tử trong cõi đời này.

Chương thứ ba

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

Tiết 1: Ba Thân của Phật

1. Không thể tìm thấy đức Phật bằng hình dáng hay đặc trưng bên ngoài. Bởi vì hình dáng bên ngoài không phải là đức Phật thật. Đức Phật thật chính là sự giác ngộ. Do đó người nào hiểu được sự giác ngộ thì mới đúng là thấy được đức Phật.

Nếu ai đó nhìn thấy một vài tướng mạo ưu việt của Phật và tự nghĩ là đã biết Phật thì kẻ ấy đã sai lầm bởi nhãn quan vô minh. Do vì hình tướng thật sự của đức Phật thì không hề được thể hiện bằng hình tướng bên ngoài, mắt của người phàm không thể thấy được. Cho dù có được mô tả mỹ miều đến chừng nào cũng không thể hiểu biết được Phật. Bởi vì ngôn ngữ thế gian không thể mô tả hết được về ngài.

Nói đến hình tướng chân thực của Phật, thật ra, phàm cái gì có hình tướng thì không phải là Phật. Tuy nhiên, con người có thể hình dung Phật với mọi hình tướng đẹp đẽ mà mình có thể nghĩ.

Do đó, nếu những ai nhìn hình tướng của đức Phật một cách rõ ràng, mà không câu nệ hình tướng, thì người đó có thể thấy và biết về ngài.

2. Thân của Phật là chính sự giác ngộ. Là vô hình tướng, vô chất liệu, nên thân ấy tồn tại vĩnh hằng. Không phải là

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

thân vật lý được nuôi dưỡng bằng thức ăn, mà là thân vĩnh hằng được hình thành từ trí tuệ. Nên đức Phật Vĩnh Hằng là vô ưu, vô bệnh, vĩnh viễn bất biến.

Do đó, đức Phật Vĩnh Hằng là vĩnh viễn. Nếu ánh sáng giác ngộ không biến mất trên cõi đời này thì đức Phật Vĩnh Hằng cũng không mất. Ánh sáng giác ngộ này được biểu hiện bằng ánh sáng trí tuệ, ánh sáng ấy thức tỉnh con người bước vào cuộc đời tươi mới, và làm cho con người sanh vào cõi Phật.

Những ai hiểu được điều này chính là đệ tử của Phật, thọ trì lời Phật dạy, phụng hành giáo pháp ngài và truyền trao cho hậu thế. Không có gì kỳ diệu hơn thần lực của Phật.

3. Đức Phật có ba thân. Đó là Pháp thân (dharma-kāya), Báo thân (hay Thọ Dụng thân, sambhoga-kāya) và Ứng Hoá thân (nirmāṇa-kāya).

Pháp thân có nghĩa là chất liệu của thân là Pháp, đó chính là chất liệu của chân thật. Về mặt bản chất, Phật không sắc cũng không hình. Do vì không có hình tướng và sắc tướng nên không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Như hư không phổ chiếu lên mọi sự vật. Vì hiện hữu trên tất cả vạn vật nên ngài không hề thiếu gì.

Không vì con người nghĩ có Phật mà có, con người nghĩ ngài không có mà không. Không phải khi con người vui là đến, con người sao nhãng là đi. Phật là Phật, ngài hiện hữu vượt trên mọi chuyển biến tư tưởng của con người.

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

Pháp thân này của Phật biến mãn cùng khắp mọi nẻo trên thế gian, đến tất cả mọi nơi, vĩnh viễn tồn tại bất luận là con người có tin tưởng sự hiện hữu ấy hay không.

4. Báo thân có nghĩa là, pháp thân vô hình tượng của Phật thị hiện thành hình tượng, là sự hợp nhất của từ bi và trí tuệ của Phật để cứu độ chúng sanh, Phật có hình tượng ấy có sanh, có tử, có phát nguyện, có hành hạnh, có tên gọi....

Đức Phật Báo thân này có đại từ bi, cứu giúp vô số chúng sanh bằng nhiều phương tiện khác nhau. Cũng như ngọn lửa thiêu cháy tất cả mọi thứ, lòng từ bi của ngài thiêu rụi tất cả phiền não của chúng sanh. Hay cũng như ngọn gió cuốn đi tất cả bụi bặm, lòng từ của ngài cuốn đi bụi trần khổ lụy của con người.

Ứng Hoá thân của đức Phật là, với mục đích hoàn thành sự cứu độ ứng với năng lực của ngài, để phù hợp với con người, đức Phật thị hiện sắc thân nơi cõi đời này, đản sinh, xuất gia, thành đạo, dùng nhiều phương tiện để dẫn dắt chúng sanh, thị hiện bệnh và chết để cảnh tỉnh chúng sanh.

Thân của Phật vốn dĩ chỉ có một, đó là Pháp thân, nhưng vì căn cơ con người mỗi mỗi có khác nhau nên đức Phật cũng thị hiện nhiều thân khác nhau. Tùy theo lòng mong cầu, nghiệp lực và khả năng mà mỗi người nhìn thấy Phật khác nhau, nhưng đức Phật thì chỉ cho thấy một sự thật.

Dù thân Phật được phân thành ba nhưng chỉ có một mục

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

đích duy nhất, đó là để cứu độ tất cả chúng sanh.

Với sắc thân ưu việt vô hạn và thị hiện ra nơi mọi cảnh giới thì thân ấy cũng không phải thật sự là thân Phật. Vì thân Phật không phải nhục thân. Thân Phật là thân giác ngộ, biến mãn khắp mọi nơi, Phật ấy thường xuất hiện trước những ai nhìn thấy sự thật.

Tiết 2: Sự Xuất Hiện của Đức Phật

1. Đức Phật xuất hiện trong cõi đời này là điều hy hữu, nay đã xuất hiện nơi cõi đời này, đã chứng đắc giác ngộ, đã thuyết pháp, đã đoạn lưới nghi, đã nhổ tận gốc ái dục, đã bít chặt căn nguyên tội ác. Hoàn toàn không bị chướng ngại, đi trong cõi đời này một cách tự do tự tại. Trên thế gian này không có gì đáng tôn kính hơn đức Phật.

Đức Phật thị hiện nơi cõi đời này là để thuyết pháp, làm lợi ích cho con người, Vì ngài không thể từ bỏ những chúng sanh đang chịu khổ não nên ngài đã thị hiện nơi cõi đời đau khổ này.

Nơi cõi đời không có đạo lý, đầy điều bất chính, dục tham không chán, thân tâm đoạ lạc, mạng sống ngắn ngủi. Vận chuyển chánh pháp quả là điều vô cùng khó khăn. Nhưng vì lòng đại bi, đức Phật đã chiến thắng được những khổ nạn này.

2. Trong cõi đời này, đức Phật là bạn lành của tất cả chúng sanh. Dù là người có gánh nặng phiền não mà nếu gặp được Phật thì sẽ cảm thấy được nhẹ nhàng như thể là gánh nặng ấy được đức Phật gánh hộ.

Đức Phật là thầy của chúng sanh trong cõi đời này. Dù là người đau khổ si mê mà nếu gặp được Phật thì bóng tối si mê ấy sẽ được xóa sạch nhờ ánh sáng trí tuệ của ngài.

Như con bê không rời bỏ mẹ, những ai có học Phật pháp sẽ

không rời xa Phật. Vì việc học hỏi giáo lý của ngài thì thường được an vui.

3. Khi mặt trăng lặn, người ta nói rằng mặt trăng không còn, khi mặt trăng lên người ta nói là mặt trăng xuất hiện. Nhưng thật ra mặt trăng khi nào cũng tồn tại, không có mất. Đức Phật cũng như thế, khi nào cũng hiện hữu, không sanh diệt, chỉ vì để giáo hoá con người nên thị hiện sự sanh sự diệt mà thôi.

Con người cho rằng có mặt trăng đầy, mặt trăng khuyết, nhưng thật ra mặt trăng thường tròn đầy, không tăng, không giảm. Đức Phật cũng như thế, ngài luôn hiện hữu, không sanh không diệt, nhưng chỉ vì cái thấy của con người nên có sanh có diệt mà thôi.

Mặt trăng thường hiển hiện trên muôn vật, trên thành quách, trên thôn mạc, trên rừng núi, trên sông ngòi..., nó được nhìn thấy cả trong ao hồ, hay trong chậu nước, hay nơi hạt sương đọng trên lá cây. Dù cho con người có đi đến vạn dặm thì trăng cũng đi theo. Mặt trăng vốn không thay đổi nhưng tùy theo người nhìn trăng mà có thay đổi. Đức Phật cũng như thế, tùy theo nhãn quan của con người trong thế gian này mà có hiện thân, chứ đức Phật luôn luôn hiện hữu không có sự biến đổi.

4. Đức Phật dù có xuất hiện nơi cõi đời này hay diệt khứ khỏi cõi đời này thì cũng không lìa nhân duyên. Khi hợp thời để cứu độ chúng sanh thì ngài đến, tức xuất hiện

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

nơi cõi đời này, khi nhân duyên ấy hoàn mãn thì ngài đi, tức diệt khứ khỏi cõi đời này.

Dù đức Phật thị hiện cái sanh cái diệt, nhưng thật ra tánh Phật thì thường hằng như thế. Biết được điều này người con Phật nên thực hành con đường giác ngộ để chứng đắc trí tuệ vô thượng, không lo sợ, không sầu bi về sự đổi thay của muôn vật, về cái sanh cái diệt mà Phật thị hiện.

Trên đây đã trình bày về thân Phật, đó chính là sự giác ngộ chứ không phải nhục thân. Nhục thân chẳng qua chỉ là dung khí, vật chứa đựng, nếu ở đó tràn đầy sự giác ngộ thì được gọi là Phật. Do đó, những ai chấp vào nhục thân Phật mà bi quan về sự tịch diệt của ngài là chưa thể nhìn thấy đức Phật thật.

Thực ra, hình tướng chân thực của sự vật là bình đẳng, vượt ra khỏi sự phân biệt về thiện ác, đến đi, sanh diệt. Những phân biệt này là do thiên kiến của con người. Hình tướng của đức Phật thật ra cũng không hiển hiện không ẩn mất.

Tiết 3: Đức Độ Của Phật

1. Đức Phật là bậc đáng được tôn kính, có đầy đủ năm đức. Đó là, (1) phẩm hạnh thù thắng, (2) kiến giải thù thắng, (3) trí tuệ thù thắng, (4) có thể giảng nói đạo giác ngộ, (5) có khả năng dẫn dắt chúng sanh thực hành lời dạy chơn chánh ấy.

Ngoài ra, Phật cũng có tám năng lực siêu việt. Đó là (1) ngài có thể mang lại hạnh phúc và lợi ích cho con người, (2) lời dạy của ngài có ích thiết thực cho cuộc đời, (3) có khả năng giảng dạy đúng đắn về thiện ác, chánh tà trong cuộc đời, (4) có khả năng giảng dạy chánh đạo đưa con người đến với giác ngộ, (5) đối với bất cứ ai cũng bình đẳng chỉ dạy một con đường, (6) đức Phật không có tâm cao ngạo, (7) đức Phật làm đúng như đã nói và nói đúng như đã làm. (8) không mê mờ, đầy ắp hạnh nguyện và thực hành nó một cách trọn vẹn.

Lại nữa, đức Phật vào thiền định, giữ được trạng thái tĩnh lặng và yên bình, đối với chúng sanh ngài trải tâm từ, tâm bi, tâm không chấp trước. Làm sạch nhiễm ô nơi tâm của chúng sanh và mang lại hạnh phúc cho những tâm hồn thanh sạch.

2. Phật là cha mẹ của tất cả chúng sanh. Sau khi đưa con được sinh ra, khoảng 16 tháng sau đó, cha mẹ phải nói với con như ngôn ngữ của trẻ. Rồi từ đó dạy cho con học nói. Đức Phật cũng thế, ngài đã giảng dạy giáo pháp bằng

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

ngôn ngữ của loài người, thị hiện thân tướng như cái thấy của con người, rồi đem con người đến cảnh giới an lành và bình yên.

Lại nữa, đức Phật thuyết pháp bằng ngôn ngữ của ngài nhưng chúng sanh tùy theo căn tánh của mình mà nghe pháp ấy và hoan hỷ rằng đức Phật đang nói pháp cho chỉ mình mình nghe.

Cảnh giới của đức Phật siêu việt khỏi cái biết của con người, nên không thể diễn tả bằng lời nói, mà chỉ có thể thể hiện bằng ví dụ.

Dòng sông Hằng (Ganges) luôn bị khuấy đục bởi các loài rùa cá, ngựa voi nhưng dòng sông ấy vốn thường trong sạch. Đức Phật được ví như dòng sông này, các ngoại đạo được ví như các loài rùa cá ấy, thường đến nhiễu loạn nhưng không hề làm cho ngài lung lạc. Dòng Phật pháp vẫn chảy, không hỗn loạn mà sạch trong.

3. Trí huệ của Phật thấu hiểu hoàn toàn các đạo lý, rời xa hai cực đoan và giữ chừng mực trung đạo. Trí huệ ấy siêu việt trên mọi văn tự, hiểu thấu hết tư duy và tình cảm của con người, hiểu biết mọi thứ trên thế giới này chỉ trong một sát-na.

Như những ánh sao trên bầu trời phản chiếu xuống biển lớn tĩnh lặng, tư duy và tình cảm của con người, cũng như tất cả mọi thứ trên thế gian này hiển hiện đúng như thật trong biển trí huệ của đức Phật. Cho nên ngài được gọi là đáng

Nhất Thiết Tri.

Trí tuệ của đức Phật làm tươi mát tâm hồn khô cằn của chúng sanh, soi sáng cho chúng sanh, dạy bảo cho chúng sanh về nghĩa lý, về sự thanh suy, về đạo lý nhân quả trong cuộc đời này. Và chính nhờ trí tuệ ấy của Phật mà con người hiểu biết hơn về cuộc đời.

4. Không phải lúc nào đức Phật cũng thị hiện là Phật, có khi thị hiện thành ác ma, có khi thành hình tượng chư thần, có khi hiện thân nam, có khi hiện thân nữ.

Đối với trường hợp có bệnh ngài hiện thành thầy thuốc, cho thuốc và thuyết pháp. Khi có chiến tranh xảy ra thì nói điều chơn chánh làm mọi người tránh xa tai ách. Đối với người cố chấp ngài nói đạo lý vô thường. Đối với trường hợp cao ngạo ngài nói vô ngã. Đối với kẻ bị trói buộc trong thú vui thế tục ngài nói rõ dạng tướng khổ não của cuộc đời.

Như thế, sở hành của đức Phật hiển hiện trên mọi sự vật của cuộc đời. Tất cả đều lưu xuất ra từ duyên nguyên pháp thân. Thọ mạng vô hạn của ngài, quang minh vô hạn của ngài, nguồn mạch ấy là từ nơi pháp thân của Phật.

5. Thế gian này như ngôi nhà lửa bất an. Con người trong đó bị bao vây bởi bóng tối vô minh, phần nộ, thất vọng, đổ kỵ, bị chìm đắm trong các phiền não. Như đứa bé cần mẹ, con người cần phải nương nhờ vào lòng từ bi của đức Phật.

Hình Tượng và Uy Đức Của Phật

Đức Phật chính là bậc thánh trong tất cả các bậc thánh. Ngài là cha của chúng sanh nơi thế giới này, và tất cả chúng sanh là con của Phật. Thế giới này đang cháy bởi sự suy vong và chết chóc, cái khổ tràn lan. Nhưng con người mãi mê tìm kiếm niềm vui vô ích, họ không có trí huệ để hiểu biết được tai ách này.

Đức Phật đã nhìn thấy thế giới si mê này thật sự là ngôi nhà đang cháy, ngài đã ra khỏi nhà lửa ấy và ở trong rừng tịch tĩnh. Nhưng với lòng đại từ bi muốn cứu giúp chúng sanh, ngài nói rằng: “thế giới vô thường và đau khổ này là của ta, chúng sanh trong đó là con của ta, việc cứu giúp những si mê và đau khổ trong đó chính là công việc của ta”.

Đức Phật là vị đại pháp vương, có thể nói pháp cho chúng sanh như ngài muốn. Đức Phật xuất hiện trong cõi đời này là để làm an vui cho chúng sanh. Đức Phật nói pháp là để cứu chúng sanh ra khỏi các khổ. Nhưng vì chúng sanh bị các dục dẫn dắt nên họ không muốn nghe lời dạy của ngài.

Tuy nhiên, những ai hoan hỷ nghe được lời dạy ấy thì nhất định sẽ thoát khỏi cuộc đời khổ não và mê vọng. Đức Phật dạy: “con người có thể bước vào trong giáo pháp của ta nhờ niềm tin”, tức tin vào lời dạy của ngài, nhờ niềm tin ấy mà cảm được sự thoả đáng của lời dạy, chứ không phải bằng sự hiểu biết khôn khéo của tự mình. Do đó con người cần phải lắng nghe và thực hành lời Phật dạy.

Lời Dạy Của Đức Phật

Chương thứ nhất

Nhân Duyên

Tiết 1: Bốn Sự Thật

1. Thế giới này đầy những khổ đau. Sinh cũng khổ, già, bệnh, chết cũng khổ, phải gặp kẻ mà ta ghét cũng khổ, phải chia xa người mà ta yêu thương cũng khổ, mong muốn mà không có được cũng khổ. Quả thật, người chưa lìa bỏ sự chấp trước thì tất cả đều khổ. Đây gọi là sự thật về khổ (khổ đế).

Nguyên nhân nào dẫn đến khổ đau của nhân gian? đó là do những khát ái nơi thân và những si mê trong tham dục. Nếu tìm về căn nguyên của những phiền não này, sẽ thấy chúng có nguồn gốc từ những ham muốn bản năng. Những dục vọng như thế có bản chất chấp nê đối với sự sống, tìm kiếm những điều như ý cho dù đến chết. Đây gọi là sự thật về nguyên nhân của khổ (tập đế).

Nếu tận diệt tất cả, không còn những gốc rễ phiền não này, lìa khỏi tất cả mọi chấp trước thì sẽ không còn khổ. Đây gọi là sự thật về việc chấm dứt khổ (diệt đế).

Để vào được cảnh giới không còn khát ái và khổ đau thì phải tu hành bát chánh đạo. Đó là, chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Bát chánh đạo này là con đường chân chánh để diệt trừ nguyên nhân đưa đến khổ đau (đạo đế).

Người con Phật phải luôn ghi nhớ những chân lý này. Vì cuộc đời đầy dẫy khổ đau, những ai muốn thoát khỏi khổ đau ấy đều phải dứt bỏ cội rễ phiền não. Chỉ nhờ sự giác ngộ thì con người mới có thể đạt đến cảnh giới không còn khổ và phiền não. Có được sự giác ngộ là nhờ tám chánh đạo này.

2. Những ai cầu giác ngộ thì đều phải biết bốn thánh đế này. Do vì không biết những điều này mà con người mãi lang thang trong đường mê. Người hiểu biết được tứ thánh đế thì gọi là người có được con mắt giác ngộ.

Do đó, những ai muốn thực hành theo lời dạy của Phật thì phải biết một cách rõ ràng về giáo lý tứ thánh đế này. Thánh giả, dù bất cứ thời đại nào, nếu là bậc thánh chơn chánh đều là người đã chứng ngộ tứ thánh đế này, là người giảng dạy tứ thánh đế này.

Khi hiểu rõ về bốn chân lý này thì con người bắt đầu lìa xa dục vọng, không tranh cãi với thế gian, không sát hại, không trộm cắp, không phạm tà hạnh, không dối trá, không khinh khi, không xu nịnh, không ghen ghét, không nóng giận, không quên cuộc đời là vô thường, không lầm đường lạc lối.

3. Thực hành thánh đạo cũng giống như bước vào căn phòng tối với ngọn đèn trên tay, bóng tối sẽ biến mất và gian phòng sẽ được chiếu sáng.

Nhân Duyên

Những ai hiểu rõ ý nghĩa tứ thánh đế này và học theo tứ thánh đế này thì kẻ đó có ngọn đèn trí tuệ, xoá tan bóng tối của vô tri.

Đức Phật dẫn dắt chúng sanh bằng việc chỉ ra bốn thánh đế này. Người học tập đúng lời Phật dạy, nhờ tứ thánh đế này mà đạt được giác ngộ chân thật, sẽ là nơi nương tựa và bảo hộ cho con người trong thế gian. Vì tứ thánh đế đã được rõ và gốc rễ phiền não vô minh đã được diệt trừ.

Người đệ tử Phật nhờ tứ thánh đế này mà thấu hiểu được những giáo lý khác, có được công đức và trí tuệ hiểu biết những điều khác, cho dù đối với ai thì cũng có thể nói pháp một cách tự tại.

Tiết 2: Nhân Duyên

1. Khổ đau của con người là có nguyên nhân, và cũng có con đường để những khổ đau ấy chấm dứt. Bởi vì, tất cả mọi sự vật trong đời đều do duyên mà sanh, do duyên mà diệt.

Mưa rơi, gió thổi, hoa nở, lá rụng, tất cả đều do duyên mà sinh, đều do duyên mà diệt.

Thân này được sanh ra nhờ duyên bố mẹ, được nuôi dưỡng nhờ thức ăn. Và tâm hồn này cũng là cái được nuôi lớn nhờ tri thức và kinh nghiệm.

Do đó, thân thể này, tâm hồn này đều do duyên mà thành, và cũng thay đổi tùy theo duyên.

Cũng giống như mắt võng, do cùng đan với nhau mà tạo thành cái võng, mọi thứ trong đời đều có sự liên hệ lẫn nhau. Nếu cho rằng mỗi một mắt võng là mỗi tồn tại độc lập, chỉ có một mà cũng là mắt võng thì là sai lầm lớn.

Cái mắt võng được gọi là cái mắt võng khi nó được đan cùng với những mắt võng khác. Mỗi mỗi mắt võng có vai trò nối với mắt võng khác để làm thành cái võng.

2. Hoa nở là do có nhiều duyên hợp lại mà nở, lá rơi là do có nhiều duyên hợp lại mà rơi, không chỉ đơn thuần tự nó nở, tự nó rơi.

Cũng như do duyên mà nở, do duyên mà rơi, mọi vật cũng

Nhân Duyên

đều có sự thay đổi. Không có chuyện nó tự tồn tại, cũng không có chuyện thường trụ.

Tất cả sự vật do duyên mà sanh do duyên mà diệt là nguyên lý bất di bất dịch. Do đó, vạn vật luôn biến đổi, không đứng yên, ấy là nguyên lý chân thật trong trời đất này. Chỉ có điều này là vĩnh viễn không thay đổi.

Tiết 3: Duyên Khởi

1. Ưu bi khổ não của con người do đâu mà có ? Đó là do con người mê chấp.

Họ chấp vào sự giàu có, chấp vào danh dự, chấp vào khoái lạc, chấp vào sự hứng thú và khoái trá bản thân. Họ không biết sự thật rằng những tham chấp này là nguồn gốc sinh ra khổ não.

Ngay từ đầu, thế giới này đã có nhiều tai hoạ. Bên cạnh đó, vì không tránh khỏi lão, bệnh, tử nên con người phải sầu bi và khổ đau.

Nhưng nếu suy cho cùng thì do vì chấp trước nên sinh ra sầu bi và khổ đau. Nếu lìa khỏi chấp trước thì tất cả ưu bi và khổ đau sẽ không còn.

Và hơn nữa, nếu loại bỏ được chấp trước này thì sẽ nhìn thấy được vô minh và tham ái trong tâm.

Do vô minh làm thay hình đổi dạng nên con người ta không thể mở mắt, mịt mù với đạo lý nhân quả. Tham ái là tham những thứ không thể có được rồi chấp trước và yêu lấy nó.

Vốn dĩ, vạn vật không có sai biệt nhưng vì vô minh và tham ái mà cho rằng có sai biệt. Vốn dĩ vạn vật không có tốt xấu nhưng vì vô minh và tham ái mà thấy có tốt xấu.

Con người thường có những suy nghĩ sai lầm, do ngu si nên không thể thấy đúng. Do chấp vào cái tôi nên hành động sai lầm. Kết quả là sinh ra sự lầm lạc cho bản thân.

Nhân Duyên

Giả sử hành động (nghiệp) của chúng ta là ruộng, tâm là hạt giống, được che phủ bởi đất vô minh, tưới tắm bằng mưa tham ái, trở vào đó nước tự ngã, thêm vào ý niệm tà ác, và thế là sinh ra sự lầm lạc trên.

2. Như thế rút cuộc, chính cái tâm ấy sinh ra thế giới mê lầm với sâu, bi, khổ, não.

Thế giới này mê lầm chẳng qua chỉ là cái bóng của tâm, được hiển hiện ra từ cái tâm này, và thế giới giác ngộ cũng được hiển hiện ra từ tâm này.

3. Trong đời này có ba quan điểm sai lầm.

Nếu theo những quan điểm này thì tất cả mọi thứ trên thế gian này đều bị phủ định.

Thứ nhất, có người cho rằng tất cả những điều trải qua trong cuộc đời của một người đều do vận mệnh. Thứ hai, có người cho rằng những điều ấy là do thần linh tạo ra. Thứ ba, cũng có người cho rằng vạn sự đều không nhân không duyên gì cả.

Nếu mọi thứ đã được quyết định bằng định mệnh thì nơi thế giới này, cả điều thiện lẫn điều ác đều do vận mệnh, cả hạnh phúc và bất hạnh cũng đều do vận mệnh. Không có gì tồn tại mà không do định mệnh sắp đặt. Và thế là tất cả những hy vọng, những nỗ lực của con người sẽ không còn ý nghĩa, sự tiến bộ và cải thiện trong thế gian này cũng

không còn.

Thuyết do thần linh sáng tạo ra, và thuyết cuối cùng là vô nhân vô duyên cũng thế, sẽ bị phê phán tương tự, tất cả những ý chí và nỗ lực bỏ ác hành thiện đều trở nên vô nghĩa.

Do đó, ba quan điểm trên đều là sai lầm. Mọi thứ có mặt đều do duyên mà sinh, do duyên mà diệt.

Chương thứ hai

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Tiết 1: Vô Thường và Vô Ngã

1. Cả thân và tâm đều là những thứ do duyên tạo thành, do đó nơi thân này không có thực thể. Thân này là sự tập hợp của nhân duyên. Do đó, thân này là vô thường.

Nếu thân này mà có thật thể thì chúng ta muốn nó thế nào nó sẽ thành như thế ấy.

Vị vua của một quốc gia, có thể ra hình phạt đối với những điều đáng phạt, thưởng những điều đáng thưởng. Có thể làm được những điều vị ấy muốn. Tuy nhiên, dù không muốn bệnh cũng bị bệnh, không mong già cũng phải già, về thân thể này, chẳng mấy như ý muốn.

Cũng thế, tâm con người cũng không có thật thể. Tâm cũng là sự nhóm họp của chư duyên, là thứ luôn luôn thay đổi.

Nếu tâm mà có thật thể thì chúng ta muốn thế nào sẽ được như thế ấy. Nhưng dù tâm không muốn mà vẫn nghĩ điều ác, dù không mong mà cứ xa rời điều lành, chẳng mấy như ý.

2. Thân này vĩnh viễn không thay đổi hay sao? hay cũng là vật vô thường? nếu chúng ta đặt câu hỏi như thế thì chắc chắn ai cũng trả lời, đó là vật vô thường.

Nếu hỏi vật vô thường là khổ hay là vui, thì chắc chắn ai

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

cũng trả lời, phàm đã được sinh ra thì ai cũng phải đến lúc già, bệnh, chết và đau ốm, nên ai cũng phải khổ.

Nếu nghĩ rằng, vô thường, biến đổi, khổ đau là thật thể, là ngã của chúng ta, nghĩ như thế là sai lầm.

Tâm cũng thể, cũng vô thường, khổ đau, không phải thật thể.

Như thế, thân và tâm hình thành nên chúng ta và những thứ liên quan chung quanh đều xa rời khái niệm “tôi” và “của tôi”.

Chỉ vì không có trí tuệ nên chấp có cái tôi và cái của tôi.

Vì thân này và cả những thứ chung quanh cũng đều là thứ do duyên mà sanh, luôn thay đổi không hề ngừng nghỉ.

Nó thay đổi như dòng nước đang chảy, như ngọn nến đang cháy. Và tâm lúc nào cũng dao động như khỉ vượn, không khi nào yên tĩnh.

Người có trí tuệ thì sẽ nhìn như thế, nghe như thế, phải vứt bỏ sự chấp trước đối với thân và tâm. Khi lìa khỏi chấp trước đối với cả thân và tâm thì có thể đạt được giác ngộ.

3. Trên thế gian này có năm điều không ai làm được. Một là làm cho không già khi đang già, hai là làm cho không bệnh khi đang bệnh, ba là làm cho không chết khi phải chết, bốn là làm cho không diệt khi vật phải diệt mất, năm là làm cho đừng đến sự cùng kiệt khi phải đến sự cùng

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

kiệt.

Người bình thường thì gặp những điều khó tránh này sẽ khổ đau sâu não, nhưng người có học Phật pháp rồi thì vì biết đây là những điều không thể tránh khỏi nên không ôm mối sầu khổ như thế.

Lại nữa, trên thế gian này có bốn sự thật. Một là tất cả chúng sanh đều được sinh ra từ vô minh. Hai là những đối tượng của dục vọng đều vô thường, khổ đau và luôn luôn thay đổi. Ba là tất cả mọi tồn tại cũng đều là vô thường, khổ đau và luôn luôn thay đổi. Bốn là cái tôi và cái của tôi không thật sự tồn tại.

Tất cả sự vật đều là vô thường, đều thay đổi, không có vật gì là ngã. Cho dù đức Phật có xuất hiện trên thế gian này hay không thì điều này vốn đã là đạo lý từ muôn đời. Đức Phật biết điều này, chứng ngộ điều này và chỉ dạy cho con người.

Tiết 2: Tâm Tạo Tác

1. Dù là mê hay ngộ cũng từ tâm mà hiện ra. Tất cả sự vật đều do tâm tạo thành. Cũng giống như ảo thuật gia ảo hoá ra nhiều thứ.

Tâm của con người biến hoá không ngừng, và tác động của nó cũng vô hạn. Với tâm như bản thì sẽ có thế giới ô trược, với tâm thanh tịnh thì sẽ có thế giới thanh lương. Do đó, sự hoá hiện ra thế giới bên ngoài là vô cùng.

Như bức tranh được vẽ bởi người hoạ sĩ, thế giới bên ngoài là do tâm tạo thành. Thế giới do chư Phật tạo thành là thế giới thanh tịnh, không có nào phiền. Thế giới do con người tạo thành là thế giới nhiễm ô bởi phiền não.

Tâm như người hoạ sĩ giỏi, vẽ ra đủ mọi thế giới. Trên thế gian này không có gì mà không do tâm tạo ra. Cũng giống như tâm con người, đức Phật cũng thế. Cũng giống như chư Phật, chúng sanh cũng thế. Do đó, trên phương diện tất cả mọi thứ đều được vẽ nên, nên tâm, Phật và chúng sanh, cả ba vốn là không sai biệt.

Đức Phật biết một cách đúng đắn rằng tất cả sự vật đều do tâm mà sinh khởi. Do đó, những ai thấy được như thế thì có thể thấy được Phật thật sự.

2. Tuy nhiên, tâm này thường hay lo sợ sầu bi khổ não. Lo sợ những điều đã xảy ra, và lo sợ cả những điều chưa xảy ra. Vì sao vậy? vì trong tâm có vô minh và ái trước.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Từ tâm tham này mà thế giới mê loạn được sinh ra, nếu nói một cách vắn tắt thì, những nhân duyên nơi thế giới mê loạn đều có trong tâm.

Sinh và tử cũng đều do tâm mà ra. Do đó, khi tâm – cái có liên quan đến sanh tử diệt tận, thì sanh tử mê mờ cũng diệt tận.

Thế giới mê lầm này do tâm sinh khởi. Vì nhìn với tâm mê lầm nên thế giới mê lầm. Nếu lìa khỏi tâm và biết rằng không có thế giới mê lầm thì lìa khỏi nhiễm ô và đạt thành giác ngộ.

Như thế, thế gian này được dẫn dắt bởi tâm, bị lôi kéo bởi tâm, chịu sự chi phối của tâm. Do tâm mê mờ mà hiển hiện ra thế gian đầy phiền não.

3. Tất cả sự vật đều do tâm đứng đầu, tâm làm chủ, từ tâm mà thành. Nếu với tâm nhiễm ô mà nói năng, mà hành động thì khổ đau sẽ đi theo người đó như chiếc xe đi theo con vật kéo xe.

Tuy nhiên, nếu với tâm thiện lành mà nói năng, mà hành động thì an lạc sẽ đi theo người đó, như bóng theo hình. Người làm ác sẽ nhận ác báo và sẽ khổ đau; người làm lành sẽ nhận thiện báo và sẽ an lành.

Nếu tâm này ô trược thì con đường này không bằng phẳng, vì thế sẽ phải bị vấp ngã. Còn nếu tâm trong sáng thì con đường sẽ bằng phẳng và sẽ được an toàn.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Kẻ nào thân tâm trong sạch thì kẻ ấy sẽ có thể phá lưới ma, đi vào cõi nước của Phật. Người có tâm tĩnh lặng thì sẽ có được sự an ổn, do đó cần phải đem ngày nỗ lực từng chút để tu tập tâm.

Tiết 3: Hình Thái Chân Thực Của Sự Vật

1. Tất cả mọi sự vật trên thế gian này đều do duyên mà hiện thành, vì thế vốn không có sai biệt, sai biệt nếu có là do thiên kiến của con người.

Vũ trụ không có sự phân biệt đông tây, nhưng con người đã đặt ra đông tây và chấp trước đây là đông, đấy là tây.

Số tự vốn bắt đầu từ số 1 đến số vô hạn, mỗi mỗi là những con số hoàn chỉnh, không có sự phân biệt về lượng nhiều hay ít, nhưng con người vì thuận tiện cho mình mà phân biệt ít nhiều.

Vốn dĩ, nếu không có sinh thì cũng không có diệt, tuy nhiên do vì thiên kiến của con người mà nhìn thấy sự sai biệt về sinh và diệt, lại nữa, hành vi của con người tự nó không có thiện cũng không có ác mà nhìn thấy có hai mặt thiện ác là do thiên kiến của con người.

Đức Phật rời xa khỏi thiên kiến này, cõi đời này như mây trôi giữa không trung, như huyễn hoá, ngài nhìn thấy bất cứ thứ gì mà tâm lấy hay bỏ cũng đều là hư giả. Ngài đã xa lìa tâm toan tính và phân biệt.

2. Con người vì có tâm toan tính, chấp trước vào sự vật. Chấp vào phú quý, chấp vào tài vật, chấp vào danh dự, chấp vào sinh mạng.

Do chấp vào các thứ hữu-vô, thiện-ác, chánh-tà, mà dẫn đến phiền não khổ đau sai lầm chông chất.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Có câu chuyện rằng, có một người du hành chuyển xa, nhìn thấy một con sông lớn, anh ta nghĩ, “bờ bên này của con sông này đầy nguy hiểm, nhưng bên bờ kia thì có vẻ an ổn hơn”. Thế rồi anh ta làm một chiếc bè, nhờ chiếc bè ấy anh đã qua được bên kia sông một cách an toàn. Thế rồi anh ta nghĩ, “chiếc bè này đã đưa ta qua bờ sông bên này một cách an toàn, là chiếc bè rất hữu ích. Do đó, ta không nên vứt nó, nên vác nó trên vai mà đi”.

Lúc này, chúng ta có thể nói người này đang làm những gì cần làm đối với chiếc bè không? hoàn toàn không.

Ví dụ này muốn nói rằng, ngay cả những điều đúng cũng không nên chấp lấy nó mà phải quăng bỏ nó khi cần phải quăng bỏ. Điều đúng mà cũng cần quăng bỏ hướng gì là điều không đúng.

3. Mọi sự vật không đến không đi, không sinh không diệt, nên cũng không có gì là được cũng không có gì là mất.

Đức Phật dạy: Tất cả sự vật không phải có cũng không phải không, vì chúng vượt khỏi phạm trù tồn tại hay không tồn tại. Nên không hữu, không vô, không sanh, không diệt. Tức là sự vật do nhân duyên mà thành, bản tính của sự vật tự nó không có thực tính nên nói là không có, vì do nhân duyên mà thành, cũng không phải không, nên nói là không không.

Nhìn thấy hình tướng của sự vật rồi chấp vào đó là nguyên nhân dẫn đến tâm sai lầm. Nhưng nếu nhìn thấy nó mà

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

không chấp lấy nó, thì không khởi lên toan tính. Giác ngộ chính là nhìn thấy đạo lý chân thật này và xa rời khỏi tâm toan tính.

Thế gian này thật như giấc mộng, tài sản bảo vật cũng là những vật như huyễn hoá. Cũng giống như khoảng cách rõ ràng trong một bức tranh, mọi thứ tự thân nó không có thực thể, chỉ như là quang năng.

4. Sự vật được xuất hiện là do vô số nhân duyên, nếu tin rằng nó tồn tại mãi như thế thì đó là quan điểm sai lầm, gọi là thường kiến. Và nếu tin rằng nó hoàn toàn không tồn tại thì đó cũng là quan điểm sai lầm, gọi là đoạn kiến.

Những đoạn, thường, hữu, vô này thật ra không phải là hình tướng chân thật của sự vật, mà đó là những hình tướng thấy được do chấp trước của con người. Sự vật vốn dĩ xa rời khỏi những hình tướng chấp trước này.

Tất cả sự vật đều do duyên mà sinh nên đều thay đổi, vì không có thật thể. Không phải là thứ vĩnh viễn bất biến như thể là có thật thể. Vì luôn thay đổi, như huyễn hoá, như giấc mộng. Tuy nhiên đồng thời sự thay đổi đó cũng là sự thật, vĩnh cửu bất biến.

Đối với con người nhìn thấy con sông là sông, nhưng đối với ngựa quỷ thì nhìn thấy nước sông là lửa, nên không thể nhìn thấy đó là sông. Do đó, về con sông ấy, đối với ngựa quỷ thì không thể nói là có, đối với con người thì không thể nói là không.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Cũng vậy, không thể nói tất cả sự vật đều là có, cũng không thể nói là không có, chúng như huyền hoá vậy.

Tuy nhiên, rời bỏ thế gian hư ảo này thì cũng không có thế giới chân thực, cũng không có thế giới vĩnh viễn bất biến. Do đó, xem thế gian này là giả cũng sai, là thật cũng sai.

Người phàm cho rằng thế gian này là thật có, và hành động theo kiến giải ấy. Nhưng vì thế giới này vốn chỉ là ảo ảnh, hành vi của họ dựa trên sai lầm, nên rốt cục dẫn họ đến tổn thất và khổ đau.

Người có trí huệ giác ngộ được đạo lý này, vì thấy huyền hoá là huyền hoá nên không rơi vào sai lầm trên.

Tiết 4: Con Đường Trung Đạo

1. Những người tu hành đạo giác ngộ cần phải tránh xa hai cách sống cực đoan. Một là đời sống bị nhấn chìm trong dục vọng, chịu thua dục vọng. Hai là đời sống khổ hạnh, tự hành hạ thân tâm mình một cách vô ích.

Tránh xa hai lối sống cực đoan này thì tuệ nhãn được khai mở, trí tuệ tăng tiến, có đời sống trung đạo dẫn đến giác ngộ.

Đời sống trung đạo ấy là gì? Đó là bát chánh đạo, gồm có: cách nhìn đúng (chánh tri kiến), tư duy đúng (chánh tư duy), nói năng chuẩn mực (chánh ngữ), hành động đúng (chánh nghiệp), sinh hoạt đúng (chánh mạng), tinh tấn nỗ lực đúng (chánh tinh tấn), nghĩ nhớ đúng (chánh niệm) và thiền định đúng (chánh định).

Vì tất cả sự vật sanh diệt do chuỗi nhân duyên vô cùng. Người phạm phu hoặc nhìn thấy có, hoặc nhìn thấy không. Nhưng cái nhìn của người có trí thì sẽ lìa khỏi có không. Đây là cái nhìn đúng đắn của trung đạo.

2. Một khúc cây trôi trên dòng sông, nếu khúc cây đó không dạt vào hai bên bờ, không chìm ở giữa dòng, không dạt lên trên bờ, không bị người vớt lên, không bị cuốn vào con xoáy, không bị hủ mục từ bên trong thì khúc cây đó sẽ trôi ra biển rộng.

Cũng giống như khúc cây trên, người tu hành đạo giác ngộ

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

nếu không bị vướng vào bên trong bên ngoài, không vướng vào có không, không vướng vào tà chánh, xa lìa mê lầm, không câu nệ chấp trước, đặt mình ở giữa dòng, ấy là quan điểm trung đạo, đời sống trung đạo.

Điều quan trọng đối với đời sống tu hành là đừng để vướng vào hai cực đoan này và phải thường xuyên bước trên con đường trung đạo.

Nếu biết rằng tất cả sự vật vốn không sanh mà cũng không diệt, chúng vốn là thứ không có bản chất cố định, thì không bị vướng mắc, cũng không vướng vào điều thiện mình làm, không bị sự vật trói buộc.

Không bị trói buộc có nghĩa là không nắm giữ, không chấp trước. Người tu hành đạo giác ngộ không sợ tử cũng không cầu sanh, không chạy theo kiến giải này kiến giải nọ.

Khi con người khởi tâm chấp trước, thì ngay khi ấy bắt đầu đời sống mê lầm. Do đó, người bước trên con đường tỉnh thức sẽ sống cuộc sống không nắm giữ, không chấp trước, không vướng mắc, không chấp nê.

3. Vì sự giác ngộ thì không có hình dáng hay vật thể nhất định, nên sự giác ngộ tự nó không có cái gì được giác ngộ.

Vì có mê lầm cho nên nói đến giác ngộ, nếu không có mê lầm thì giác ngộ cũng không. Lìa khỏi mê thì giác cũng không, lìa khỏi giác thì mê cũng không.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Do đó, việc có sự giác ngộ thành ra là chướng ngại. Do vì có bóng tối nên có chuyện chiếu sáng, nếu không có bóng tối thì việc chiếu sáng cũng không. Việc chiếu sáng và cái được chiếu sáng cũng không còn.

Người tu hành đạo giác ngộ khi đã giác ngộ rồi sẽ không vướng vào sự giác ngộ ấy. Bởi vì việc phân biệt có sự giác ngộ thì lại thành ra là mê lầm.

Nếu đến được cảnh giới ấy thì tất cả mê lầm cứ thế là sự giác ngộ. Bóng tối cứ thế là ánh sáng. Và phiền não cứ thế là bờ-đề.

4. Mọi sự vật đều bình đẳng, không có sai biệt, đó gọi là không. Bản chất của sự vật là không có thật thể, không sanh cũng không diệt. Điều này do vì không thể diễn đạt bằng ngôn từ nên nói là không.

Tất cả sự vật do sự liên hệ hỗ tương mà thành, nương vào nhau mà tồn tại, không phải tự mình hình thành nên.

Cũng giống như hình với bóng, ngắn với dài, trắng với đen, bản chất của sự vật không phải tự mình mà có thể tồn tại, nên nói là vô tự tánh.

Lại nữa, nếu không có mê lầm sẽ không có giác ngộ, ngoài giác ngộ sẽ không có mê lầm. Hai điều này không phải là thứ khác xa nhau, không phải là hai thứ tương phản nhau.

5. Con người thường có thói quen nghĩ rằng sự vật thì

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

có sanh có tử, nhưng thật ra vốn không có sanh cũng không có tử.

Khi con người có thể nhìn thấy được sự thật này thì họ có thể chứng ngộ được chân lý biết sanh tử không phải hai.

Vì con người cho rằng có cái tôi nên chấp vào cái của tôi, nhưng vốn dĩ không có cái tôi nên chắc chắn cũng không có cái của tôi. Khi biết không có cái tôi và cái của tôi thì chứng được chân lý vô sai biệt.

Con người cho rằng có thanh tịnh và nhiễm ô nên vướng vào hai điều này. Tuy nhiên, vốn dĩ sự vật không thanh tịnh cũng không nhiễm ô, cả thanh tịnh và nhiễm ô chẳng qua đều là thứ được tạo thành do dụng tâm của con người.

Con người cho rằng thiện và ác vốn là những thứ khác biệt nhau nên vướng vào thiện ác. Tuy nhiên, không có cái thiện riêng rẽ, cũng không có cái ác riêng rẽ. Người đã bước vào con đường giác ngộ biết rằng thiện ác này vốn không phải là thứ khác biệt nên chứng được chân lý ấy.

Con người vì lo sợ bất hạnh nên cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, với trí tuệ chân thật mà nhìn hai điều này thì sẽ biết chính sự bất hạnh là hạnh phúc và hạnh phúc là bất hạnh. Người có trí tuệ biết đối diện cuộc đời vô thường bằng tâm thái bình đẳng, không phẫn khởi vì thành công cũng không chán nản vì thất bại. Như thế là người chứng được chân lý vô sai biệt.

Do đó, dù có nói là hữu hay vô, mê hay giác, thật hay bất

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

thật, chánh hay tà, nhưng thật ra về mặt bản chất không có những khái niệm tương phản như thế. Khi con người có thể xa lìa khỏi những phạm trù này thì có thể chứng được cái không (sūnyatā) chân thật.

6. Ví như hoa sen không thể sống được nơi đất liền hay cao nguyên sạch sẽ mà chỉ nở trong bùn lầy ô nhiễm, cũng thế, không có chuyện lìa khỏi mê mà có giác ngộ, hạt giống Phật được sinh ra từ nơi mê vọng và kiến giải sai lầm.

Nếu không dấn thân vào mọi hiểm nguy, lặn xuống đáy biển thì không thể lấy được ngọc quý vô giá. Cũng vậy, nếu không vào biển lầy mê vọng thì không thể được viên ngọc giác ngộ. Người cầu đạo giác ngộ trước tiên bị lạc vào ngọn núi của bản ngã và sự vị kỷ trước khi vị ấy nhận ra và mong muốn tìm thấy con đường dẫn vị ấy đi đến giác ngộ.

Có câu chuyện, có vị tiên nhân vì lòng quyết cầu đạo, leo lên núi đao mà không bị thương, gieo thân mình vào lửa dữ mà không bị cháy, lại còn cảm thấy mát mẽ. Nếu có lòng cầu đạo, sẵn sàng mạo hiểm, thì sẽ tìm thấy ngọn gió mát, dù trên núi đao với danh dự lợi dục, hay trong lửa dữ sân hận, và cuối cùng vị ấy cũng sẽ cảm nhận được có ngọn gió của sự giác ngộ thổi qua.

7. Lời Phật dạy dẫn con người đến chân lý vô phân biệt, rời xa hai thành kiến cực đoan. Tuy nhiên, nếu chấp trước mà chọn lấy một trong hai cực đoan thì cho dù đó là thiện, là chánh đi nữa cũng là điều sai lầm.

Tâm và Trạng Thái Vốn Có Của Sự Vật

Nếu con người khẳng khẳng nghĩ rằng tất cả sự vật đều là không, là vô thường biến đổi, thì đó cũng là bị rơi vào tư duy sai lầm. Và nếu khẳng khẳng nghĩ rằng tất cả sự vật không có sự thay đổi thì điều này lại càng là tư duy sai lầm. Lại nữa, nếu con người chấp rằng có cái ngã, đây là tư duy sai lầm, nên không thể lìa khỏi khổ đau. Nếu con người chấp là không có cái ngã, đây cũng là tư duy sai lầm, nên dù có tu hành cũng không có hiệu quả. Và lại nữa, nếu chấp rằng tất cả sự vật chỉ là khổ đau, đây cũng là tư duy sai lầm. Và nếu cho rằng tất cả sự vật toàn là điều vui sướng thì đây cũng là tư duy sai lầm. Lời Phật dạy là trung đạo, lìa xa những cặp phạm trù này.

Chương thứ ba

Phật Tánh

Tiết 1: Tâm Thanh Tịnh

1. Con người có nhiều loại. Có người trí tuệ, có người ngu muội. Có người tốt tính, có người xấu tính. Có người dễ độ, có người khó độ.

Cũng giống như ao sen có đủ chủng loại màu sắc xanh đỏ vàng trắng. Sinh ra trong nước, lớn lên trong nước, cũng có hoa không vượt lên mặt nước, có hoa lên đến mặt nước, có hoa cao hơn mặt nước, có hoa không còn bị ướt bởi nước.

Con người cũng có nhiều sai biệt. Có sự sai biệt về giới tính nam nữ, nhưng không phải sai biệt về mặt bản chất. Bởi vì, nếu tu hành, trải qua những tiến trình tâm cần thiết, thì cả nam và nữ đều cũng có thể đạt đến giác ngộ.

Trong việc học cách điều phục voi, phải có niềm tin, sức khỏe, siêng năng, không dối trá và trên hết là phải có trí tuệ. Việc theo Phật để được đạo giác ngộ cũng thế, quả là cần phải có năm điều này. Nếu có năm điều ấy thì dù nam hay nữ, không cần nhiều thời gian để học lời Phật dạy. Bởi vì người như thế là đều có đầy đủ những tánh chất cần thiết để giác ngộ.

2. Trên con đường giác ngộ, con người nhìn thấy đức Phật bằng con mắt của riêng mình, tin Phật bằng cái tâm của riêng mình. Cũng vậy, chính con mắt ấy, cái tâm ấy của

con người đem con người lưu chuyển trong mọi nẻo đường sanh tử cho đến hôm nay.

Như một vị vua khi muốn dẹp giặc xâm phạm bờ cõi thì trước hết điều quan trọng là phải biết bọn giặc ấy đang ở đâu. Muốn sạch hết mê lầm cũng thế, trước hết cần phải xác định nhân quan ấy, cái tâm ấy ở đâu.

Người ở trong gian phòng, nếu mở mắt ra thì trước tiên sẽ nhìn thấy đồ đạc trong gian phòng, rồi qua cửa sổ, nhìn thấy quang cảnh bên ngoài. Không có chuyện không nhìn thấy đồ đạc trong phòng mà chỉ có thể nhìn thấy những vật bên ngoài.

Thế nhưng đáng lẽ ra, nếu nơi thân có tâm thì trước tiên đương nhiên phải biết chi tiết về nội thân, nhưng con người thường chỉ biết những thứ bên ngoài thân mà hầu như không biết gì về nội thân.

Lại nữa, giả như tâm ở ngoài thân thì tâm và thân cách rời nhau, cái tâm biết thì thân không biết, cái thân biết thì tâm không biết. Nhưng thật ra cái tâm biết thì thân cảm nhận được, cái thân cảm nhận được thì tâm biết rõ. Do đó, không thể có chuyện là thân ở ngoài tâm.

Thế thì, rốt cuộc về bản chất, tâm ở đâu?

3. Vốn dĩ từ vô thủy xa xưa, chúng sanh bị trói buộc bởi nghiệp và phiền não. Lầm lỗi chồng chất do không biết nguồn gốc của hai điều sau đây.

Phật Tánh

Thứ nhất là, làm tưởng cho rằng tâm mê mờ - nguồn gốc của sanh tử là bản tính của mình. Thứ hai là, không hiểu được rằng tâm thanh tịnh vốn là bản chất của giác ngộ, là cái có sẵn trong tự thân, nó tiềm ẩn đằng sau tâm mê mờ.

Khi một người nắm chặt tay lại rồi giờ lên, mắt nhìn vào đó và tâm phân tích về nó. Tuy nhiên tâm phân tích ấy không phải là tâm chân thật.

Tâm toan tính khởi lên từ dục tham, đó là tâm toan tính đến điều kiện của mình, là tâm sinh khởi do có nhân duyên, không phải là bản tâm, là tâm thay đổi vô thường. Nhưng con người cho rằng tâm ấy là tâm chân thật, và thế là mê lầm sanh khởi.

Kế đến, người đó xòe bàn tay ra, tâm biết rằng bàn tay đã xòe ra. Động tác đó là tay hay là tâm hay không phải cả hai.

Khi tay cử động tâm cũng cử động, và khi tâm cử động thì tay cũng cử động. Tuy nhiên cái tâm cử động ấy là bề nổi bên ngoài của tâm chứ không phải là tâm căn bản chân thật.

4. Tất cả chúng sanh đều có bản tâm thanh tịnh. Nó bị che mất bởi bụi trần mê mờ do những nhân duyên bên ngoài. Nhưng tâm mê mờ ấy là khách chứ không phải là chủ.

Ánh trăng đôi khi bị mây che, nhưng mây không thể làm bản trăng, và cũng không thể làm xao động trăng.

Do đó, con người không nên nghĩ rằng bản tánh của mình

là tâm mê mờ như bụi trần phiêu bạt.

Con người cần phải quay về với cái chân thực của mình, nhìn thấy được bản tâm giác ngộ không lay động, không nhiễm ô. Con người bị lôi kéo bởi tâm mê lầm phiêu bạt, bị thúc đẩy bởi những tri kiến trái chiều nên phải lênh đênh nơi bờ mê.

Tâm mê lầm và ô nhiễm của con người là cái được khởi lên do lòng dục và mối tương tác của nó với ngoại duyên vốn luôn biến đổi.

Duyên ấy dù đến dù đi cũng không liên quan, cái tâm vĩnh viễn bất diệt không thay đổi, tâm đó là bản tâm của con người, cũng gọi là chủ.

Cũng giống như không thể nói vì khách đi rồi nên không có cái phòng, không thể nói vì cái tâm toan tính sanh diệt do duyên mất rồi thì không còn cả chính mình. Dụng tâm toan tính đổi thay do duyên ấy không phải là bản tâm.

5. Ở đây có một giảng đường, khi mặt trời lên thì nó sáng, khi mặt trời lặn thì nó tối. Giả sử như trả ánh sáng lại cho thái dương, trả bóng tối lại cho màn đêm. Nhưng năng lực để biết về ánh sáng và bóng tối ấy thì không thể trả về đâu được. Đó là bản tâm, chỉ còn cách trở về bản tâm.

Việc thấy ánh sáng khi mặt trời xuất hiện chẳng qua chỉ là tâm nhất thời, và việc thấy bóng tối khi mặt trời lặn cũng là tâm nhất thời.

Phật Tánh

Như thế, tâm biết được sáng tối do được dẫn dắt bởi ngoại duyên sáng tối, nhưng tâm biết được sáng tối ấy là tâm nhất thời chứ không phải bản tâm, cái căn bản của năng lực biết sáng tối ấy là tâm căn bản.

Những ý nghĩ yêu ghét, thiện ác sanh rồi diệt do ngoại duyên, là tâm nhất thời khởi lên do những nhiễm ô được tích tàng trong tâm con người.

Dù bị bao bọc bởi bụi trần phiền não nhưng vẫn có cái tâm không bị tạp nhiễm, không bị vấy bẩn, vốn dĩ thanh tịnh như tự bao giờ.

Nước đựng trong vật chứa có hình tròn thì nước ấy tròn, đựng trong bình vuông thì có hình vuông. Nhưng vốn dĩ không phải nước ấy có hình tròn hay hình vuông. Tuy nhiên hầu hết mọi người quên mất điều này và bị vướng vào hình thù của nước.

Con người nhìn thấy điều thiện điều ác, nghĩ đến điều thích hay không thích, cho rằng có hay không có, bị chi phối bởi những điều như thế, bị trói buộc bởi những quan điểm như thế, rong ruổi theo những thứ bên ngoài và rồi chuốc lấy khổ đau.

Nếu trả lại cho ngoại duyên những quan điểm bị trói buộc, quay trở về bản tánh không bị trói buộc của mình thì cả thân và tâm đều không bị chướng ngại vì bất cứ gì, có thể đạt đến cảnh giới tự do giải thoát.

Tiết 2: Phật Tánh

1. Bản tâm thanh tịnh, nói khác đó là Phật tánh. Phật tánh có nghĩa là hạt giống Phật.

Nếu dùng kính hướng về phía mặt trời và chiếu vào đồng lá khô thì sẽ ra lửa, vậy lửa ấy do đâu mà có? Mặt trời và lăng kính cách xa nhau không thể hợp nhất với nhau, nhưng chắc chắn lửa của mặt trời nhờ duyên của lăng kính mà hiện lên trên lá khô. Và nếu cho dù có mặt trời mà không có chất cháy nơi lá khô thì lửa cũng không xảy ra nơi đồng lá khô.

Bây giờ, Phật tánh được ví như lá khô, vốn dĩ có thể sinh ra Phật, nếu chiếu lăng kính là trí tuệ của Phật vào thì sẽ có ngọn lửa là Phật. Ấy là ngọn lửa đức tin khai mở Phật tánh, cháy bùng trên đồng lá khô là chúng sanh.

Đức Phật dùng lăng kính trí tuệ ấy chiếu vào thế gian này và rồi thế gian này được thắp sáng với ngọn lửa lòng tin.

2. Con người vì quay lưng với cái Phật tánh giác ngộ vốn có này, rồi bị vướng vào bụi trần phiền não, tâm trí bị buộc vào những tướng trạng thiện ác của sự vật, rồi ta thân là bất tự do.

Vì sao con người đã có sẵn tâm giác ngộ vốn có mà vẫn sinh ra sai lầm, che mất ánh sáng Phật tánh, lênh đênh trong thế giới mê mờ như thế?

Có chuyện kể ngày xưa có một anh thanh niên, vào một

Phật Tánh

buổi sáng, khi nhìn vào gương đã kinh ngạc vì không thấy mặt và đầu của mình. Tuy nhiên, không phải đầu và mặt của anh ta mất mà chỉ vì anh ta nhìn vào mặt sau của gương! nên mới thấy như vậy.

Nỗi khổ vì muốn đạt được sự giác ngộ mà không đạt được là ngu si và cũng không cần thiết. Trong giác ngộ không có mê lầm, sai lầm ở nơi con người, đã tìm sự giác ngộ nơi cái tâm phân biệt, họ không biết rằng đó là vọng tâm chứ không phải chân tâm. Vọng tâm ấy là tâm bị xao động bởi bụi trần tham si bên ngoài che mất tâm chân thật.

Cho nên, nếu từ bỏ vọng tưởng thì giác ngộ sẽ tự quay về, và sẽ hiểu ra rằng giác ngộ không phải là cái bên ngoài vọng tưởng. Điều bất tư nghì ở đây là, khi người ta ngộ đạo, thì thấy rằng không có vọng tưởng cũng không có cái được giác ngộ.

3. Phật tánh này không cùng tận. Cho dù sinh ra làm súc sinh, chịu cái khổ nếm quả, hay bị rơi vào địa ngục thì Phật tánh này cũng không tuyệt mất.

Cho dù trong thân ô uế, cho dù dưới đáy tận cùng của phiền não nhiễm ô, hay hoàn toàn bị lãng quên, mối liên hệ của con người với Phật tánh cũng không bao giờ mất.

4. Có câu chuyện rằng, ngày xưa có một người đến nhà bạn chơi. Trong khi say rượu và ngủ thiếp đi thì người bạn có chuyện cần gấp phải đi ngay. Người bạn ấy vì nghĩ đến

tương lai của người này, liền khâu vào tà áo của người ấy một viên bảo ngọc quý giá.

Kẻ say rượu này không hề biết điều đó. Khi tỉnh dậy anh ta đi qua nước khác, lao nhọc để có đồ ăn cái mặc. Sau đó, có lần may mắn gặp lại người bạn cũ nọ, được người bạn ấy chỉ rằng, hãy dùng viên ngọc khâu sẵn nơi áo anh.

Cũng giống như câu chuyện này, bảo ngọc tức là Phật tánh, bị che đậy trong tà áo phiền não tham sân, nhưng Phật tánh ấy không bị nhiễm ô, vẫn sáng sạch và vô giá.

Cũng vậy, bất cứ ai cũng có sẵn trí tuệ Phật. Đức Phật nhìn thấy điều đó và tin rằng tất cả chúng sanh đều có sẵn công đức và trí tuệ Phật.

Thế nhưng con người vì bị ngu si che lấp, nhìn vấn đề ngược lại, vì không nhìn thấy Phật tánh của chính mình, Phật dạy cho con người xa lìa vọng tưởng, và cho con người biết rằng, vốn dĩ, họ không khác với Phật.

5. Ở đây, nói đến Phật là Phật đã thành, con người là Phật sẽ thành trong tương lai, ngoài ra không có gì sai khác.

Tuy nhiên, cho dù là Phật sẽ thành, nhưng vì chưa thành Phật nên nếu nghĩ rằng mình đã thành đạo thì phạm phải sai lầm lớn.

Cho dù có Phật tánh nhưng nếu không tu thì nó sẽ không hiển bày, nếu nó không hiển bày thì hoàn toàn không có chuyện là đã thành đạo.

Phật Tánh

6. Chuyện kể, ngày xưa có một vị vua, tập hợp nhiều người mù lại và cho sờ một con voi, rồi bảo những người mù này mỗi người hãy kể về con voi ấy như thế nào. Người sờ vào ngà voi thì nói con voi như củ cà-rốt lớn, người sờ vào tai voi thì nói voi như cái quạt, người sờ vào mũi voi thì nói voi như cái chày, người sờ vào chân voi thì nói voi giống như cái cối giã, người sờ vào cái đuôi thì nói voi như sợi dây thừng. Không ai có thể biết về một con voi hoàn chỉnh.

Cái thấy của con người cũng như thế, dù cho có thể mô tả một phần về bản chất của con người, nhưng không thể mô tả đúng về bản chất chân thực của con người, tức là Phật tánh.

Muốn tìm thấy Phật tánh bất sanh bất diệt, dù chết cũng không mất, dù trong phiền não cũng không nhiễm ô, thì chỉ có cách là nương tựa vào Phật và giáo pháp của ngài.

Tiết 3: Vô Ngã

1. Nói đến việc rằng con người có Phật tánh, có thể có giáo lý dạy rằng Phật tánh ấy cũng giống như bản ngã, nhưng như thế là sai lầm.

Khái niệm về ngã là do tâm chấp trước nghĩ ra, nhưng đối với người giác ngộ thì ngã là cái chấp trước cần phải bị phủ định, Phật tánh là viên ngọc cần phải được khai mở. Phật tánh có nơi ngã nhưng đó không phải là trường hợp “có tôi” hay “cái của tôi”.

Ý nghĩ rằng có ngã là coi cái không có là có, ấy là cái hiểu biết sai lầm; không công nhận Phật tánh, tức coi cái có là không có, ấy cũng là hiểu biết sai lầm.

Điều này có thể giải thích bằng một ví dụ. Ví như có người mẹ đem đứa con bị bệnh của mình đến bác sĩ, vị bác sĩ cho thuốc và dặn không nên cho con bú cho đến khi dùng hết thuốc.

Người mẹ bèn bôi chất đắng vào vú làm cho đứa trẻ không đòi bú nữa. Sau đó đến khi thuốc hết, người mẹ rửa sạch chất đắng ở vú mình và cho con bú. Hành động này của người mẹ là vì lòng thương yêu con bà.

Tương tự như thế, đức Phật vì muốn dẹp bỏ cái hiểu sai lầm, dẹp bỏ chấp ngã cho chúng sanh nên nói là không có ngã, và khi đã dẹp được cái hiểu sai lầm ấy rồi thì lại nói có Phật tánh.

Ngã là cái dẫn đến mê lầm, Phật tánh là thứ dẫn đến giác

Phật Tánh

ngộ.

Chuyện kể có người phụ nữ, trong nhà có hũ vàng mà không hay biết, sống bần khổn mãi cho đến một ngày có người đào hũ vàng ấy ra và đưa vàng cho bà. Cũng như chuyện này, đức Phật đã khai mở và chỉ Phật tánh cho chúng sanh.

2. Nếu thế, vì sao con người đã có sẵn Phật tánh mà lại có sự phân biệt quý tiện, giàu nghèo? sao có chuyện đau lòng như giết hại lẫn nhau, dối trá lẫn nhau?

Cũng như có một lực sĩ làm việc trong cung đình, anh ta hay đeo một viên kim cương trước trán. Có lần khi đánh vật thì viên kim cương này đập vào trán và bị dính sâu trong da trán. Người lực sĩ này tưởng mất viên kim cương rồi. Nhưng khi đến nhờ bác sĩ trị vết thương, bác sĩ nhìn qua biết vết thương ấy là do viên kim cương dính vào trong da, liền lấy ra cho vị lực sĩ ấy.

Phật tánh của chúng sanh cũng bị che lấp trong bụi trần phiền não nên không thể nhìn thấy, nhưng nhờ vị bác sĩ giỏi là đức Phật mà tìm thấy được trở lại.

Như thế, cho dù có Phật tánh nhưng vì nó bị che đậy bởi tham, sân, si, bị trói buộc bởi nghiệp và quả báo nên con người phải thọ nhận những nghịch cảnh khác nhau. Nhưng thực tế Phật tánh không bị mất, cũng không bị phá hoại, nếu loại bỏ được mê lầm thì sẽ tìm thấy lại được.

Cũng như vị lực sĩ trong ví dụ trên tìm thấy viên ngọc nhờ vị bác sĩ lấy ra cho, chúng sanh cũng sẽ thấy được Phật tánh nhờ ánh hào quang của Phật.

3. Cũng giống như bò cái, dù có loại lông trắng, lông đen, lông đỏ khác nhau nhưng nếu vắt sữa thì sẽ có một màu trắng như nhau, Phật tánh cũng vậy, cho dù trong nghịch cảnh khác nhau, sinh hoạt khác nhau nhưng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau.

Ví như trên núi Himalaya có loài thuốc quý, nhưng bị che khuất bởi lùm cỏ dày nên con người không thể tìm ra. Thuở ấy có một vị tiên tìm thấy mùi hương của nó, và biết chỗ thuốc ấy, ông làm một cái ống để đựng thuốc trong đó. Nhưng sau khi vị tiên này mất đi thì thuốc ấy bị chôn vùi trong núi, bị thối đi trong ống ấy, tuy chỗ nước trong ống ấy đổ ra mà mùi vị của nó biến đổi hẳn.

Phật tánh cũng như ví dụ này, vì bị che khuất sâu trong lùm cỏ phiền não nên con người không dễ tìm thấy nó. Nay Phật đã khai mở lùm cỏ ấy và chỉ cho mọi người. Dù hương vị của Phật tánh là chỉ có một, nhưng do vì phiền não mà lưu xuất ra nhiều loại mùi vị, con người sống theo nhiều nếp sống khác nhau.

4. Phật tánh này bền chắc như đá kim cương, không thể phá hoại. Cho dù có thể dùng thùng sỏi cát đá nhưng không thể dùng thùng được đá kim cương. Cho dù thân tâm có thể bị phá huỷ nhưng Phật tính thì không thể phá huỷ được.

Phật Tánh

Phật tánh là đặc chất cao quý nhất của con người. Trong thế gian có đủ loại người khác nhau như nam tôn nữ ti, nhưng trong giáo pháp của Phật dạy, về Phật tánh thì tất cả chúng sanh không có sự sai biệt.

Nấu chảy quặng vàng thì những tạp chất sẽ trôi đi, và nếu luyện lên thì sẽ có được vàng ròng quý giá. Tâm như quặng vàng, nếu nấu chảy ra thì phiền não sẽ trôi đi, dù bất cứ ai Phật tánh thanh tịnh cũng bình đẳng hiển bày.

Chương thứ tư

Phiền Nã

Tiết 1: Những Phiền Nã Của Con Người

1. Có hai loại phiền nã che khuất Phật tánh thanh tịnh.

Một là phiền nã thuộc tính biết. Hai là phiền nã thuộc tính cảm.

Hai loại phiền nã này là phân loại căn bản của tất cả phiền nã. Nếu tìm hiểu gốc rễ của những phiền nã này thì đó là vô minh và ái dục.

Vô minh và ái dục này có năng lực sinh ra tất cả phiền nã. Và chính hai thứ này là căn nguyên của tất cả phiền nã của chúng sanh.

Vô minh là vô tri, là không hiểu biết về đạo lý của sự vật. Ái dục tức là dục vọng bức bách, là căn bản của chấp trước đối với cái sanh, có dục vọng muốn đối với cái thấy cái nghe, và ngược lại cũng còn có dục vọng muốn chết.

Dựa trên vô minh và ái dục này, những phiền nã như tham, sân, si, tà kiến, oán hận, ganh ghét, nịnh hót, lừa dối, kiêu ngạo, khinh khi, vô tâm, ích kỷ và nhiều thứ phiền nã khác được sinh khởi.

2. Tham sinh khởi do vì nhìn thấy điều vừa ý rồi có ý nghĩ không đúng đắn. Sân sinh khởi là do vì nhìn thấy điều không vừa ý rồi có ý nghĩ không đúng đắn. Si là do vì vô

Phiền Nã

tri, không biết điều nên làm, điều không nên làm. Tà kiến khởi lên là do vì thọ nhận sự giáo huấn không đúng đắn rồi có suy nghĩ không đúng đắn.

Tham sân si là ba ngọn lửa của thế gian. Lửa tham làm nổi lòng dục, thiêu đốt con người mất tâm chân thật. Lửa sân làm nổi nóng giận, thiêu đốt con người hại mạng chúng sanh. Lửa si làm mê mờ tâm trí, thiêu đốt con người không hiểu biết Phật pháp.

Quả thật, thế gian này bị thiêu đốt bởi nhiều thứ lửa. Lửa tham, lửa sân, lửa si, lửa sanh già bệnh chết, lửa sầu bi khổ ưu, ngàn ngút cháy lên với nhiều loại lửa như thế. Những ngọn lửa phiền não này không chỉ có thiêu đốt ta mà còn dẫn đến hành động làm khổ người khác bằng những hành vi bất thiện từ thân, miệng, ý. Hơn nữa, những vết thương mưng mủ từ những ngọn lửa đó sẽ làm độc, tức dẫn con người đi vào con đường ác.

3. Lòng tham sinh khởi do ý muốn có nhiều, sân sinh khởi do cảm giác không có đủ, si sinh khởi do ý nghĩ không trong sạch. Tham thì ô nhiễm của tội lỗi tuy ít nhưng không dễ từ bỏ nó. Sân thì ô nhiễm tội lỗi nhiều nhưng có thể từ bỏ nó nhanh hơn. Si thì ô nhiễm tội lỗi nhiều và rời bỏ nó không dễ dàng.

Do đó, con người cần phải nghĩ đúng khi nhìn thấy tướng trạng điều mình ưa thích, nuôi dưỡng lòng từ khi nhìn thấy những thứ mình không ưa, thường phải tư duy đúng đắn thì có thể dập tắt ba ngọn lửa này. Nếu con người khi nào cũng

đầy đủ chánh tâm, thanh khiết, vô tư thì sẽ không bị phiền não quấy nhiễu.

4. Tham sân si là những thứ như cơn nóng sốt. Dù bất cứ ai, hễ có cơn sốt đó thì dù có nằm trong phòng trắng lệt thể nào đi chăng nữa cũng trần trọc bởi cái nhiệt đó và khổ sở không thể ngủ ngon giấc được.

Người không có những cơn nóng sốt là ba thứ phiền não này thì dù là đêm đông mà ngủ trên sàn mỏng với nệm bằng lá khô cũng vẫn ngủ ngon giấc, đêm hè dù có nằm trong gian phòng chật hẹp kín bưng cũng vẫn ngủ ngon lành.

Ba thứ tham, sân, si này là nguồn gốc sâu bi và đau khổ của thế gian. Để chấm dứt sâu bi và đau khổ ấy thì phải tuân theo giới cấm, thực hành thiền định và phải có trí huệ. Tuân theo giới cấm để dẹp bỏ ô nhiễm của lòng tham, thực hành thiền định là để dẹp bỏ ô nhiễm của sân hận, trí tuệ là để dẹp bỏ nhiễm ô của si mê.

5. Dục vọng của con người là vô cùng, cũng giống như cái khát của người uống nước muối, không bao giờ hết khát. Anh ta sẽ không bao giờ thấy uống đủ, cơn khát càng lúc càng tăng.

Con người muốn thỏa mãn cái muốn, nhưng chỉ lại chứa chất điều bất mãn.

Con người tuyệt nhiên không thể làm thỏa mãn cái muốn

Phiền Nã

được, và rồi có cái khổ sở vì cầu mà không được, khi không thể thỏa mãn, thì trở nên điên cuồng.

Con người chiến tranh vì lòng tham muốn, vì cái muốn mà đấu tranh. Vua với vua, thần với thần, cha với con, anh với em, chị với em, bạn bè với bạn bè, chỉ vì lòng tham muốn mà điên cuồng cãi vã lẫn nhau, giết chóc lẫn nhau.

Và con người vì lòng tham muốn mà hủy hoại cả thân mình, trộm cắp, lừa đảo, hoang dâm. Đến khi bị bắt, chịu đựng hình phạt thì buồn phiền đau khổ.

Con người cũng vì lòng dục mà chất chồng tội lỗi từ thân, miệng, ý. Không những chịu nhiều sự khổ nơi cõi đời này mà đời sau, khi chết đi còn phải đi vào thế giới tối tăm, chịu nhiều điều khổ sở.

6. Ái dục là vua của bao phiền não, tất cả mọi phiền não đều theo đó mà sinh ra.

Ái dục như mảnh đất ẩm có gieo mầm phiền não, sinh ra đủ mọi loại phiền não. Ái dục như ác quỷ ăn nuốt tính thiện, các thiện pháp sẽ bị tiêu diệt.

Ái dục như con rắn độc trú ẩn trong hoa, sẽ châm nọc độc sát hại người muốn hoa dục vọng. Ái dục như dây leo quấn vào cây làm cho cây khô héo đi, ái dục quấn vào tâm người, hút hết chất thiện trong tâm con người. Ái dục như miếng mồi ném cho ác ma, con người nếu bị cuốn vào dây thì sẽ chìm đắm vào con đường của ác ma.

Nếu cho con chó đói một mẩu xương khô bôi máu, con chó gặm ngấu mẩu xương ấy chỉ được một mẻ và lao nhọc. Ái dục không thể nuôi dưỡng tâm con người cũng giống hết mẩu xương và con chó đói kia.

Bầy thú tranh nhau miếng thịt rồi cầu xé nhau. Kẻ ngu si cầm bó đuốc mà đứng ngược gió nên bản thân mình bị thiêu cháy. Cũng như bọn mãnh thú kia, và cả như người ngu này, con người vì lòng dục mà làm tổn hại thân mình, thiêu cháy thân mình.

7. Con người ta có thể tránh mũi tên độc bắn từ bên ngoài vào, nhưng không có cách nào tránh được tên độc bắn từ bên trong. Bốn thứ tham, sân, si và kiêu ngạo được ví như bốn thứ tên độc làm phát sinh ra đủ thứ bệnh tật.

Khi tâm có tham sân si thì miệng con người ta sẽ nói dối, nói thừa, nói lời ác, nói hai chiều, thân sẽ phạm phải sát sinh, trộm cắp và tà hạnh.

Ý có ba điều, miệng có bốn điều, và thân có ba điều, đây là mười điều ác.

Nếu con người có thói quen nói dối, một cách tự nhiên, không ác sự gì mà không thể phạm. Vì làm điều ác nên họ phải nói dối, và khi họ đã nói dối được thì họ sẽ làm điều ác một cách bình thường.

Lòng tham, ái dục, lo sợ, sân giận đều do ngu si mà ra, bất hạnh, xui xẻo cũng từ ngu si mà ra. Ngu si thực sự là bệnh

Phiền Nã

độc của con người.

8. Từ phiền não mà có ác nghiệp, từ ác nghiệp mà dẫn đến khổ đau. Phiền não, ác nghiệp, khổ của con người là cái bánh xe quay hoài không ngừng nghỉ.

Vòng quay của bánh xe này là vô thủy vô chung. Nhưng con người không biết là cần phải tránh khỏi vòng luân hồi này, luôn phải theo vòng luân hồi quay về chỗ cũ, từ kiếp sống hiện tại đến kiếp sống sau này, cứ tái sinh mãi mãi.

Trong vòng luân hồi vô tận, kiếp sanh tử của con người được ví nhiều đến nỗi nếu chất xương tử thi thì cao hơn núi, nếu tập hợp sữa đã từng bú mẹ thì sữa ấy nhiều hơn nước biển.

Do đó, cho dù nói con người có Phật tánh nhưng do vì lún sâu trong bùn lầy phiền não mà khó nảy mầm. Phật tánh chưa nảy mầm ấy cho dù là có nhưng không thể nói có. Đây là lý do vì sao si mê của con người cứ liên miên bất tận.

Tiết 2. Tính Chất Của Con Người

1. Tính chất của con người khó hiểu được, như lùm cây không biết lối vào. Nếu so tính chất của người với tính chất của mãnh thú thì mãnh thú dễ hiểu hơn nhiều. Để phân loại tính chất khó hiểu này của con người thì có bốn hạng.

Một là hạng tự làm khổ mình do thụ giáo sai mà hành khổ hạnh.

Hai là hạng người làm khổ người khác, sát hại, trộm cắp, và ngoài ra còn làm nhiều điều hung ác khác nữa.

Ba là hạng người không chỉ tự làm khổ mình mà còn làm khổ người khác.

Bốn là hạng người không làm khổ mình mà cũng không làm khổ người khác, vị ấy xa lìa tham dục, sống an tịnh, gìn giữ lời dạy của Phật, không sát hại, không trộm cắp, hành hạnh thanh tịnh.

2. Ngoài ra, trên thế gian này còn có ba hạng người. Người như chữ khắc trên đá, người như chữ viết trên cát, và người như chữ viết trong nước.

Người như chữ khắc trên đá có nghĩa là người thường giận hờn, và cái giận ấy kéo dài, việc giận hờn như chữ được khắc trên đá, không nhòa.

Người như chữ viết trên cát là chỉ cho người thường giận hờn, nhưng cái giận ấy như chữ viết trên cát, nhanh chóng

Phiền Nã

mất đi.

Người như chữ viết trên nước là nói đến người đầy tính khí ôn hòa, dù nghe lời ác, lời không vui từ kẻ khác nhưng không hề để bụng, cũng giống như chữ được viết trên nước, sẽ bị trôi ngay không thể thành hình.

Và lại nữa, ngoài ra cũng có ba hạng người. Hạng thứ nhất là người tâm tánh cạn cợt dễ hiểu, cao ngạo, hời hợt, thường không trầm tĩnh. Hạng thứ hai là người tâm tánh sâu sắc khó hiểu, điềm tĩnh, chú ý sâu sắc đến sự vật, kham nhẫn dục vọng. Hạng thứ ba là người tâm tánh cực kỳ khó hiểu, là người đã diệt tận tất cả phiền não.

Như thế, chúng ta đã có thể phân loại ra những hạng người nói trên. Nhưng thực ra thì tính chất thật của con người không dễ hiểu. Chỉ có đức Phật mới hiểu biết hết về tất cả tính chất ấy và chỉ ra lời dạy phù hợp cho mỗi người.

Tiết 3: Hiện Thực Về Cuộc Đời

1. Có một câu chuyện ví dụ về cuộc đời. Có một người chèo thuyền xuôi theo dòng sông, có người đứng trên bờ nói lớn cảnh cáo rằng: “đừng có vui thú xuôi dòng như thế nữa, dưới hạ lưu kia có sóng, có dòng xoáy cuộn, có cá sấu và yêu quái dữ sống ở dưới sâu, cứ thế mà xuôi dòng thì phải chết mất đấy”.

Trong ví dụ này “dòng sông” là ví cho đời sống ái dục, “việc vui thú mà xuôi dòng” là ví cho việc chấp trước vào bản thân, “có sóng” là ví cho cuộc sống hận thù và phiền muộn, “có dòng xoáy cuộn” là ví cho cái vui dục lạc, “có cá sấu và yêu quái dữ sống ở dưới sâu” là chỉ cho cuộc sống hủy diệt bởi tội lỗi, và người đứng trên bờ đây là nói đến đức Phật.

Cũng có một ví dụ nữa. Có một người đàn ông phạm tội rồi chạy trốn. Vì bị truy lùng, trong lúc đến đường cùng thì thấy ngay chỗ mình đến có một cái giếng cổ, và có dây leo xuống dưới. Khi anh ta đang bám vào dây leo mà xuống giếng thì nhìn thấy dưới ấy có một con rắn độc đang há miệng chờ. Không còn cách nào khác, anh ta cứ bám vào sợi dây rồi treo tòng teng như vậy. Chẳng bao lâu thì anh ta cảm thấy hai tay đau buốt. Lại xuất hiện hai con chuột đen và trắng gặm nhấm sợi dây ấy.

Nếu sợi dây mà đứt thì chắc chắn anh ta sẽ rơi xuống làm mồi cho rắn độc. Bỗng anh ta ngẩng đầu nhìn lên thì thấy từ một tổ ong gần đó nhỏ xuống một hai giọt mật ong ngọt

Phiên Nã

ngào. Khi ấy người đàn ông ấy quên mất mối nguy của mình mà mê mẩn đi.

Trong ví dụ này, “có một người đàn ông” chỉ cho tướng trạng cô độc một mình sinh ra một mình chết đi, “bị truy lùng” hay “rắn độc” là chỉ cho thân thể của mỗi người vốn có nguồn gốc là ái dục, “sợi dây nơi giếng cổ” là chỉ cho mạng sống của con người, “hai con chuột đen và trắng” là chỉ cho thời gian năm tháng, “giọt mật ong” là chỉ cho cái vui dục lạc trước mắt.

2. Lại có một câu chuyện nữa. Có một ông vua sở hữu một cái hộp nhốt bốn con rắn độc. Ông ra lệnh cho một người đàn ông nuôi bốn con rắn đó và bắt anh ta phải hứa nếu làm cho một trong bốn con rắn đó nổi xung lên thì anh ta phải chết. Người đàn ông sợ cái lệnh ấy của nhà vua nên quăng cái hộp mà bỏ trốn.

Vua biết chuyện, liền sai cho năm vị hạ thần đuổi theo. Họ giả vờ lân la để bắt về. Người đàn ông này không tin nên lại chạy trốn vào một ngôi nhà trong làng.

Khi đó, trên không trung bỗng có tiếng nói rằng: “trong làng này không có ai cả và đêm nay sẽ có sáu tên cướp đến làng này”. Người đàn ông hết sức kinh hãi và lại trốn đi nơi khác. Anh ta đến một dòng sông có sóng lớn, khó mà băng qua sông được. Vì nghĩ rằng ở lại bên này thì nguy hiểm nên anh ta bèn làm một chiếc bè. Thật là thập tử nhất sinh, cuối cùng anh ta cũng đã qua được bờ và bắt đầu cảm thấy an lành.

Bốn con rắn độc là bốn yếu tố đất nước lửa gió tạo thành con người. Chúng có nguồn gốc là lòng dục, là kẻ địch của tâm con người. Do đó, người đàn ông kia đã chán ghét thân này mà bỏ chạy.

Năm viên quan hạ thần giả vờ làm quen với anh ta là năm yếu tố cấu thành thân tâm của con người.

Căn nhà anh ta ẩn náu trong làng là sáu quan năng của con người. Sáu tên cướp là sáu đối tượng của sáu quan năng ấy. Như thế, nhìn thấy sự nguy hiểm của các quan năng nên lại bỏ trốn, nhìn thấy con sông có sóng lớn là những hoạt động điên cuồng của phiên não.

Chèo chiếc thuyền giáo pháp băng qua con sông phiên não sâu vô tận này và đã đạt đến bờ bên kia một cách an lành.

3. Trên cõi đời, có ba trường hợp mà mẹ cũng khó có thể cứu được con, con cũng khó có thể cứu được mẹ. Đó là khi có tai hoạ về cháy lớn, khi có tai hoạ về lụt lớn, khi có tai nạn về trộm cướp lớn. Nhưng ba trường hợp tai nạn này đôi khi mẹ con có thể còn cứu nhau được. Ở đây nói đến ba trường hợp tai hoạ mà mẹ không thể cứu con, con không thể cứu mẹ. Đó là, khi cái già đoanh vây, khi cái bệnh đoanh vây, khi cái chết đoanh vây.

Người con làm sao thay thế được cái già của mẹ? Cho dù người con có khóc lóc vì cái bệnh hoành hành thì người mẹ làm sao có thể bệnh thay cho con? Cho dù là mẹ con, đối với cái chết của người con, hay cái chết của người mẹ, thì

Phiên Nã

họ cũng không thể nào thay thế cho nhau được. Cho dù tình thương của mẹ con sâu nặng đến chừng nào thì trong trường hợp này cũng không thể giúp nhau.

4. Đối với người có tội, khi còn sống trong thế giới này làm nhiều điều ác, chết đi đoạ vào địa ngục, Diêm Ma vương tra hỏi:

“Nhà ngươi khi còn sống trên cõi người đã không gặp ba vị thiên sứ sao?”

“Thưa đại vương, tôi không có gặp những vị ấy.

“Thế ngươi có từng gặp người già lưng còng, chống gậy đi run rẩy không?”

“Thưa đại vương, người già như thế thì nhiều lắm.

“Nhà ngươi dù đã gặp thiên sứ ấy, vậy mà không nghĩ mình cũng sẽ già đi mà mau mau làm điều thiện, nên bây giờ phải chịu quả báo.”

Diêm Ma vương lại hỏi: “Nhà ngươi có từng thấy người bị bệnh một mình không thể dậy được, mắt mờ, gầy yếu khôn khổ không?”

“Thưa đại vương, người như thế thì thấy nhiều lắm.

“Nhà ngươi đã gặp thiên sứ là người bệnh, vậy mà không nghĩ mình cũng sẽ bệnh, vì không e sợ gì cả nên đã vào địa ngục này”.

Diêm Ma vương lại hỏi: “Nhà ngươi có từng thấy người chung quanh nhà ngươi chết không?”

“Tâu đại vương, tôi đã nhìn thấy nhiều người chết lắm.

“Nhà ngươi đã từng gặp thiên sứ cảnh báo sự chết chóc, vậy mà không nghĩ mình sẽ chết, lười nhác làm điều lành nên nay nhận quả báo. Những gì nhà ngươi đã làm thì nay nhà ngươi phải chịu nghiệp báo của nó.”

5. Có câu chuyện có một người phụ nữ trẻ tên là Kisagotami. Do đứa con trai duy nhất còn rất nhỏ của cô ấy chết. Cô ta mất trí, ôm cái xác con mình đi khắp nơi tìm người cứu chữa.

Không thể làm gì được với người phụ nữ điên loạn này, người trong làng chỉ biết xót xa nhìn sự việc. Có vị đệ tử của Phật thấy thế bèn khuyên cô ấy đến chỗ đức Thích Tôn ở tinh xá Kỳ Viên, thế là người phụ nữ tức tốc ôm con đến chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn yên lặng nhìn rồi nói: “Này chị, để trị lành cho đứa bé này thì cần vài hạt cây Anh Túc. Chị hãy đi vào làng xin cho ta vài hạt. Nhưng những hạt Anh Túc đó phải từ những nhà nào mà không có bà con thân thuộc chết nhé.”

Thế rồi người phụ nữ điên đi vào làng tìm hạt Anh Túc. Hạt Anh Túc thì dễ có, nhưng nhà không có người chết thì không thể tìm ra được. Cuối cùng người phụ nữ này không kiếm được hạt và trở về chỗ đức Thích Tôn. Nhìn thấy thái

Phiền Nã

độ điềm tĩnh yên lặng của ngài, cô gái chợt ngộ được ý nghĩa lời Phật, cảm thấy như vừa tỉnh mộng, cô đem con chôn cất xong liền trở về quy y thành đệ tử của ngài.

Tiết 4: Chân Tướng Của Mê Vọng

1. Con người trong thế gian, tình người bạc bẽo, không biết tình thân hay tôn trọng lẫn nhau. Lại còn tranh giành nhau những điều đáng chán, sống trong dờ tẻ và khổ sở, cố công làm việc phần mình và rốt cục chỉ trải qua những tháng ngày như thế.

Dù có địa vị cao hay thấp, giàu hay nghèo, con người đều phải khổ vì một điều, đó là tiền. Có tiền cũng khổ, không có cũng khổ. Vì tâm của họ bị dục vọng điều khiển nên không thể nào an ổn.

Người giàu có nếu có ruộng sẽ lo về ruộng, nếu có nhà sẽ lo về nhà, chấp trước những thứ sở hữu và nỗi lo càng chồng chất. Hoặc khi gặp thiên tai, gặp khổ nạn, bị trộm cướp, bị thiêu cháy mà mất thì họ sẽ phiền não mà đến mất thân mạng. Tuy nhiên, họ chỉ đi một mình khi chết đi, không có ai đi theo, không có vật gì có thể mang theo được.

Người nghèo khó thì khổ vì thường không có đủ, muốn có nhà, muốn có ruộng, bị thiêu đốt vì những suy nghĩ muốn có muốn có này mà thân tâm rã rời. Và do đó mà không sống hết được cuộc đời mình, chỉ đến giữa chừng thì chết.

Họ nhìn thấy như thế tất cả thế gian này là thù địch, tử lộ một mình, phải một mình lủi thủi cất bước phương xa.

2. Lại nữa, thế gian này có năm điều ác. Một là, tranh giành lẫn nhau. Tất cả mọi loài từ con người cho đến loài

Phiền Nã

côn trùng bò bay máy cưa, kẻ mạnh hiếp đảo kẻ yếu, kẻ yếu khinh khi kẻ mạnh, cắn giết cắn xé lẫn nhau.

Hai là, không có sự phân biệt rõ ràng giữa một người cha và một người con, giữa một người vợ và một người chồng, người vai vế lớn và người vai vế nhỏ, tất cả không giữ gìn cho nhau. Ai cũng muốn mình là trung tâm, khinh khi lẫn nhau, tâm ý và lời nói khác nhau, không có thành thật.

Ba là, không có sự rõ ràng trong hành vi của người nam và người nữ, mọi người đôi khi có suy nghĩ không trong sạch và bất chính, muốn dẫn người kia đến những hành vi có vấn đề và thường đi đến ô danh, kiện cáo lẫn nhau.

Bốn là, không có ý tính cùng nhau làm điều lành, chỉ cho nhau làm ác, khi dối, nói lời vô ích, lời ác, lời hai chiều, làm tổn hại lẫn nhau. Không biết tôn kính nhau, chỉ có mình là cao cả vĩ đại, làm tổn thương người khác mà không hề phản tỉnh.

Năm là, biếng trễ trong mọi việc, không biết làm điều thiện, không biết ơn nghĩa, không biết trách nhiệm, chỉ hành động theo cái muốn của mình, làm phiền người khác và rồi cuối cùng phạm vào tội nặng.

3. Lẽ ra con người phải yêu kính lẫn nhau, nhường nhịn cho nhau, nhưng chỉ vì một chút lợi ích mà tranh giành ghét bỏ nhau. Và cho dù chỉ có chút tranh chấp nhỏ, nhưng theo thời gian lớn dần, sự ghét bỏ nhau lớn dần lúc nào không hay.

Những tranh chấp và làm hại lẫn nhau trên thế gian này không thể chấm dứt ngay, sự hiềm giận độc hại càng chồng chất, khi đã khắc sâu sự hiềm giận vào tâm khảm rồi thì dù tái sinh cũng sẽ làm tổn hại lẫn nhau.

Con người một mình sinh ra nơi thế giới ái dục này và một mình chết đi. Không có ai có thể chịu thay quả báo trong tương lai mà mỗi người phải tự chịu.

Việc thiện và việc ác có quả báo khác nhau, việc thiện được quả báo an vui, việc ác chịu quả báo tai ách, đó là đạo lý bất di bất dịch. Thế nhưng con người không nghĩ đến trách nhiệm đối với hành vi của mình, đến khi quả báo tất nhiên đến phải một mình gánh chịu.

4. Mỗi nhân duyên ái ân trối buộc con người trong ưu bi, trải qua tháng năm cũng không thể thoát khỏi những suy nghĩ đau buồn. Theo đó, họ ngụp lặn trong dục tham, bị bao vây bởi ác ý dẫn đến hành động không tốt, tranh chấp với người khác, không thể tiến gần con đường chân chính, dù chưa hết thọ mạng mà bị cái chết bủa vây rồi phải chịu khổ đau mãi mãi.

Hành vi của những người như thế này là trái với con đường tự nhiên, quay lưng với đạo lý của thế gian nên phải hứng lấy tai họa, phải chịu khổ chất chồng cả kiếp sống này và cả kiếp sau.

Thật vậy, những việc thế tục trôi qua như chớp mắt, không có gì có thể tin cậy được, không có gì là sức mạnh. Thật

Phiền Nã

đáng buồn cho những ai không biết điều này mà cứ mãi tìm cầu khoái lạc.

5. Những việc như trên chính là chân tướng của thế gian này, con người sống trong cái khổ mà chỉ làm điều ác không biết làm lấy một chút điều thiện. Do đó, đúng như quy luật, không thể nào tránh được quả báo khổ đau.

Con người chỉ chăm chăm coi trọng mình, không biết ban bố ân huệ cho kẻ khác. Nên bị dục vọng chi phối, dấy động các thứ phiền não. Do đó mà sinh khổ và chịu kết quả của khổ.

Vinh hoa thoáng chốc qua đi, không thể kéo dài mãi được. Khoái lạc trong cõi đời này cũng không có gì có thể còn mãi.

6. Do đó, con người nên gác việc đời, cầu đạo khi mình còn khoẻ mạnh và nguyện cầu đời sống vĩnh cửu. Ngoài việc cầu đạo giác ngộ ra thì có gì đáng nương tựa và hạnh phúc hơn nữa.

Nhưng con người không tin nếu làm điều tốt thì được thiện quả, nếu có hành vi hợp đạo lý thì được đạo lý. Họ cũng không tin nếu bố thí thì sẽ có hạnh phúc, không tin tất cả mọi điều thiện ác sẽ có liên quan đến mọi sự.

Họ chỉ có tư duy sai lầm. Không biết đạo lý, không biết điều thiện, tâm trí tối tăm, không biết rằng quy luật hoá

phước cát hung do đâu sanh khởi, chỉ khóc than về những thứ xảy ra trước mắt.

Vì không có vật gì mà không thay đổi nên nói vật vậ là vô thường. Con người chỉ biết than khóc đau thương, không nghe giáo pháp, không tư duy sâu sắc về tâm, chỉ ngụp lặn trong khoái lạc nhãn tiền, tham đắm tiền tài sắc dục mà không biết chán.

7. Con người ta, từ xa xưa sống trải qua thế giới u mê, lặn hụp trong ưu bi khổ não không thể nào nói hết. Cho đến ngày nay cái mê ấy cũng chưa dứt. Nay gặp giáo pháp của Phật, nghe danh Phật và tin cậy được là điều thật sự vui mừng.

Do đó cần tích tập tư duy lành, tránh điều ác chọn điều thiện, và phải nỗ lực tu tập.

Chúng ta ngày nay, hạnh phúc gặp được lời Phật, ai cũng cần phải tin lời Phật dạy, và nguyện được sinh trong cõi nước của ngài. Vì tin lời Phật dạy nên con người không theo người khác mà bước vào con đường phiền não và tạo tội ác nữa. Và lời Phật dạy ấy không chỉ để cho mình mình thực hành mà cần phải chỉ cho người khác cùng thực hành.

Sự Cứu Độ Của Phật

Tiết 1: Hạnh Nguyên của Đức Phật A-di-đà

1. Như từ trước đã nói, đời sống của con người là thứ khó lìa khỏi phiền não, và từ vô thủy xa xưa con người đã mang tội nghiệp chồng chất như núi, rồi u mê chồng chất u mê. Do đó, cho dù có viên ngọc Phật tánh nhưng không dễ dàng khai mở được.

Đức Phật nhìn thấu suốt điều này của con người. Trong thời xa xưa, có một vị bồ-tát, vì thương con người, muốn xoa dịu tất cả lo sợ cho con người mà làm vị bồ-tát đại từ bi, phát khởi nhiều hạnh nguyện, và thề rằng cho dù thân này chịu khổ nhọc thế nào thì cũng quyết thực hành cho bằng được. Đại khái những hạnh nguyện ấy là:

- a) Nếu tôi thành Phật thì những chúng sanh sinh vào trong cõi nước của tôi cũng có thể thành Phật, nếu chưa đạt được thì tôi nguyện không thành.
- b) Nếu tôi có thành Phật mà ánh sáng của tôi còn giới hạn chưa thể chiếu soi toàn cõi nước thì tôi nguyện không thành.
- c) Nếu tôi thành Phật mà thọ mạng có thể đếm được, cho dù là số bao nhiêu đi nữa, thì tôi cũng nguyện không thành.
- d) Nếu tôi thành Phật mà mười phương thế giới chư Phật không tán thán hết lời, không xưng danh hiệu tôi thì tôi nguyện sẽ không thành.

e) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh với tâm chân thật, khởi niềm tin sâu sắc muốn sanh vào nước tôi, nếu niệm danh hiệu tôi mười lần mà không thể sanh về, thì tôi nguyện sẽ không thành Phật.

f) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh khởi tâm cầu đạo, tu tập nhiều công đức, với tâm chân thật phát khởi hạnh nguyện muốn sanh về cõi nước của tôi, nếu khi người đó mệnh chung mà tôi không cùng các vị bồ-tát vĩ đại xuất hiện trước vị ấy để đón về thì tôi sẽ không thành Phật.

g) Nếu tôi thành Phật mà mười phương chúng sanh nghe tên tôi, nghĩ về cõi nước của tôi, với việc đã gieo trồng nhiều công đức, tận tâm cúng dường, muốn sanh về cõi nước của tôi mà không thể sanh về như ý, thì tôi nguyện không thành Phật.

h) Nếu tôi thành Phật, những chúng sanh sinh vào trong nước tôi sẽ đạt được giai vị đời sau sẽ thành Phật. Chỉ trừ những ai có phát thệ riêng, vì lợi ích của chúng sanh mà mặc áo đại nguyện, tinh tấn vì lợi ích và an lành cho thế gian, dẫn dắt vô lượng chúng sanh đến giác ngộ và thực hành đại từ bi. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

i) Nếu tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới khi tiếp xúc với ánh sáng của tôi thì thân tâm nhu nhuyến, muốn có những thứ thù thắng hơn cõi đời này. Nếu không như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

Sự Cứu Độ Của Phật

j) Nếu tôi thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới khi nghe tên tôi sẽ được niềm tin sâu sắc không bị sanh tử buộc ràng, và cũng được trí tuệ sâu màu không gì chướng ngại được, nếu không được như thế thì tôi nguyện không thành Phật.

Nay tôi phát khởi những thệ nguyện này, nếu những nguyện này không tròn đầy được thì tôi thề không thành chánh giác. Tôi sẽ thành nguồn ánh sáng vô tận chiếu soi khắp tất cả cõi nước, cứu vớt chư khổ não trong đời, vì chúng sanh khai mở kho tàng chánh pháp, ban bố công đức rộng khắp muôn nơi.

2. Lập nguyện như thế, vị ấy đã tích tập công đức trải qua thời gian dài vô lượng, kiến tạo quốc độ thanh tịnh và đã thành Phật từ xa xưa, nay đang thuyết pháp nơi thế giới cực lạc ấy.

Cõi nước ấy thanh tịnh, an ổn, lìa các phiền não, ngập tràn niềm vui của sự giác ngộ. Đồ mặc, thức ăn và tất cả những điều đẹp đẽ hiện ra đúng như mong muốn của những chúng sanh ở cõi nước ấy. Khi những cơn gió nhẹ thổi qua, những cây báu đung đưa phát ra âm thanh thuyết pháp khắp bốn phương, người nghe âm thanh ấy, cấu uế trong tâm tuyệt đối không còn.

Lại nữa, đất nước ấy luôn có những bông hoa sen đủ màu nở thắm, mỗi bông hoa có rất nhiều cánh, nơi mỗi cánh, ánh màu của cánh ấy lấp lánh, mỗi ánh sáng đó nói ra lời dạy của Phật, làm cho người nghe an lành trong con đường

đạo.

3. Lúc bảy giờ tất cả chư Phật trong mười phương khen ngợi công đức thù thắng của đức Phật này.

Bất cứ ai nghe đến danh hiệu của Phật này đều nhất tâm mừng vui tin tưởng, và do đó được sinh về cõi nước của Phật ấy.

Những người đến được cõi nước của Phật ấy đều có thọ mạng vô cùng, lại nữa tự mình còn phát thệ muốn cứu những người khác và nguyện ấy được khuyến khích thực hành.

Với việc phát khởi những thệ nguyện như thế sẽ lìa khỏi chấp trước, chứng được đạo lý vô thượng. Lợi ích cho mình mà đồng thời cũng làm lợi cho người khác, cùng sống trong từ bi với tất cả mọi người, không ràng buộc trong chấp trước thế gian.

Con người trong cõi Phật vừa hiểu khổ đau nơi cõi đời này, đồng thời cũng biết khả năng vô hạn về từ bi của Phật. Trong tâm họ không chấp trước, không còn phân biệt giữa mình và người, đến hay đi, tiến lên hay dừng lại đều không chấp nhất, tự do tự tại như mong muốn. Và hơn nữa, họ đã chọn ở lại cùng bên những người mà đức Phật đã rửa lòng từ bi.

Do đó, nếu có một người khi nghe danh hiệu của đức Phật này mà hoan hỷ đồng mãnh, dù chỉ một lần niệm danh hiệu

Sự Cứu Độ Của Phật

của ngài thì người ấy cũng được lợi ích lớn. Do đó, cho dù phải kinh qua thế giới đầy lửa dữ này, khi nghe lời dạy ấy thì nên hoan hỷ kính tin mà thực hành theo đó.

Nếu con người nghiêm túc muốn được giác ngộ thì dù gì cũng phải nhờ sức của đức Phật này. Không có sức gia trì của chư Phật mà có thể giác ngộ là điều không thể đối với con người thường tình nơi thế gian.

4. Đức Phật A-di-đà ấy không cách xa chúng ta. Cõi nước của Phật ấy tuy có xa nhưng cũng tồn tại trong tâm của những ai nhớ nghĩ đến Phật.

Trước tiên, nếu tưởng tượng nhìn thấy hình tướng của Phật ấy trong tâm, ngài có ngàn vạn ánh vàng chói sáng, có tám vạn bốn ngàn tướng mạo và đặc trưng. Nơi mỗi mỗi tướng mạo ấy có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi mỗi ánh sáng ấy chiếu soi đến những ai tín thành niệm Phật, bao dung không sót một ai.

Và với việc chiêm bái đức Phật này mà có thể chiêm bái được tâm của Phật. Tâm của ngài chính là lòng từ bi vĩ đại, không những cứu độ những người có tín tâm, mà còn cứu độ cho cả những người không biết đến hay quên mất lòng từ bi của Phật.

Đối với người có tín tâm, Phật ban cho cơ hội hợp nhất với ngài. Nếu nghĩ nhớ đến Phật thì vì ngài hoá thân đến khắp tất cả mọi nơi nên cũng hiện vào trong tâm của tất cả mọi người.

Chính vì thế, khi trong tâm nghĩ đến Phật thì tâm ấy thật sự có Phật với những đặc trưng và tướng mạo viên mãn, tâm ấy chính là tâm Phật.

Người có tín tâm thanh tịnh chơn chánh thì nên hình dung tâm mình chính là tâm của Phật.

5. Đức Phật có nhiều hình tướng, hiện ra tùy theo năng lực của mỗi người, đầy khắp nơi thế giới này, vô hạn không thể nghĩ lường hết được. Có thể chiêm ngưỡng hình tướng ấy trong vũ trụ, trong tự nhiên, trong mỗi mỗi con người.

Tuy nhiên, việc niệm danh hiệu Phật thì chắc chắn có thể chiêm bái được hình tướng của ngài. Đức Phật này thường có hai vị bồ-tát đi theo nghênh đón những ai niệm Phật.

Tuy hoá thân của Phật đầy khắp thế giới nhưng chỉ có người có tín tâm thì mới có thể nhìn thấy được.

Dù chỉ nghĩ đến hình tướng giả tạm của Phật thôi cũng được vô lượng công đức, nên công đức chiêm bái đức Phật chân thật là không thể nghĩ lường.

6. Tâm của đức Phật này chính là trí tuệ và từ bi vĩ đại cho nên đối với bất cứ hạng người nào cũng có thể cứu độ được.

Do ngu si mà phạm tội tà trời, tâm thì ôm những ý nghĩ tham sân si, miệng thì nói lời dối trá, nói lời vô ích, nói lời ác, nói hai chiều, thân thì sát sanh, trộm cắp, tà hạnh. Người

Sự Cứu Độ Của Phật

phạm 10 điều ác như thế, do vì những hành vi ác ấy mà vĩnh viễn chịu khổ trong tương lai.

Những người ấy khi mạng chung có bạn lành đến, thân thiết chỉ cho rằng: “lúc này có lẽ anh đang đau đớn, nghĩ đến Phật e cũng không nổi. Nhưng anh chỉ cần thầm gọi tên của Phật thôi cũng được lợi ích”.

Người ấy liền nhất tâm gọi tên Phật, trong khoảnh khắc, diệt trừ tất cả tội nghiệp vốn phải bị đoạ vào thế giới u mê và được cứu độ.

Nếu con người niệm danh hiệu Phật này thì sẽ tiêu trừ được tội lỗi vốn phải chịu đoạ vào trong thế giới u mê bất tận. Huống hồ nhất tâm nhớ nghĩ thì đương nhiên lại càng được lợi ích hơn.

Người tinh tấn niệm Phật là người thanh cao như hoa sen trắng. Sẽ thành bạn lữ với hai vị bồ-tát từ bi và trí tuệ, lại thường không xa lìa thánh đạo, và cuối cùng sẽ được sanh về cảnh giới tịnh độ.

Do đó, con người cần phải ghi nhớ điều này. Việc ghi nhớ điều này cũng là ghi nhớ danh hiệu của đức Phật ấy.

Tiết 2: Quốc Độ Thanh Tịnh

1. Đức Phật này hiện nay đang thuyết pháp. Con người ở cõi nước này đều không biết gì về khổ, chỉ vui sống những ngày tháng thông thả, nên gọi là cực lạc.

Nơi cõi nước ấy có ao sen được làm từ bảy báu, bên trong có đầy nước tinh sạch, đáy hồ được phủ cát bằng vàng ròng, có hoa sen lớn bằng bánh xe khoe sắc. Những hoa sen ấy, cái màu xanh thì toả ra ánh sáng xanh, cái màu vàng thì toả ra ánh sáng vàng, cái màu đỏ thì toả ra ánh sáng đỏ, cái màu trắng thì toả ra ánh sáng trắng, và mùi hương tao nhã thơm ngát.

Và chung quanh hồ ấy có những lầu các được làm bằng bốn báu vàng, bạc, ngọc xanh, pha lê, có cầu thang được làm từ đá cẩm thạch. Và ở những chỗ khác, trên hồ lại có những lan can chìa ra khỏi hồ, được bao quanh bằng những tấm màn cản ngọc quý. Chính giữa là nhiều hàng cây và hoa thơm ngát quanh năm khoe sắc.

Trên không trung có tiếng nhạc trời, trên mặt đất có ánh sáng sắc vàng, suốt ngày đêm có mưa hoa rơi xuống, con người ở cõi đó nhặt hoa ấy đặt vào đĩa, đem đi đến các cõi Phật khác để cúng dường chư Phật.

2. Và trong khuôn viên cõi nước ấy có muôn vàn chim muông, có những con cò và thiên nga trắng như tuyết, những con công màu sắc sặc sỡ, những con chim trời, ca-lăng-tần-già, thường cất tiếng hót hoà nhã mang ý nghĩa

Sự Cứu Độ Của Phật

thuyết giảng Phật pháp, xưng dương tất cả công đức và điều thiện.

Con người khi nghe tiếng ấy thì đều niệm Phật, nghĩ về lời dạy của Phật, hoà hợp với nhau. Bất cứ những ai khi nghe loại âm nhạc này cũng đều nghĩ là đang nghe âm thanh của Phật, đánh thức lòng tin đối với đức Phật, làm mới niềm vui nghe pháp, tình bằng hữu với những người thọ lãnh giáo pháp của chư Phật trong các cõi nước.

Những cơn gió nhẹ thổi qua hàng cây báu lay động những chuỗi chuông lấp lánh ngân lên những âm thanh vi diệu, cùng lúc tấu lên trăm ngàn âm nhạc.

Người nghe âm nhạc này, một cách tự nhiên, niệm Phật, nghĩ nhớ pháp, nghĩ nhớ đến đoàn thể hoà hợp đệ tử Phật. Cõi nước của đức Phật ấy có đủ những công đức và điều mỹ lệ như thế.

3. Vì nguyên nhân gì mà đức Phật ấy được gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Lượng Thọ. Vì quang minh của đức Phật ấy không thể đo lường, chiếu khắp mười phương các cõi nước không bị chướng ngại chút nào. Và thọ mạng của ngài cũng không thể đo lường được nên được gọi tên như thế.

Và do vì những chúng sanh được sanh về cõi nước ấy cũng đều đạt đến cảnh địa không còn quay trở lại thế giới mê này, số lượng nhiều không thể đếm hết.

Sự Cứu Độ Của Phật

Và cũng do vì nhờ ánh quang minh của đức Phật này mà số lượng người giác ngộ cuộc đời mới nhiều vô lượng.

Nếu có người giữ trong tâm danh hiệu của Phật này, từ một ngày cho đến bảy ngày tâm nhất quán không dao động thì khi người đó mạng chung, đức Phật này cùng với nhiều thánh chúng hiện đến trước người đó, lòng vị ấy không xao động, tức khắc được sanh về cõi nước của Phật ấy.

Nếu con người ta khi nghe danh hiệu của đức Phật này, tin tưởng lời dạy này thì được đức Phật hộ trì, sẽ đạt được sự giác ngộ chân chánh không có gì cao hơn được.

Con Đường Tu Hành

Chương thứ nhất

Con Đường Giác Ngộ

Tiết 1: Thanh Tịnh Tâm

1. Nơi con người, có những phiền não dẫn đến mê mờ và khổ đau. Và có năm phương pháp để tránh khỏi vòng vây của phiền não này.

Thứ nhất, phải có cách nhìn sự vật cho đúng đắn, hiểu được rõ ràng nguyên nhân và kết quả. Biết một cách chính xác rằng nguồn gốc của tất cả khổ đau là phiền não trong tâm, nếu không có phiền não thì cảnh giới không khổ đau sẽ hiển hiện.

Do cái nhìn sai lầm mà khởi lên những khái niệm về ngã, có tư tưởng coi thường luật nhân quả, do bị ràng buộc bởi những tư duy sai lầm này mà sinh khởi phiền não, dẫn đến mê mờ khổ đau.

Thứ hai, nhờ chế ngự được dục vọng mà phiền não cũng được lắng yên. Nhờ tâm sáng trong mà có thể chế ngự được dục vọng khởi lên từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đoạn trừ được nguồn gốc sinh khởi của phiền não.

Thứ ba, phải có tư duy đúng đắn về cách sử dụng tài vật. Về việc sử dụng đồ mặc, thức ăn, không nên coi là để hưởng thụ. Nên nghĩ rằng đồ mặc là để che đậy những chỗ đáng hổ thẹn, phòng hộ cái lạnh cái nóng của thiên nhiên. Thức ăn là để nuôi dưỡng thân thể để mà tu học Phật đạo. Nhờ suy nghĩ đúng đắn này mà phiền não không thể khởi

lên.

Thứ tư là, điều gì cũng cần phải nhẫn nại. Nhẫn nại về cái nóng, cái lạnh, cái đói, cái khát. Nhẫn nại cả sự nhục mạ, phỉ báng. Như thế là ngọn lửa phiền não thiêu đốt tự thân không thể cháy lên được.

Thứ năm là, tránh xa những thứ nguy hiểm. Người khôn ngoan thì biết tránh xa những điều nguy hiểm, như không đến gần con ngựa chướng, con chó điên, vị ấy tránh không giao du với những người bạn không nên giao du. Làm được như thế, ngọn lửa phiền não sẽ được tiêu trừ.

2. Trong đời có năm thứ dục.

Những dục lạc khởi lên từ sắc do mắt nhìn thấy, từ tiếng do tai nghe thấy, từ hương do mũi ngửi thấy, từ vị do lưỡi nếm biết, từ cảm giác do thân xúc chạm, năm cơ quan này cảm nhận những sự khoái lạc.

Nhiều người tâm bị vướng vào sự hấp dẫn của nhục dục, chìm đắm vào nó, kết quả là không nhìn ra được sự nguy hiểm sẽ sinh khởi. Điều này cũng giống như con nai trong rừng mắc phải bẫy của người thợ săn, những người này vướng vào bẫy của ma quỷ. Năm dục trên đây đúng là cái bẫy, con người mắc phải thì sẽ sinh ra phiền não, sinh ra khổ đau. Do đó, thấy được tai họa của năm dục này và phải biết tìm đường mà tránh chúng.

Con Đường Giác Ngộ

3. Phương pháp cho những dục lạc này không phải một. Cũng giống như có người bắt sáu loài thú có tập tánh khác nhau như rắn, cá sấu, chim, chó, cáo, khỉ, rồi trói chúng bằng dây thừng chắc chắn, sau đó cột chúng lại mà thả đi.

Khi đó, sáu loài thú này tùy theo tập tánh riêng, mỗi mỗi đều muốn về chỗ của mình ở. Rắn muốn về hang, cá sấu muốn về đầm nước, chim muốn về trời, chó muốn về làng, cáo muốn về đồng cỏ, khỉ muốn về rừng. Vì thế chúng tranh đấu nhau, con mạnh lôi những con khác về hướng của mình.

Giống như ví dụ trên, con người ta bị lôi kéo bởi mắt nhìn thấy sắc, tai nghe những âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc cảm, và ý suy nghĩ, trong đây cái nào mạnh nhất sẽ lôi kéo những cái khác về hướng mình.

Và nếu cột sáu loại thú trên bằng mỗi sợi dây khác nhau rồi cột chúng vào một cái cột trụ lớn và chắc chắn. Ban đầu chúng cũng sẽ muốn trở về chỗ ở của riêng mình nhưng khi lôi kéo kiệt sức rồi thì sẽ nằm quanh cái trụ ấy.

Cũng giống như thế, nếu con người tu sửa tâm, rèn luyện tâm thì sẽ không bị ngũ dục kia lôi kéo. Nếu chế ngự được tâm thì sẽ được hạnh phúc an ổn cả trong hiện tại và cả trong tương lai.

4. Con người cứ bị thiêu đốt bởi lửa dục vọng truy cầu danh tiếng mỹ miều. Nhưng danh tiếng cũng giống cây nhang thơm tự thiêu đốt mình. Nếu cứ tìm cầu danh tiếng

vô ích, tham lam danh dự, mà không biết cầu đạo thì rồi thân sẽ bị lâm nguy, tâm sẽ bị khổ sở trong hồi tiếc.

Tham lam truy cầu danh vọng, tiền của, hương sắc cũng giống như đức trẻ ngây ngô liếm mật dính trên dao, ngay khi thưởng thức được vị ngọt là đã rơi vào nguy cơ đứt lưỡi.

Người tham cầu ái dục không biết đủ cũng giống như cầm đuốc mà đi ngược gió, đương nhiên sẽ bị cháy tay và cháy thân mình.

Không nên tin tưởng vào tâm ý mình vì nó đầy dẫy ba độc tham sân si. Không nên hành động theo những gì ý mình mong muốn. Phải nỗ lực kiềm chế tâm ý, không chạy theo những điều nó muốn.

5. Người muốn đạt giác ngộ thì phải dập tắt ngọn lửa ái dục. Như kẻ vác củ khô trên lưng tránh xa chỗ có lửa, người cầu đạo tuyệt đối phải tránh xa ái dục.

Những kẻ sợ rằng khi mắt nhìn thấy sắc đẹp thì sẽ bị động tâm mà tránh nhìn là ngu dại. Vì chính tâm mới là chủ, mắt chỉ là phụ, nếu dứt bỏ được tâm tà, thì những tâm ý tà vạy từ mắt cũng tự nhiên mà mất.

Việc cầu đạo thì lắm gian nan. Nhưng nếu không có tâm cầu đạo thì sẽ lại càng khổ, chịu sanh lão bệnh tử nơi thế gian này, cái khổ ấy mãi không hết.

Việc cầu đạo vất vả cũng giống như con bò mang vác đồ nặng, khi lội qua chỗ đầm lầy, dầu có nhọc mệt vất vả mấy

Con Đường Giác Ngộ

mà cứ vững lòng tiến bước, đến khi qua được vũng lầy rồi mới bắt đầu thở dốc. Bùn lầy dục vọng càng sâu hơn, nhưng vững lòng cầu đạo thì sẽ vượt qua, khổ đau sẽ tiêu mất.

6. Người cầu đạo thì phải dứt bỏ được tâm kiêu ngạo, phải thấm nhuần ánh sáng của Phật pháp. Dù có đeo trang sức vàng ngọc châu báu quý giá đến đâu cũng không bằng trang bị cho mình cái đạo đức.

Muốn giữ cho thân thể được khoẻ mạnh, gia đình được vinh hiển, mọi người được an lành thì trước hết phải tu tâm. Nếu tu tâm vui đạo thì phước đức cũng tự nhiên đến gần.

Châu báu sinh ra từ đất, phước đức có được từ điều thiện, trí tuệ được sinh ra từ tâm trong sạch tĩnh lặng. Con người sống trong cuộc đời mê mờ rộng lớn như thảo nguyên, cần phải chiếu soi con đường đi bằng ánh sáng trí tuệ này, răn thân mình bằng món trang sức đạo đức.

Lời Phật dạy rằng hãy từ bỏ tham sân si là lời dạy thiện lành. Những người tuân theo lời dạy ấy là người có đời sống tốt lành và hạnh phúc.

7. Tư tưởng của con người ta thế nào thì tâm sẽ thế ấy. Nếu nghĩ điều tham thì tâm tham sinh khởi, nếu nghĩ điều sân thì tâm sân nổi lên, nếu nghĩ điều ngu si thì tâm nhiều si mê.

Như người chăn bò đến mùa thu hoạch thì lừa bò về chuồng,

việc này là để tránh bị người khác mắng vốn hoặc bò sẽ bị giết vì chúng phá hoại mùa màng.

Con người cũng vậy, phải nhìn thấy những tai họa sẽ khởi lên vì điều không tốt mà khép mình, từ bỏ những tư tưởng không tốt. Đánh tan tâm tham sân si và nuôi dưỡng tâm không tham không sân không si.

Như người chăn bò thả bò khi mùa xuân đến và đồng cỏ bắt đầu mọc mầm, nhưng lúc nào cũng phải theo dõi đàn bò, luôn để tâm không rời chỗ của chúng.

Người tu hành cũng như thế, phải luôn để ý theo dõi tâm mình, không được xao nhãng.

8. Có lần đức Phật ở thị trấn Kausambi, có kẻ ghét ngài và tìm cách mua chuộc kẻ xấu để mạ lị ngài. Những đệ tử của đức Phật vào thành khát thực cũng không nhận được bất cứ vật gì mà chỉ phải nghe lời thoá mạ.

Khi đó, đức A-nan thưa với Thế Tôn rằng: “Thưa Thế Tôn, chúng ta không thể ở thành này, con nghĩ là còn có nhiều thị trấn khác tốt hơn”. Đức Phật nói: “Này A-nan, nếu thị trấn chúng ta sẽ đến ấy cũng thế này thì sao?” “thưa Thế Tôn, chúng ta lại dời đi thị trấn khác nữa”.

Đức Phật nói: “Này A-nan, thế thì dù đi mãi cũng không bao giờ hết. Ta nghĩ, nếu bị thoá mạ thì bình tĩnh mà nhẫn nại, chờ việc bị mắng chửi ấy xong rồi hẵng đi nơi khác. Này A-nan, trên đời này có tám điều là lợi, hại, chê, khen,

Con Đường Giác Ngộ

vinh, nhục, khổ, vui. Đối với đức Phật thì sẽ không bị lay động bởi tám điều này. Chúng đến đó nhưng lại sẽ đi ngay”.

Tiết 2: Phẩm Hạnh Thiện Lành

1. Người cầu đạo thì phải thường xuyên giữ cho thân, miệng, ý phải trong sạch. Giữ thân trong sạch nghĩa là không sát sinh, không trộm cắp, không tà hạnh. Giữ miệng trong sạch nghĩa là không nói dối, không nói lời ác, không nói hai chiều, không nói lời vô ích. Giữ ý trong sạch nghĩa là trong lòng không tham, không sân, không đòi bại.

Tâm nhiễm ô thì hành động nhiễm ô, hành động nhiễm ô thì không thể tránh khỏi khổ đau. Do đó giữ tâm trong sạch, thận trọng trong việc làm là điều thiết yếu của đạo.

2. Ngày xưa có một người quả phụ giàu có, được khen là người tử tế, lịch sự, khiêm tốn. Trong nhà bà có một người làm thuê, người này cũng là người khôn khéo và chăm làm.

Một hôm người hầu này nghĩ rằng: bà chủ của mình được nhiều tiếng khen nhưng bà ấy có thực bụng tốt như thế không, hay do hoàn cảnh tốt nên bà mới thế, vậy ta sẽ thử xem sao.

Thế rồi ngày sau người giúp việc ấy cứ ngủ đến tận trưa mới dậy. Vị nữ chủ nhà không vui mừng: sao ngủ đến giờ này?

Người giúp việc trả lời: thưa bà, bà đừng có giận như thế cho dù tôi có ngủ dậy muộn một hai hôm!.

Ngày sau, người giúp việc cũng ngủ dậy muộn. Nữ chủ nhà

Con Đường Giác Ngộ

nổi giận cầm gậy đánh. Mọi người chung quanh biết điều này, bà ấy không còn tiếng tốt như từ trước đã có nữa.

3. Con người ta đều như bà quả phụ này. Khi hoàn cảnh thuận lợi với mình thì tử tế khiêm tốn và bình tĩnh được. Nhưng khi hoàn cảnh không thuận phản ứng thế nào mới là vấn đề.

Khi nghe lời không tốt về mình, khi có kẻ bộc lộ rõ sự thù hằn mình, khi việc ăn mặc ở không dễ kiếm được, những khi như thế thì liệu có tâm bình tĩnh và tiếp tục làm điều thiện được không.

Do đó, chỉ khi hoàn cảnh thuận lợi thì bình tĩnh làm thiện, như thế thôi thì không thể nói là người tốt thật sự. Người vui với giáo pháp của Phật, nhờ lời dạy của ngài mà tu tập trưởng dưỡng thân tâm, bình tĩnh, khiêm cung, người như thế mới gọi là người tốt.

4. Lời nói gồm có năm đôi đối lập: Lời hợp thời và lời không hợp thời, lời đúng với sự thật và lời không đúng sự thật, lời mềm mại là lời thô lỗ, lời có ích và lời có hại, lời hiền hoà và lời có oán ghét.

Bất cứ nói ra lời gì cũng nên cẩn thận chọn lựa. Để lời nói ấy có tác dụng tích cực đến người nghe và người nhận ảnh hưởng từ nó. Nếu tâm ta đầy đủ sự cảm thông và bi mẫn thì sẽ có đề kháng với lời xấu ác mà ta nghe. Phải giữ gìn để miệng không thốt ra lời thô lỗ, luôn giữ tâm từ ái đối với

điều cần cảm thông và đáng thương, không để nóng giận và thù hận ai. Lời ta nói ra phải là lời nói của cảm thông và trí tuệ.

Ví như có người cầm cái cày cái cuốc mà tính dọn sạch như bản trên quả đất này, dù có siêng năng làm thế nào đi chăng nữa thì cũng không thể hết được. Cũng vậy, lời nói trên cõi đời này lúc nào cũng có thể này thế kia, không thể nào mà mong loại bỏ được.

Do đó, cần phải rèn tâm, giữ tâm đầy đủ từ ái, dù cho bị nói thế nào đi chăng nữa thì tâm cũng không phiền muộn.

Lại nữa, như có kẻ muốn dùng bút vẽ mà vẽ lên trời, dù có vẽ giỏi thế nào đi chăng nữa thì hình dáng sự vật cũng không xuất hiện. Hay như có người dùng đuốc cỏ khô mà làm cạn nước của con sông lớn thì dù có làm cách nào cũng không thể cạn được. Và lại nữa như chà xát vào da mềm thì không thể có được âm thanh sào sào được. Do đó, cần phải nuôi dưỡng tâm, dù có bị nói bằng lời lẽ thế nào đi nữa thì tâm cũng không phiền muộn.

Con người cần phải nuôi dưỡng tâm sao cho tâm rộng như đất, vô hạn như hư không, sâu sắc như sông lớn, mềm mại như da thuộc.

Dù có bị kẻ thù bắt, hành hạ khổ sở, nhưng do như thế mà để tâm mình u tối thì không thể gọi là người gìn giữ lời Phật dạy thật sự được. Dù trong trường hợp nào cũng cần phải tâm niệm: “tâm tôi không dao động, miệng tôi không thốt lời thù hận, với tâm hoà ái cảm thông và lân mẫn, tôi

Con Đường Giác Ngộ

bao dung cho người.”

5. Có câu chuyện kể rằng: có một người tìm thấy “một gò mối bị đốt vào ban ngày và khói lên vào ban đêm”. Người ấy liền tìm đến một nhà thông thái và hỏi xem phải làm thế nào. Nhà thông thái ấy bảo: “Thế thì hãy lấy kiếm mà đào cho sâu”. Người ấy nghe lời và về làm theo.

Trước tiên người ấy thấy được cái then cài cửa, kế đến là bọt nước, kế đến là cái cào rơm, rồi đến cái hộp, con rùa, cái dao đồ tể, một miếng thịt, và cuối cùng là một con rồng.

Nhà thông thái khuyên ông ta rằng: “hãy quăng bỏ tất cả những vật đã tìm thấy đi, còn con rồng thì cứ để ở đó và đừng làm phiền nó.”

Đó là một câu chuyện thí dụ. Trong câu chuyện này, cái gò mối tượng trưng cho thân thể của con người. Khói lên vào ban đêm nghĩa là ban đêm suy gẫm lại việc làm trong ngày, hoặc vui hoặc buồn. Bị đốt vào ban ngày có nghĩa là ban đêm suy gẫm rồi sáng hôm sau nói năng hoặc hành động.

Có một người có nghĩa là chỉ cho người cầu đạo. Nhà thông thái là chỉ cho đức Phật. Thanh kiếm là chỉ cho trí tuệ thanh tịnh. Đào sâu có nghĩa là sự nỗ lực.

Cái then cài cửa là chỉ cho vô minh. Bọt nước là chỉ cho sự nóng giận và khổ não. Cái cào rơm là chỉ cho sự lưỡng lự và bất an. Cái hộp là chỉ cho tham, sân, si, nhĩ, hỷ, ái, mạn, trạo, và bất an. Con rùa chỉ cho thân tâm con người.

Con dao đồ tể là chỉ cho ngũ dục. Miếng thịt chỉ cho lòng ham muốn tìm kiếm sự khoái lạc. Tất cả điều này đều là thứ độc hại cho thân này nên “hãy quăng bỏ tất cả”.

Cuối cùng, con rỗng là chỉ cho tâm không còn phiền não. Nếu cố gắng đào dưới chân mình thì rốt cục sẽ thấy con rỗng này.

Cứ đào sẽ tìm thấy được con rỗng này là ý của câu “còn con rỗng thì cứ để ở đó và đừng làm phiền nó”.

6. Ngài Pindola đệ tử của đức Phật, sau khi chứng đạo, vì muốn báo ân cho quê hương nên trở về quê là thị trấn Kosambi, nỗ lực với ý tính gieo hạt giống Phật ở đây. Ở ngoại ô Kosambi có một công viên nhỏ, có dòng sông Ganges chảy qua, có những hàng dừa nối nhau dài vô tận, từ dòng sông luôn thổi lên làn gió mát.

Một trưa ngày hè, Pindola ngồi toạ thiền dưới bóng mát cây dừa. Cùng ngày đó thì vua Udayana cũng đến công viên này với các cung phi để giải trí. Sau khi đàn hát vui chơi, ông ta cũng nghỉ ngơi dưới một bóng cây khác.

Khi nhà vua nghỉ, các cung phi đi dạo và nhìn thấy Pindola toạ thiền dưới gốc cây. Họ nhận thấy ngài là một bậc thánh nên khởi lòng cầu đạo, xin ngài thuyết pháp. Và họ đã chú tâm lắng nghe ngài.

Nhà vua thức dậy, sinh tâm nghi ngờ vì không thấy các cung phi đâu. Sau một hồi tìm kiếm, ông thấy các cung phi

Con Đường Giác Ngộ

đang ngồi vây quanh một nhà tu hành. Ông vua đắm chìm trong dục lạc này không suy nghĩ trước sau, trong lòng ngùn ngụt cháy lên ngọn lửa ghen tức, mắng chửi Pindola rằng: “thật không thể tha thứ, một ông thầy tu mà ngồi nói chuyện nhảm nhí giữa đám phụ nữ của ta”. Pindola nhắm mắt, mặc nhiên, không nói một lời gì.

Nhà vua tức giận, rút gươm ra kê vào cổ của Pindola, nhưng Pindola vẫn không nói rằng gì, ngồi yên như bàn thạch.

Vua càng điên tiết, chém vào ổ kiến gần đó, vô số con kiến bò ngùn ngang quanh người Pindola nhưng ngài vẫn ngồi mặc nhiên nhẩn nại mà chịu đựng.

Bấy giờ nhà vua bắt đầu thấy xấu hổ về sự cuồng nộ của mình, liền xin ngài Pindola tha thứ. Từ đó giáo lý của nhà Phật có lối vào hoàng cung và lan rộng ra khắp nước này.

7. Sau đó vài hôm, vua Udayana tìm đến khu rừng nơi ngài Pindola ở hỏi về những điều ông nghi ngờ.

“Thưa đại đức, tại sao đệ tử Phật dù vẫn còn trẻ mà không bị dục lạc nhẩn chìm? Làm sao có thể giữ gìn thân tâm thanh tịnh?

“Thưa đại vương, đức Phật đã dạy cho chúng tôi cách nghĩ về phụ nữ. Rằng hãy xem phụ nữ lớn tuổi là mẹ mình, người ngang tầm tuổi mình là chị gái em gái mình, người nhỏ tuổi là con gái mình. Nhờ lời dạy này mà đệ tử Phật dù

còn trẻ cũng không bị dục lạc nhấn chìm, có thể giữ thân thanh tịnh”.

“Thưa đại đức, nhưng con người cho dù đối với người như mẹ, như chị gái, em gái, con gái đi chăng nữa cũng khởi tà tâm. Các đệ tử Phật làm thế nào chế ngự được dục vọng?

“Thưa đại vương, Thế Tôn dạy là hãy quán sát thân thể con người đầy đầy sự ô uế như máu, mủ, mồ hôi, mỡ.... Nhờ sự quán sát này cho nên chúng tôi dù là người trẻ nhưng có thể giữ tâm thanh tịnh.

“Thưa đại đức, các vị đệ tử xuất gia của Phật vì có rèn thân, luyện tâm, trau dồi trí tuệ thì có thể việc thực hành điều trên là dễ. Nhưng chắc không phải là chuyện dễ đối với người chưa thành thực, dù là vị xuất gia đệ tử. Cho dù có thể thấy là ô uế, nhưng cũng có lúc thấy thanh sạch và bị hấp dẫn, cho dù có thể nhìn thấy xấu xí nhưng cũng có trường hợp thấy đẹp hút hồn. Các vị đệ tử xuất gia của Phật, để giữ gìn phẩm hạnh còn có cách nào khác nữa không?

“Thưa đại vương, Phật có dạy giữ gìn năm cơ quan phòng hộ. Khi mắt thấy màu sắc và hình dáng, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm vật, phải giữ tâm đừng để cái hấp dẫn hay không hấp dẫn lôi kéo mình. Thường gìn giữ năm giác quan. Nhờ lời dạy này mà người trẻ tuổi có thể giữ gìn thân tâm thanh tịnh.

“Thưa đại đức, lời Phật dạy thật là vi diệu. Theo kinh nghiệm của riêng tôi tôi cũng thấy như thế. Nếu không gìn giữ các giác quan mà hướng đến sự vật thì tức khắc tâm sẽ

Con Đường Giác Ngộ

bị lôi kéo. Để giữ gìn hành vi chúng ta thanh tịnh thì việc giữ gìn năm giác quan là vô cùng quan trọng.

8. Khi nào mà con người thể hiện cái ý nghĩ trong tâm bằng hành động thì thường có phản ứng đi theo. Khi bị sỉ vả thì sỉ vả lại, hay hành động trả đũa lại. Con người cần phải cảnh giác phản ứng tự nhiên này. Cũng giống như nhỏ nước bọt lúc ngược gió, không phải người nào khác mà chính mình hứng chịu. Hay như quét bụi lúc ngược gió, bụi không sạch đi mà lại làm bẩn mình. Bất hạnh sẽ luôn đi theo những ai dọn đường cho việc báo thù.

9. Từ bỏ tâm ích kỷ mà bố thí rộng rãi là điều lành thật sự. Cùng với điều này, giữ gìn ý chí và kính ngưỡng đạo pháp lại càng là điều tốt đẹp hơn.

Con người cần phải cố gắng dẹp bỏ lòng ích kỷ mà giúp đỡ người khác. Hành động làm lợi ích cho người khác ấy sẽ được lan toả, và nhiều người sẽ làm lợi ích cho người khác nữa. Và từ điều này hạnh phúc sẽ được sinh khởi trong cuộc sống này.

Từ ngọn lửa của một cây đuốc mà mấy nghìn người đều thắp lên được. Và lửa đuốc của họ không khác gì ngọn lửa của cây đuốc đầu tiên, cũng vậy, hạnh phúc thì cho dù cho đi bao nhiêu cũng không hề suy giảm.

Người tu hành phải thận trọng từng chút một. Ý chí dù có cao thượng đến đâu thì nó cũng cần phải đạt được dần dần.

Không được quên rằng đạo là cái có trong cuộc sống sinh hoạt mỗi ngày.

10. Trong đời này có hai mươi điều khó trong bước đầu tâm đạo.

- 1) Nghèo khó mà bố thí là khó,
- 2) Hào quý mà học đạo là khó,
- 3) Xả thân mà cầu đạo là khó,
- 4) Sanh vào thời Phật tại thế là khó,
- 5) Nghe được lời Phật dạy là khó,
- 6) Nhẫn nại được sắc dục, tránh xa dục lạc là khó,
- 7) Nhìn thấy vật tốt mà không cần cầu là khó,
- 8) Có quyền hành, có thế lực mà không bắt nạt người là khó,
- 9) Bị sỉ nhục mà không nổi giận là khó,
- 10) Có việc xảy ra mà tâm vô sự là khó,
- 11) Học tập rộng truy cứu sâu là khó,
- 12) Không khinh khi người tập sự là khó,
- 13) Diệt trừ mạn tâm là điều khó,
- 14) Được bạn lành là khó,
- 15) Tu học đạo rồi chứng ngộ đạo là khó,
- 16) Không lay động bởi hoàn cảnh bên ngoài là khó,
- 17) Biết khả năng của người mà nói pháp cho thích hợp là khó,
- 18) Giữ tâm lúc nào cũng bình tĩnh là khó,
- 19) Không tranh luận thị phi là khó,
- 20) Tìm học được phương pháp tốt là khó.

Con Đường Giác Ngộ

11. Tánh chất của người xấu và người tốt hoàn toàn khác nhau. Tánh chất của người xấu là không biết tội, không muốn từ bỏ tội, không thích biết về tội. Tánh chất của người tốt là biết được thiện ác, nếu biết là ác thì từ bỏ ngay, và cảm ơn người cho mình biết điều ác ấy.

Như thế, người xấu và người tốt hoàn toàn khác nhau.

Người ngu là người không biết cảm ơn người đã tỏ ra tử tế với mình.

Ngược lại, người khôn khéo là người luôn mang cảm giác biết ơn người khác, không chỉ đối với người trực tiếp tử tế với mình mà còn đối với tất cả mọi người đều tỏ lòng biết ơn.

Tiết 3: Những Chuyện Kể Mang Tính Giáo Dục

1. Ngày xưa ngày xưa, có một nước quăng bỏ người già, tên là Khi Lão Quốc. Nhân dân trong nước ấy khi về già ai cũng bị đem bỏ vào núi sâu.

Có vị đại thần thân cận với nhà vua của nước ấy, thấy mình không thể nào bỏ cha theo phong tục ấy được, ông bèn đào một cái hang dưới đất làm chỗ ở để phụng dưỡng cha già.

Một ngày nọ, có vị thần xuất hiện trước nhà vua và đặt ra một vấn đề khó khăn với vua rằng:

“Có hai con rắn, một con đực một con cái. Nếu phân biệt được con nào đực con nào cái thì tốt, nếu không làm được thì chẳng bao lâu đất nước này sẽ bị diệt vong”.

Không chỉ nhà vua mà trong hoàng cung cũng không có ai có thể giải quyết được vấn đề. Cuối cùng vua bố cáo khắp nơi trong nước rằng ai có thể biết cách phân biệt sẽ được hậu tạ.

Vị đại thần nọ về nhà, đến chỗ ẩn náu của vị cha già để hỏi cha, người cha nói rằng:

“Điều này dễ thôi, đặt hai con rắn ấy lên một tấm thảm mềm, con nào vẩy vung náo động là con đực, con nào nằm yên thì đó là con cái”.

Vị đại thần trình với vua y như lời cha nói. Nhờ đó, vua phân biệt được con nào đực con nào cái.

Con Đường Giác Ngộ

Sau đó vị thần nọ liên tục ra câu đố khó. Nhà vua và triều thần không ai trả lời được, nhưng vị đại thần nọ cứ bí mật hỏi cha và thường thì có thể giải đáp ỏn thoả.

Những câu đố và giải đáp ấy đại khái như sau:

“Đối với người đang ngủ mà được nói là thức, đối với người đang thức mà nói là đang ngủ, đó là ai?”

“Đó là người đang tu hành tìm đạo. Anh ta là người thức so với những người chưa tin hiểu đạo; anh ta là người đang ngủ so với những người đã chứng đạo”.

“Làm sao có thể cân được độ nặng của con voi lớn?”

“Đặt con voi ấy lên một chiếc thuyền rồi làm dấu xem thuyền chìm trong nước bao nhiêu. Sau đó dắt voi xuống rồi chất đá lên cho đến khi thuyền chìm xuống độ sâu như thế. Sau đó chỉ cân độ nặng của đá là biết được độ nặng của voi.”

“Một thìa nước còn nhiều hơn nước đại dương là nghĩa gì?”

“Đó là một thìa nước từ tấm lòng trong sáng, nếu bố thí cho người bệnh hay cha mẹ mình thì công đức ấy vĩnh viễn không mất. Nước đại dương tuy mênh mông nhưng cũng có khi cạn. Câu trên là có ý nghĩa như vậy.”

Sau đó vị thần trên cho xuất hiện một người đói khát, gầy ốm da bọc xương, người ấy nói rằng:

“Trên đời này có ai đói khổ hơn tôi không?”

“Có đấy, những kẻ ích kỷ tham lam, không tin vào tam bảo Phật Pháp Tăng, không phụng dưỡng cho cha mẹ và ân sư, thì không những tâm của kẻ ấy đói nghèo mà về quả báo, đời sau rơi vào ngạ quỷ phải chịu đói khổ triền miên”.

“Đây có một miếng gỗ Chandana, phần nào là gốc của miếng gỗ?”

“Cứ thả miếng gỗ xuống nước, phần gốc là phần chìm sâu hơn một chút”.

“Ở đây có hai con ngựa mẹ và con có hình dạng như nhau. Làm sao biết con nào mẹ, con nào con?”

“Cứ cho chúng ít cỏ. Vì ngựa mẹ chắc chắn sẽ đẩy cỏ sang cho ngựa con, nên sẽ có thể phân biệt biết ngay”.

Việc giải đáp được những câu đố này khiến vị thần nọ vô cùng hoan hỷ, nhà vua cũng vui mừng. Và rồi nhà vua biết được rằng những lời giải này là từ vị cha già mà viên đại thần giấu trong hang, từ đó vua huỷ bỏ hủ tục quăng bỏ người già, ra lệnh cho thần dân đều phải tận tâm hiếu dưỡng cha mẹ.

2. Hoàng hậu nước Videha nước Ấn Độ nằm mơ thấy con voi trắng sáu ngà. Hoàng hậu muốn có những chiếc ngà ấy nên đã yêu cầu nhà vua lấy cho bà. Vì yêu hoàng hậu, nhà vua không thể từ chối mong muốn có phần phi lý của bà, ông đã ra thông báo khắp trong nước nếu ai biết con voi như thế ấy thì chỉ cho nhà vua, sẽ được tiền thưởng.

Con Đường Giác Ngộ

Sâu trong núi Himalaya có một con voi sáu ngà. Con voi này đang tu hành để thành Phật nhưng có lần đã cứu cho một thợ săn thoát khỏi nguy nan. Người thợ săn đã được cứu sống trở về ấy khi thấy thông báo này, vì tiền thưởng làm mờ mắt, quên ơn cứu mạng xưa mà quay vào núi để giết voi ấy.

Người thợ săn vì biết con voi này đang tu hành để thành Phật, nên để làm cho voi yên tâm, ông đắp y ca-sa giả tướng người xuất gia. Sau khi vào núi và lại gần voi, đợi khi voi không để ý đã bắn tên độc.

Voi biết mình trúng tên độc và sắp chết, nhưng không hề buộc tội người đi săn, ngược lại không ưu phiền gì cả. Voi dấu người thợ săn vào bốn chân của mình, giữ cho người thợ săn khỏi bị báo thù bởi đàn voi thân thuộc, rồi hỏi xem vì sao người thợ săn lại có hành động ngu dại như thế. Khi biết người thợ săn vì muốn lấy sáu chiếc ngà của mình, voi liền cắm ngà mình vào thân cây lớn, bẻ gãy chúng rồi cho người thợ săn. Voi trăng ấy thề rằng: “Nhờ hạnh bố thí này tôi đã thành đạo. Tôi sẽ sinh về cõi nước của Phật. Rồi sẽ thành Phật, sau đó trước tiên, tôi sẽ giúp ông nhờ bỏ ba mũi tên độc tham sân si trong tâm”.

3. Có con chim Anh Vũ sống cùng bao chim muông khác nơi một lùm tre dưới chân núi Himalaya. Một hôm vì trời nổi gió to, các cây tre cọ vào nhau nên phát lửa và bùng cháy. Do gió thổi nên chẳng bao lâu đám cháy lan rộng. Chim muông vì mất chỗ trú ẩn kêu inh ỏi. Anh Vũ một mặt

vì muốn báo ơn bụi tre đã cho chỗ trú ẩn, một mặt để cứu những chim muông đang bị nạn, bèn đâm mình vào cái ao nước gần đó cho thân mình thấm ướt rồi bay lên hất nước vào đám cháy, Anh Vũ làm liên tục kiên trì không mệt mỏi với suy nghĩ muốn báo ơn bụi tre và lòng từ ái vô hạn đối với chim muông.

Lòng từ bi và tinh thần phụng sự của chim Anh Vũ làm lay động chư thần trên thiên giới. Có vị thần hiện xuống hỏi Anh Vũ rằng:

“Tâm của ngươi thật cao cả, nhưng làm thế nào với một ít giọt nước như thế mà có thể dập tắt được ngọn lửa to này?”

Chim Anh Vũ trả lời:

“Tôi làm vì lòng biết ơn và lòng bi mẫn, tôi tin là có thể. Dù thế nào tôi cũng làm. Cho dù có đến đời sau đi nữa tôi cũng làm.”

Vị thần cảm động vì ý chí vĩ đại của chim Anh Vũ mà giúp chim dập tắt ngọn lửa.

4. Trên núi Himalaya có con chim có một thân nhưng có hai đầu, gọi là chim Cộng Mạng.

Một hôm, vì nhìn thấy cái đầu kia ăn trái cây ngon, cái đầu này sinh lòng ghen tức, bèn nghĩ: ta sẽ ăn quả độc vào cho mày biết tay, bèn ăn quả độc, và rồi cả hai đều phải chết.

Con Đường Giác Ngộ

5. Có lần, đầu và đuôi con rắn cãi nhau, phía nào cũng muốn đi về hướng của mình. Đuôi nói rằng:

“Đầu này, lúc nào cũng đi về hướng của mày là không đúng đâu. Thi thoảng đề đi về hướng của tao mới được”.

Đầu trả lời:

“Vì là điều đương nhiên nên tao mới là đầu, làm sao mà đổi hướng cho mày được.”

Cãi nhau rồi nhưng cuối cùng đầu cũng tiến tới phía trước, đuôi tức giận quấn mình vào cây không cho đầu tiến tới. Thừa lúc cái đầu mệt mỏi, cái đuôi rời khỏi cây và tiến về hướng của nó, kết quả là rơi vào hầm lửa và bị chết thiêu.

Trên đời này tất cả mọi sự đều tồn tại theo trật tự thích hợp, và mọi thứ đều có chức năng của nó. Nếu trật tự ấy bị rối loạn thì chức năng cũng bị ngừng trệ và tất cả đi đến chỗ huỷ diệt.

6. Có một người đàn ông hay nóng giận. Một hôm có hai người đàn ông đứng trước nhà người hay nóng giận này mà nói với nhau rằng:

“Người ở nhà này là người rất tốt, nhưng phải cái ông ta bị cái tật hay nóng giận.”

Người đàn ông ấy nghe như thế liền chạy ra khỏi nhà đánh đập cho hai người kia túi bụi đến nỗi làm họ bị thương.

Người khôn ngoan khi được khuyên bảo về lỗi lầm của mình thì liền phản tỉnh mà sửa chữa. Còn người ngu ngốc khi bị chỉ lỗi mình thì lại tiếp tục mắc sai lầm.

7. Có một anh chàng ngốc nhưng giàu có. Nhìn thấy toà nhà ba tầng cao sừng sững, đẹp đẽ của người khác, nghĩ mình giàu có bèn tính cất một toà nhà đẹp đẽ như vậy.

Anh ta gọi thợ mộc đến và nhờ cất cho một căn nhà. Trước hết người thợ tính toán xây cái móng nhà, rồi dựng lên tầng nhất, rồi dựng tầng hai, rồi dựng tầng ba. Nhưng ông chủ ngốc nghếch la lối: “ta không cần cái móng nhà, tầng một và tầng hai cũng không, tầng ba cao ráo là được, hãy làm cho nhanh đi.”

Anh chàng ngốc chỉ mong có kết quả tốt đẹp mà không biết kiên nhẫn cố gắng đạt được nó. Cũng giống như không có chuyện ngôi nhà ba tầng mà không có các phần dưới, không có sự cố gắng nỗ lực thì chắc chắn không đạt được kết quả tốt được.

8. Có một người đang nấu mật thì bạn đến chơi, người ấy muốn mời bạn nếm mật nhưng ông ta đã để nguyên trên bếp lửa rồi dùng quạt mà quạt mong làm nó nguội! Cũng giống như chuyện này, nếu không diệt được ngọn lửa phiền não thì dù muốn đạt được mật giác ngộ thanh lương cũng không thể có được.

Con Đường Giác Ngộ

9. Có hai con quỷ tranh nhau một cái hộp, một cái gậy và một đôi giày. Chúng đánh nhau mãi mà không phân định được những vật trên là của ai.

Có người nhìn thấy thế liền hỏi:

“Sao các anh đánh nhau thế? Các vật này có gì hiểm đầu mà các anh phải đánh nhau như thế?”

Hai con quỷ trả lời:

“Từ cái hộp này có thể lấy ra thức ăn, châu báu, bất cứ vật gì ta muốn. Cây gậy này khi cầm nó trên tay thì có thể đánh bại kẻ địch. Còn đôi giày kia khi mang vào thì có thể tự do đi trên không”.

Người ấy nghe thế liền nói rằng: “Thế đánh nhau thì được gì chứ. Hai anh tạm thời tránh xa chỗ này đi tôi sẽ chia đều cho.”

Hai con quỷ liền tránh xa, người ấy bèn ôm cái hộp, cầm cái gậy và xỏ đôi giày vào rồi bay đi mất.

Hai con quỷ ở đây là chỉ cho người ngoại đạo. Cái hộp là sự bố thí. Họ không biết từ sự bố thí sẽ sinh ra nhiều ngọc báu. Cái gậy nghĩa là sự nhất tâm, họ không biết nhờ sự nhất tâm mà hạ gục ác ma phiền não. Đôi giày là chỉ cho giới thanh tịnh. Họ không biết nhờ giới thanh tịnh này mà có thể vượt qua được mọi sự tranh cãi. Do đó họ tranh giành nhau cái hộp, cái gậy và đôi giày mà đánh nhau mãi không thôi.

10. Có một người đi du lịch, đêm nọ ghé vào căn nhà hoang trú qua đêm. Nửa đêm có một con quỷ đến vác theo một xác người chết rồi đặt xác ấy trên sàn. Một lúc sau có con quỷ khác đến nói rằng “cái xác này là của tôi”, vì vậy xảy ra cuộc tranh cãi kịch liệt.

Thế rồi con quỷ đến trước nói với con quỷ đến sau rằng: “Ta có đánh nhau mãi thì cũng không xong. Kiểm nhờ người làm chứng rồi quyết định nhé”.

Con quỷ đến sau nhận lời. Con quỷ đến trước bèn lôi người đi du lịch đang run sợ đứng trong xó nhà từ nãy đến giờ ra và yêu cầu người này làm chứng ai là kẻ mang xác chết kia đến trước.

Người đi du lịch nọ sợ sệt. Dù bên ai thì sẽ bị bên còn lại ghét mà giết chết. Nên quyết định nói ra đúng như những gì đã thấy.

Đúng như người ấy nghĩ, sau khi nghe xong thì con quỷ đến sau tức giận và xé toạc cánh tay của người ấy.

Con quỷ đến trước thấy thế bèn lấy cánh tay của xác chết kia thay vào. Con quỷ đến sau lại càng giận dữ xé toang cái chân, rồi cái bụng, rồi cái đầu, con quỷ đến trước cũng lấy cái chân, cái bụng, cái đầu của xác chết thay cho người ấy.

Thế rồi chúng thôi đánh nhau, nhặt hết các mảnh chân tay vung vãi cho vãi miệng nhai ngấu nghiến rồi ra đi.

Người đàn ông đáng thương trú trong căn nhà hoang ấy kinh khiếp về điều này. Những bộ phận thân thể do cha mẹ

Con Đường Giác Ngộ

sinh ra và những bộ phận thân thể anh ta nay có từ xác chết nọ. Anh ta là ai? Hoảng loạn đến hoàn toàn không hiểu gì, khi trời sáng, anh ra khỏi căn nhà ghê gớm ấy và tìm đến một ngôi chùa, kể lại câu chuyện kinh hoàng đêm qua để mong tìm được lời giáo huấn.

Từ câu chuyện này, con người sẽ thấy được ý nghĩa chân thực của vô ngã.

11. Ngày xưa có một người giai nhân ăn mặc quần áo thật đẹp đến thăm một nhà nọ. Người chủ nhà hỏi:

“Bà là ai?”

Người đàn bà ấy trả lời:

“Ta là thần hạnh phúc, sẽ mang lại giàu có cho người ta”.

Nghe vậy chủ nhà bèn mừng rỡ, mời bà ấy vào nhà và tiếp đãi nồng hậu.

Liên sau đó, lại có một người đàn bà xấu xí ăn mặc bẩn thỉu tìm đến nhà này. Chủ nhà cũng hỏi là ai, thì được trả lời là thần nghèo khổ. Chủ nhà sợ hãi liền tính muốn đuổi đi. Người phụ nữ ấy nói rằng:

“Thần hạnh phúc ban nãy là chị của ta, chị em ta thường không xa rời nhau, nếu người đuổi ta đi thì chị ta cũng không còn ở đây nữa”.

Nói xong người ấy bỏ đi và quả là vị nữ thần hạnh phúc

cũng tự nhiên biến mất.

Có sinh ắt có tử, có hạnh phúc ắt cũng có tai ương. Nếu có thiện thì cũng có ác. Con người phải biết được điều này. Người ngu dại ghét bỏ điều tai ương chỉ mong được hạnh phúc vui sướng, nhưng người tìm đạo thì vượt lên trên cả hai điều này, không chấp trước chúng.

12. Ngày xưa có một người họa sĩ nghèo. Ông để vợ lại quê nhà mà đi làm ăn. Sau ba năm làm ăn vất vả, ông có được một số tiền lớn liền nghĩ đến chuyện trở về quê nhà. Giữa đường thấy có chỗ cử hành nghi lễ cúng dường cho nhiều chư tăng. Ông vui mừng nghĩ:

“Mình chưa hề gieo phúc bao giờ cả, nay gặp dịp tốt để gieo phúc sao có thể bỏ qua được”. Nghĩ thế rồi ông đem hết tiền ra mà cúng dường rồi trở về nhà.

Người vợ thấy chồng về tay không nên rất giận dữ cất vấn. Người chồng bèn trả lời là của cải đã cất vào một nơi rất kín đáo. Người vợ hỏi đó là nơi nào, ông trả lời rằng đã cúng dường cho các nhà sư.

Điều này làm người vợ giận dữ và mắng chửi người chồng, và cuối cùng bà đem vấn đề ấy đến toà án địa phương. Khi thẩm phán hỏi sự việc, người họa sĩ trả lời:

“Tôi không tiêu xài hoang phí những đồng tiền của tôi kiếm được bằng sự nỗ lực chính đáng của mình, tôi đã muốn dùng nó để gieo trồng hạt giống tốt lành cho tương lai. Khi

Con Đường Giác Ngộ

tôi gặp cơ hội để làm phúc thì tôi đã phát tâm, bỏ lòng tiếc rẻ vật chất mà bố thí. Tôi đã hiểu được rằng hạnh phúc đích thực không phải là của cải vật chất mà chính là cái tâm lòng”.

Viên quan toà nghe thế liền khen ngợi tấm lòng của người hoạ sĩ, và nhiều người nghe chuyện này cũng thể hiện lòng mến mộ ông. Từ đó, người hoạ sĩ này được tín nhiệm, cả hai vợ chồng cũng nhờ đó mà dần dần trở nên giàu có.

13. Có một người đàn ông sống gần bãi tha ma. Một đêm nghe tiếng gọi mình từ bãi tha ma, anh ta vô cùng run sợ. Sáng hôm sau, anh ta mang chuyện ấy kể cho một người bạn bạo dạn nghe. Người bạn ấy nói: nếu đêm sau mà vẫn còn nghe tiếng gọi như thế nữa thì đi tìm xem chỗ phát ra tiếng ấy từ đâu.

Đêm hôm sau, người đàn ông cũng nghe tiếng gọi như đêm hôm trước, người bị gọi run rẩy nhưng người bạn can đảm kia lần theo tiếng gọi mà đi vào nghĩa địa, tìm đến chỗ phát ra tiếng gọi rồi vọng hỏi rằng: “Người là ai?”

Thế rồi trong lòng đất phát ra tiếng trả lời:

“Tôi là châu báu bị ẩn trong lòng đất. Tôi tính tặng tôi cho người mà tôi đã gọi nhưng anh ta sợ mà không đến. Vì ông có can đảm đến đây nên ông xứng đáng nhận lấy tôi. Sáng mai tôi cùng với bảy người bạn nữa sẽ đến nhà ông”.

Khi nghe lời ấy, người đàn ông nói rằng:

“Nếu đến nhà tôi thì tôi sẽ chờ, nhưng tôi sẽ tiếp đãi thế nào?”

Có tiếng trả lời: “chúng tôi sẽ đến với hình dạng những người tu hành. Vậy trước hết anh hãy tắm rửa sạch sẽ, dọn dẹp phòng ốc cho gọn gàng, chuẩn bị nước rửa và tám bát cháo.

Sau khi dùng bữa xong thì hãy dẫn từng người chúng tôi đến mỗi phòng kín riêng, ở đó chúng tôi sẽ biến thành tám cái bình bằng vàng”.

Sáng hôm sau, người ấy làm theo lời trên, tắm rửa sạch sẽ, dọn dẹp nhà cửa và chờ đợi, quả nhiên có tám vị sư đến khát thực. Người ấy mời vào nhà cúng dường nước và cháo. Sau đó đưa từng người vào mỗi phòng kín riêng. Thế rồi cả tám người ấy biến thành những cái bình đựng đầy vàng.

Có anh chàng lòng tham sâu nặng khi nghe được điều này, vì bản thân cũng muốn có bình vàng nên cũng làm theo câu chuyện trên. Cũng dọn dẹp nhà cửa rồi mời tám vị xuất gia đến cúng dường, sau khi dùng bữa xong anh ta nhốt các vị vào phòng kín. Nhưng tám vị xuất gia này không biến thành bình vàng, anh ta giận dữ và đuổi họ đi một cách thô bạo. Cuối cùng, anh chàng này đã bị khởi tố bắt giam.

Anh chàng hèn nhát được tiếng nói gọi đầu tiên sau khi biết rằng những âm thanh đạo nọ chính là bình vàng thì cũng khởi lòng ham muốn nó. Với lý do là vì những tiếng gọi đạo nọ vốn là gọi mình nên những bình vàng ấy là của mình. Khi anh ta đi vào nhà ấy tính để lấy bình thì trong bình có

Con Đường Giác Ngộ

đầy rắn chĩa đầu về phía anh ta.

Nhà vua của nước đó nghe được tin này liền chỉ thị rằng, những bình vàng ấy là của người can đảm. Và có lời sắc rằng: “Trên đời này mọi sự vật đều xảy ra như chính nó đang là, người ngu thì chỉ mong được quả báo nhưng quá rụt rè để theo đuổi nó nên liên tục thất bại. Họ không có niềm tin cũng không có can đảm để đối diện với sự đấu tranh trong nội tâm nên không thể đạt được quả báo an vui đích thực”.

Chương thứ hai

Con Đường Thực Tiễn

Tiết 1: Tầm Đạo

1. Nếu chúng ta cứ nghĩ rằng phải hiểu cho được những vấn đề như: Vũ trụ này có cấu tạo như thế nào? Vũ trụ này có tồn tại mãi không, hay sẽ bị huỷ diệt? Vũ trụ này rộng lớn vô hạn hay hữu hạn? Cấu trúc của xã hội là như thế nào? Hình thức của xã hội như thế nào thì là xã hội lý tưởng? Nếu cho rằng không hiểu được những vấn đề trên thì không thể tu hành thì cho đến già chết cũng vẫn chưa thể tu hành gì được.

Ví như có người trúng mũi tên độc, thân nhân và bạn bè xúm lại khẩn cấp gọi bác sĩ đến nhổ tên độc ra và chữa trị chất độc.

Nhưng khi ấy người đó nói: “Hãy đợi chút, trước khi nhổ mũi tên, tôi muốn biết ai đã bắn mũi tên này. Đó là nam hay là nữ, tính tình thế nào, rồi cây cung gì, loại cung nhỏ hay cung lớn, cung làm bằng gỗ hay bằng tre, dây cung là gì, dây bằng mây hay bằng gân, mũi tên làm bằng cây lau hay cây sậy, lông của mũi tên là gì, phải biết rõ những chi tiết trên xong thì mới rút tên ra”. Như thế thì điều gì sẽ xảy ra?

Không cần phải bàn, chắc chắn người ấy sẽ bị chất độc ngấm vào trong thân mà chết khi chưa biết đủ hết tất cả những điều trên. Trong trường hợp này, điều cần thiết phải làm trước tiên là nhổ mũi tên ra và chữa trị cho chất độc

Con Đường Thực Tiễn

đừng ngấm vào khắp thân.

Khi chúng ta bị bức bách bởi ngọn lửa thế tục thì việc tránh thoát khỏi ngọn lửa ấy là điều cấp bách và cần thiết hơn việc tìm hiểu các vấn đề như: vũ trụ này cấu tạo như thế nào, hình thức xã hội này như thế nào là lý tưởng.

Những vấn đề như: vũ trụ này có tồn tại mãi không, nó hữu hạn hay vô hạn có thể chờ cho đến khi tìm ra được cách giải quyết ngọn lửa sanh già bệnh chết sâu bi khổ não. Con người trước tiên cần phải tìm cách giải quyết được những vấn đề trên.

Giáo pháp của Phật là những lời dạy cần thiết cho sự tu hành, không nói những điều không cần thiết. Nghĩa là Phật giáo dạy cho con người biết những gì cần biết, dứt bỏ những gì cần dứt bỏ, tu những gì cần tu, chứng những gì cần chứng.

Do đó, con người trước tiên cần phải lựa chọn vấn đề, đối với bản thân cái gì là vấn đề đầu tiên, phải biết cái gì là cấp thiết nhất đối với mình, phải bắt đầu từ việc chinh đốn bản tâm.

2. Lại nữa, cũng giống như có kẻ vào rừng để lấy lõi cây, nếu lấy được cành lá mà tưởng rằng lấy được lõi cây thì thật là điều dại dột. Tuy nhiên cũng có kẻ dù có mục đích tìm kiếm là lõi cây nhưng lại mang về vỏ ngoài vỏ trong hay phần gỗ thường của cây mà cứ tưởng là đã được lõi cây.

Vì muốn lìa khỏi sanh già bệnh chết sầu bi khổ ưu não đang bức bách mà con người ta cầu đạo. Đây là ý nghĩa chỉ lỗi cây. Được một chút tôn kính, một chút danh dự rồi thì bằng lòng kiêu hãnh, khen mình chê người, đó là ý nghĩa của ví dụ chỉ có được một chút cành lá mà tưởng là đã có được lỗi cây.

Lại nữa, tự mình dù tâm có được sự an định, tĩnh lặng đi chẳng nữa mà kiêu ngạo, tự khen mình chê người thì cũng giống như được vỏ trong của cây mà tưởng là được lỗi cây.

Lại nữa, dù thông minh sáng suốt hiểu được sự vật đi chẳng nữa, vì điều đó che mắt nên kiêu ngạo, khen mình chê người thì cũng giống như được gỗ thường mà cứ tưởng là được lỗi cây. Những người này đều nhận rồi lười nhác, rồi sẽ phải trở lại cõi khổ.

Đối với người cầu đạo thì việc được tôn kính, được danh dự, được cúng dường cũng không coi đó là mục đích của việc tu hành. Chỉ một chút nỗ lực, ít nhiều sự an định nội tâm, hay một chút tri kiến đều không phải là mục đích chính của việc tu hành.

Trước tiên, người tu hành cần phải chú ý đến tính chất căn bản của sanh lão bệnh tử trong cuộc đời.

3. Mọi thứ trên thế giới này vốn không có thật thể. Cần phải chứng ngộ được giáo lý vô phân biệt, sự vật được nhìn thấy bên ngoài vốn là thứ được sinh ra từ tâm mê vọng.

Con Đường Thực Tiễn

Với lòng dục, con người bị thiêu đốt bởi ngọn lửa dục này mà khổ não, với vô minh, con người bị bao vây bởi bóng tối u mê mà sầu bi. Biết được rằng chủ nhân tạo ra căn nhà mê vọng chính là cái tâm này, người cầu đạo cần phải luôn đấu tranh với tâm ấy để đạt được mục đích.

4. “Này tâm của ta, vì sao ngươi cứ tiến vào những lãnh vực vô ích, không một chút ngừng nghỉ, sao cứ lao xao không tĩnh lặng chút nào.

Sao cứ làm cho ta mê muội, sao bắt ta cứ thu thập những thứ đầu đầu.

Giống như muốn đi cày đất nhưng cái cày chưa chạm đất thì đã gãy nên không cày được. Vì trôi lăn trong biển mê sanh tử, mặc dù đã trải qua vô số kiếp sống mà vẫn chưa thể cày xong mảnh đất tâm của mình.”

“Này tâm, ngươi cũng làm cho ta sinh vào hàng vương giả, cũng ngươi làm cho ta sinh làm kẻ nghèo hèn đi xin ăn khắp nơi khắp chốn.

Đôi khi ngươi làm cho ta sinh vào cõi nước chư thiên, say sưa giấc mơ vinh hoa phú quý, nhưng cũng chính ngươi thiêu đốt ta bằng ngọn lửa của địa ngục.”

“Này tâm ngu dốt của ta, ngươi dẫn dắt ta đi khắp mọi nẻo đường. Từ trước đến nay ta đã thường theo ngươi, không thể phản kháng được. Nhưng nay ta đã có thể nghe lời Phật dạy. Đừng có làm phiền ta, đừng cản trở ta nữa. Hãy để cho

ta xa lìa mọi khổ não, cho ta tinh tấn để mau mau có thể chứng đạo giác ngộ.”

“Này tâm, nếu người biết rằng mọi sự vật không có thực thể, vô thường rồi thì không chấp trước, dù bất cứ thứ gì cũng không coi là của mình, xa lìa được tham sân si thì được an lành tự tại.

Dùng thanh kiếm trí tuệ mà chặt bỏ sợi dây ái dục, không chấp trước vào lợi hại, được mất, khen chê... thì sẽ có được những ngày tháng an lành.”

“Này tâm, người dẫn dắt ta khuyến khích ta tìm đến với đạo. Nhưng nay tại sao lại xoay chuyển ta mắc vào lợi dục vinh hoa của thế gian này?”

“Này tâm vô hình mà rong ruổi khắp nơi, hãy giúp cho ta vượt qua biển mê khó qua này. Từ trước đến nay ta đã vâng theo ý người rồi. Nhưng từ nay trở đi người phải theo ý ta. Hãy cùng ta vâng theo lời Phật dạy.”

“Này tâm, trên đời này tất cả sự vật, dù là núi là sông là biển, mọi thứ đều thay đổi vô thường, đầy đầy tai nạn. Có thể tìm ra niềm vui ở đâu trong thế gian này. Sao không tuân theo lời Phật dạy để có thể vượt qua bến bờ giác ngộ.”

5. Người chiến đấu với tự tâm để cầu đạo chân thật như thế thường có sự quyết tâm mạnh mẽ mà tiến bước nên đâu có bị người khác sỉ nhục cũng không vì thế mà thay lòng. Dù có bị đánh đập, ném đá, chém giết đi chăng nữa cũng

Con Đường Thực Tiễn

không vì thế mà khởi lòng sân giận.

Dẫu thân thể có bị băm chém, đầu và thân rời rạc nhưng tâm chẳng hề rối loạn. Nếu vì thế mà tâm trở nên u ám thì không phải là kẻ gìn giữ giáo pháp nhà Phật.

Dẫu có bị chế nhạo, có bị sỉ vả, có bị đâm đá, có bị đánh đập đâm chém đi chẳng nữa thì tâm ta cũng không vì thế mà rối loạn. Ngược lại nhờ đó mà lời Phật dạy ngập tràn trong tâm, vững vàng trên con đường tu đạo.

Để đạt được giác ngộ thì phải hoàn thành những việc khó thành, nhẫn được những điều khó nhẫn, bố thí được những thứ khó bố thí.

Đối với kẻ quyết tâm cầu giác ngộ thì cho dù ngày ăn một hạt gạo, đi vào trong lửa cháy thì họ cũng làm mà không một chút từ nan.

Tuy nhiên, dù bố thí nhưng không sinh tâm nghĩ là đã bố thí, dù làm mà không sinh tâm nghĩ là đã làm, chẳng qua chỉ nghĩ vì việc ấy là tốt, là đúng. Điều này giống như người mẹ dù cho con yêu của họ một tấm áo cũng không khởi tâm nghĩ là đã cho, chăm con bệnh nhưng không khởi tâm nghĩ là đã chăm sóc.

6. Ngày xưa có một vị minh quân, ông vừa sáng suốt lại vừa đầy lòng từ ái thương yêu thần dân, cai trị đất nước an bình và giàu mạnh. Quốc vương có lòng cầu đạo rất sâu chắc, chuẩn bị của cải và ra thông báo sẽ hiến tặng của cải

này cho những ai chỉ dạy cho vua lời giáo huấn cao quý.

Lòng cầu đạo chân thành này của nhà vua làm cảm động thiên giới, có vị thần muốn thử lòng vua, liền biến thành một con quỷ đến đứng trước vương cung mà nói:

“Tôi biết pháp cao quý, tôi muốn chỉ cho vua”.

Nhà vua nghe như thế liền rất vui mừng, trân trọng rước vào trong cung để xin nghe lời giáo huấn. Khi ấy con quỷ bèn nhe răng sắc nhọn như gươm mà nói:

“Bây giờ ta rất đói bụng. Cứ như thế này thì không thể nói lời giáo huấn đó được”.

Nhà vua bèn lệnh mang thức ăn đến cho quỷ thì quỷ nói:

“Thức ăn của ta phải là thịt tươi và máu nóng con người.”

Khi đó thái tử bèn xin hiến thân mình cho quỷ, hoàng hậu cũng sẵn lòng hiến thân làm thức ăn cho quỷ. Sau khi ăn thịt hai người xong mà quỷ vẫn bảo chưa đủ, còn muốn ăn thịt của nhà vua.

Khi đó vua bình tĩnh trả lời:

“Ta không tiếc thân mạng, nhưng nếu không có thân này làm sao ta nghe pháp, nên ngươi hãy nói pháp cho ta nghe xong rồi ta sẽ thí thân”.

Lúc đó quỷ nói:

“Từ ái dục sinh ra ưu sầu, từ ái dục sinh ra sợ hãi, người xa

Con Đường Thực Tiễn

lìa ái dục thì không ưu sầu và cũng không còn sợ hãi”.

Ngay sau đó quỷ biến trở lại thành thiên thần, đồng thời thái tử và hoàng hậu đã bị ăn thịt cũng được hình hài sống trở lại.

7. Ngày xưa nơi rặng núi Himalaya có một hành giả cầu chân lý. Ông chỉ cầu lời giáo huấn để lìa xa mê vọng chứ ngoài ra không cầu gì khác, không chỉ là tài vật thế gian mà ngay cả vinh hoa nơi thiên giới cũng không màng.

Có vị thần cảm động hạnh lành của hành giả này, để thử lòng liệu có chân thật hay không, liền biến thành hình dáng một con quỷ trong núi Himalaya rồi hát rằng:

“Mọi sự vật đều biến đổi vô thường, sinh ra đó rồi diệt mất đó”.

Vị hành giả nghe lời ấy vui mừng như người khát được nước, cũng như người tù được phóng thích, nghĩ rằng chính lời ấy là chân lý, là lời dạy chân thật. Ông bèn đi tìm chung quanh xem ai đã hát bài ca cao quý này, thì thấy một con quỷ dữ tợn ở đấy. Ông vừa e sợ vừa lại gần con quỷ mà nói:

“Mới nãy có phải người đã hát bài ca đó không? nếu đúng thế thì xin cho ta nghe tiếp được không?”.

Con quỷ nói:

“Đúng rồi, do tôi hát đấy, nhưng bây giờ tôi đang đói, nếu không ăn gì thì tôi không hát được đâu”.

Vị hành giả nói:

“Xin đừng nói thế, xin hãy tiếp tục cho ta nghe đi. Bài hát ấy có ý nghĩa thật cao quý, có thứ ta đang tìm. Nhưng chỉ nhiều đó thôi thì lời bài hát chưa hết. Xin hãy chỉ cho ta phần còn lại của bài hát ấy đi”.

Con quỷ lại nói:

“Bây giờ tôi đang đói bụng không chịu nổi, nếu có thể ăn thịt tươi và uống máu nóng của con người thì tôi sẽ nói phần sau của bài hát ấy”.

Vị hành giả nghe như thế liền hứa rằng nếu cho ông nghe phần tiếp theo của bài hát, nghe xong rồi thì ông sẽ hiến tặng thân thể mình.

Khi đó con quỷ mới hát phần còn lại, bài ca có nội dung toàn bộ là như sau:

“Mọi sự vật đều biến đổi vô thường, sinh ra đó rồi diệt mất đó, không bị kẹt vào trong cái sanh cái diệt thì sẽ có bình an và tĩnh lặng”.

Nghe xong lời ca trên, hành giả liền khắc lời ấy vào trên đá và trên thân cây, cuối cùng ông leo lên cây gieo mình xuống cho quỷ ăn. Nhưng ngay khoảnh khắc đó, quỷ biến trở lại thành thiên thần, đưa tay đỡ lấy thân thể của vị hành giả một cách bình an.

8. Ngày xưa có người cầu đạo tên là Sadaprarudita

Con Đường Thực Tiễn

(Thường Đề). Danh lợi không màng mà chỉ một lòng cầu đạo giác ngộ chân thật. Một hôm có tiếng nói trong hư không rằng:

“Này Sadaprarudita, hãy đi thẳng hướng đông, đừng nghĩ ngợi gì cả, quên đi cái nóng cái lạnh, đừng màng danh lợi trong đời, đừng so đo thiện ác mà cứ thẳng về hướng đông, chắc chắn sẽ gặp được minh sư, sẽ được đạo giải thoát”.

Chàng ta vui mừng khôn xiết, làm đúng như lời dạy trên hư không, đi thẳng về hướng đông mà cầu đạo. Ngày vượt đồng hoang, đêm ngủ trong núi rừng, nhẫn nại sự khổ nhục và bức hại trong cuộc hành trình ở ngoại quốc, đôi khi phải bán thân phụng sự cho người, lắm lúc phải khổ cực lao nhọc mới kiếm được cơm cháo, cuối cùng thì cũng tìm đến được với người thầy và xin chỉ giáo.

Người ta nói rằng, trên đời này, mọi điều tốt lành đều phải trải qua gian khó. Khi muốn làm việc lành thì ắt có khó khăn. Hành trình cầu đạo của Sadaprarudita cũng quả là đầy những thử thách chông gai.

Vì muốn có hương hoa dâng cúng ân sư, Sadaprarudita phải đi làm thuê cho người lấy tiền mua hoa nhưng chẳng ai thuê cho. Dầu ma quỷ luôn làm chướng ngại trên mọi nẻo đường nhưng ông cũng vẫn tiến bước. Cuộc hành trình tìm đạo của Sadaprarudita quả thật gian khổ như là thịt nát xương tan.

Cuối cùng khi đã gặp được minh sư, dù muốn ghi lại những lời dạy cao quý nhưng không thể có được giấy cũng không

có được mực, ông đã cắt tay mình lấy máu ghi lại lời dạy của thầy. Sadaprarudita đã làm như thế để có được đạo giác ngộ tôn quý.

9. Ngày xưa có người thiếu niên tên là Sudana (Thiện Tài). Vị thiếu niên Sudana này cũng là người một lòng cầu đạo giác ngộ. Trên đường đi cầu đạo, Sudana gặp người chài lưới đang đánh cá ngoài biển, chàng nghe được bài học từ biển khơi bất tư nghi. Từ vị bác sĩ điều trị cho người bệnh, chàng học được phải có tâm từ đối với mọi người. Và khi gặp được vị trưởng giả có nhiều tài sản, chàng ta nghe được về việc tất cả mọi vật đều có giá trị riêng của nó.

Khi đến thăm một người xuất gia đang tọa thiền, chàng ta thấy được rằng tâm tĩnh lặng ấy hiện rõ nơi đáng vẽ bên ngoài, làm thanh tịnh tâm hồn của con người và cho con người sức mạnh kỳ diệu. Khi gặp một thiếu phụ có tư cách cao quý, chàng học được tinh thần phụng sự. Khi gặp được một hành giả đã phải thịt nát xương tan mà cầu đạo, chàng biết được rằng để cầu đạo chân thật thì dù phải leo núi đao, vào núi lửa cũng vẫn phải làm.

Cứ như thế Sudana hiểu rằng nếu có tâm thì những điều mắt thấy tai nghe, tất cả đều là những lời giáo huấn.

Từ một người phụ nữ tật nguyền nghèo nàn có thể học được sự kiên nhẫn. Từ bọn trẻ con chơi trên đường có thể học được bài học về hạnh phúc giản đơn. Từ những người tử tế khiêm tốn có thể học được bài học đối nhân xử thế.

Con Đường Thực Tiễn

Nơi nơi đều có thể nhận được lời dạy của Phật. Nơi con đường ngát hương thơm, nơi con đường được trang trí lá hoa đều có lời Phật dạy. Một ngày khi nghỉ chân trong khu rừng, Sudana nhìn thấy một cây con mọc lên từ một cây khô, chàng học được sự biến đổi, vô thường của cuộc sống.

Mặt trời chói lọi ban ngày, ánh sao lấp lánh ban đêm, những việc này cũng là những hạt mưa pháp thấm nhuần tâm cầu đạo giác ngộ của chàng thiếu niên Sudana. Anh chàng đã có được nhiều lợi ích từ những trải nghiệm trong cuộc hành trình cầu đạo.

Quả thực, chàng thiếu niên đã học được rằng trong việc cầu đạo giác ngộ, phải giữ tâm như giữ thành, làm đẹp cho tâm. Phải mở cánh cửa thành là tâm ra đón đức Phật vào bên trong để phụng thờ, cúng dường hoa tín tâm và hương hoan hỷ.

Tiết 2: Những Phương Pháp Thực Hành

1. Người cầu đạo giác ngộ có ba điều cần phải học. Đó chính là tam học giới, định, và tuệ.

Giới là gì? Là những giới điều mà con người hay người cầu đạo cần phải tuân thủ để có hành vi thiện. Là chế ngự thân tâm, giữ gìn năm giác quan, dè dặt đối với cả những tội nhỏ nhất, siêng năng làm những điều thiện.

Định hay sự nhất tâm nghĩa là gì? Là lìa khỏi dục vọng, lìa khỏi bất thiện, dần dần bước vào sự an định của nội tâm.

Trí huệ nghĩa là gì? Biết được bốn chân lý. Là sự chứng ngộ một cách rõ ràng rằng: đây là khổ, đây là nguyên nhân của khổ, đây là sự đoạn diệt khỏi khổ, đây là con đường đưa đến sự diệt khổ.

Những ai học tập tam học này thì được gọi là đệ tử Phật.

Cũng giống như con lừa dù hình hài không giống như con bò, không có tiếng kêu, sừng như con bò, nhưng cứ theo sau đàn bò, dù tự nhận là bò cũng không có ai tin. Người không học tập tam học giới định tuệ mà tự nhận rằng tôi là người tu hành, là đệ tử Phật cũng thế, đó là sự đại dột.

Cũng như người nông dân muốn thu hoạch vào mùa thu thì trước hết, trong mùa xuân anh ta phải cày ruộng, phải gieo giống, phải bơm nước, nhổ cỏ, chăm bón. Người cầu đạo giác ngộ đương nhiên cũng phải tu học tam học. Cũng giống như người nông dân dù có muốn hạt giống mới gieo xong mà trong hôm nay lên mầm, mai ra hạt, một thu hoạch

Con Đường Thực Tiễn

thì cũng không thể có được. Người tu hành cũng không thể có chuyện mới tu mà trong hôm nay có thể xa lìa phiền não, trong ngày mai lìa được chấp trước, trong ngày một chứng được đạo giác ngộ.

Cũng giống như cây lúa nhận được sự chăm sóc tỉ mỉ của người nông dân, sau khi gieo hạt, trải qua quá trình thay đổi của thời tiết, rồi lớn lên, rồi mới cho hạt. Việc đạt được đạo giác ngộ cũng thế, tu hành tam học giới định tuệ rồi dần dần đoạn trừ phiền não, xa lìa chấp trước rồi cuối cùng mới đến lúc chứng đạo.

2. Trong khi tâm vẫn còn ham muốn vinh hoa thế gian, vẫn động loạn bởi ái dục thì khó có thể bước vào con đường giác ngộ. Việc vui với thế tục và vui với đạo vốn dĩ hoàn toàn khác nhau.

Như trước đã nói, mọi việc đều bắt đầu từ tâm. Nếu tâm vui với những việc thế gian thì sẽ sinh ra mê lầm và đau khổ, nếu tâm ưa thích đạo mầu thì sẽ sinh ra niềm vui giác ngộ.

Do đó, người cầu đạo phải tịnh hoá tâm, giữ gìn lời Phật dạy, tuân thủ giới luật. Nếu giữ được giới sẽ đạt được sự nhất tâm, nếu đạt được sự nhất tâm thì trí tuệ sẽ sáng chiếu, chính trí tuệ ấy dẫn dắt con người đến với sự chứng ngộ.

Quả thật, tam học này là con đường dẫn đến sự chứng ngộ. Vì không chịu tu học tam học này nên con người cứ mãi mê muội chất chồng. Bước vào đạo rồi thì không tranh

giành với tha nhân, lặng lẽ gột rửa mọi tư duy tự nội, thanh tĩnh tâm hồn và phải mau mau chóng chóng đạt đến sự chứng ngộ.

3. Tam học này nếu nói rộng ra đó là tám thánh đạo, bốn niệm trụ, bốn chánh cần, năm lực, sáu ba-la-mật.

Tám thánh đạo đó là, cách nhìn đúng đắn (chánh tri kiến), tư duy đúng đắn (chánh tư duy), lời nói đúng đắn (chánh ngữ), hành vi đúng đắn (chánh nghiệp), nghề sinh nhai đúng đắn (chánh mạng), nỗ lực đúng đắn (chánh tinh tấn), niệm tưởng đúng đắn (chánh niệm), thiền định đúng đắn (chánh định).

Cách nhìn đúng đắn có nghĩa là, sáng tỏ bốn chân lý (tứ đế), có niềm tin vào lý nhân quả, không có kiến chấp sai lầm.

Tư duy đúng đắn có nghĩa là không chìm đắm trong dục lạc, không tham, không sân, không có tâm ác hại.

Lời nói đúng đắn nghĩa là, lìa khỏi lời dối trá, lời vô ích, lời ác, lời hai chiều.

Hành vi đúng đắn có nghĩa là không sát sanh, không trộm cắp, không vướng vào quan hệ tình ái với người không chính thức là vợ hay là chồng.

Nghề sinh nhai đúng đắn nghĩa là tránh xa những nghề nghiệp đáng xấu hổ đối với con người.

Nỗ lực đúng đắn có nghĩa là, siêng năng hướng mình đến

Con Đường Thực Tiễn

điều đúng đắn, nỗ lực không giải đãi.

Niệm tưởng đúng đắn có nghĩa là, giữ gìn tâm ý sâu sắc trong tư duy đúng đắn.

Thiền định hay sự nhất tâm đúng đắn có nghĩa là, để trí tuệ sáng tỏ, không có mục đích sai lầm, làm tĩnh lặng tâm một cách đúng đắn và nhiếp tâm tập trung.

4. Tứ niệm trụ là:

Thấy được rằng thân thể của ta là thứ nhơ bẩn, là thứ không nên chấp trước.

Thấy được rằng dù cho có cảm thọ gì đi nữa thì tất cả chúng đều là nguồn gốc của khổ.

Thấy được rằng tâm ta là cái vô thường, biến chuyển.

Thấy được rằng tất cả sự vật đều được tạo lập nên nhờ những nguyên nhân và điều kiện, không có gì độc lập vĩnh cửu bất biến.

5. Tứ chánh cần là cố gắng làm bốn điều:

Điều ác có thể xảy ra thì ngăn không cho nó xảy ra.

Điều ác đã xảy ra thì chấm dứt nó từ đây.

Điều thiện có thể sẽ xảy ra thì vun đắp để nó xảy ra.

Điều thiện đã xảy ra rồi thì bồi đắp để nó ngày càng lớn hơn.

6. Năm lực là năm thứ có sức mạnh để đạt được sự giác ngộ. Đó là:

Niềm tin

Sự nỗ lực

Có tâm ý sâu sắc

Có sự tập trung (định)

Có trí huệ sáng suốt

7. Sáu ba-la mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nếu tu sáu thứ này thì có thể từ bờ bên này là mê vọng vượt qua được bờ bên kia là giác ngộ, do đó còn gọi là lục độ.

Bố thí là từ bỏ tâm luyến tiếc, trì giới là giữ gìn đúng đắn các hành vi, nhẫn nhục là chữa trị tâm dễ nổi nóng, tinh tấn là làm mất tâm lười biếng, thiền định là làm tĩnh lặng tâm để loạn động, trí tuệ là làm sáng suốt tâm mê mờ ngu si.

Bố thí và trì giới như cái nền của thành trì, là nền tảng của sự tu hành, nhẫn nhục tinh tấn như tường thành, phòng ngừa giặc nạn từ bên ngoài vào, thiền định và trí tuệ là để phòng thân, là vũ khí để tránh khỏi vòng sinh tử, đó là cái giáp che thân khỏi sự tấn công của kẻ địch.

Khi gặp kẻ hành khát thì tặng ít vật, vậy là bố thí, nhưng đó không phải là bố thí tối thượng. Mở lòng ra tự mình tìm đến người khác mà bố thí, đó mới là bố thí tối thượng. Lại nữa, thi thoảng mới bố thí cũng không phải là bố thí tối

Con Đường Thực Tiễn

thượng, bố thí định kỳ thường xuyên thì đó mới là bố thí tối thượng.

Bố thí rồi tiếc rẻ hay bố thí rồi có ý khoe khoang thì không phải là bố thí tối thượng. Vui vẻ mà bố thí, bản thân người bố thí, người nhận của bố thí và vật bố thí, quên ngay cả ba điều này thì mới là bố thí tối thượng.

Bố thí đúng đắn là không cầu phước báo, có tâm từ bi trong sạch, phải cầu cho cả mình cả người đều được vào đạo giác ngộ.

Có bảy loại bố thí mà người không giàu có cũng làm được. Một là thân thí, tức phụng sự bằng sức lao động của mình, và cung bậc cao nhất của thân thí là xả thân hành sẽ được nói ở sau. Hai là tâm thí, lòng quan tâm đến người khác hay vật khác. Ba là nhãn thí, nhìn người bằng đôi mắt hiền hoà, làm cho tất cả những ai ở đó cũng đều cảm thấy an lòng. Bốn là hoà nham thí, tức thể hiện nụ cười ôn hoà trên gương mặt. Năm là ngôn thí, tức nói lời êm ái có chứa sự quan tâm. Sáu là sàng toạ thí, tức nhường chỗ ngồi của mình cho người khác. Bảy là phòng xá thí, tức cho người nhờ một đêm ở nhà mình. Bảy sự bố thí trên đây ai cũng có thể làm được, là những thứ có thể thực hành trong cuộc sống hằng ngày.

8. Ngày xưa có vị vương tử tên gọi là thái tử Sattva (Tát-đoà). Một hôm, cùng hai vương tử anh vào rừng chơi thì thấy một con hổ mẹ sinh được bảy con hổ con đang chịu con đói kêu thảm thiết vì đành phải ăn thịt con.

Hai vị vương tử anh hoàng sợ mà chạy, chỉ còn vương tử Sattva, để xả thân cứu con hổ đói, chàng liền leo lên một tảng đá cao rồi gieo mình xuống cho hổ, hổ mẹ như thế có đủ thức ăn, cứu được sinh mạng của các hổ con.

Thái tử Sattva thực hiện việc thí thân một cách tự nhiên, trong thâm tâm chàng nghĩ rằng: “thân này thì sẽ biến đổi, vô thường, bản thân ta lâu nay không biết bố thí chỉ đắm đắm yêu mến thân mình, bây giờ là phải lúc bố thí thân này để cầu đạo giác ngộ”. Với quyết tâm như thế, thái tử đã thí thân làm thức ăn cho hổ đói.

9. Lại nữa ở đây còn có bốn tâm rộng lớn (tứ vô lượng tâm) từ, bi, hỷ, xả mà người cầu đạo cần phải tu học.

Tu tập tâm từ thì sẽ đoạn được tâm tham, tu tập tâm bi thì sẽ đoạn được tâm sân, hỷ thì sẽ đoạn trừ được khổ đau, xả là không còn cái nhìn phân biệt đối với ân và oán.

Làm hạnh phúc và an lạc cho nhiều người, đó là lòng từ lớn. Làm cho nhiều người hết khổ hết sầu là lòng bi lớn. Với tâm hoan hỷ mà đối xử với mọi người là đại hỷ. Đối xử bình đẳng với tất cả không có cách biệt là đại xả.

Nuôi dưỡng bốn tâm rộng lớn từ, bi, hỷ, xả như thế này thì trừ được tâm tham, sân, khổ đau và chấp trước. Nhưng cái tâm khó bỏ là tâm ác như con chó nuôi trong nhà, tâm thiện dễ mất như con nai chạy vào rừng. Lại nữa, Tâm ác khó tiêu mất như chữ khắc trên đá, tâm thiện dễ tiêu mất như chữ viết trên nước. Do đó, phải nói rằng tu hành là việc thật

Con Đường Thực Tiễn

sự rất khó.

10. Thế Tôn có một người đệ tử tên là Srona, sinh ra trong gia đình giàu có nhưng cơ thể yếu bẩm sinh. May mắn gặp Phật và thành đệ tử của ngài. Srona tu hành tinh tấn, bền bỉ chịu đau đến nổi chảy máu chân nhưng vẫn không thể chứng ngộ.

Đức Phật thương xót bảo Srona:

“Này Srona, khi con còn ở nhà có học đàn phải không? Khi lên dây gấp hay chùng dây lại thì sẽ không ra âm thanh hay. Chỉ khi căng và chùng dây vừa phải thì mới ra âm thanh nghe được.

Việc chứng đạo cũng giống như thế, giải đãi lười biếng sẽ không được đạo, nhưng quá cố gắng cũng không thể đạt được đạo quả. Nên về sự tinh tấn, con người cần phải nghĩ đến mức độ phù hợp với mình”.

Nghe được giáo huấn này Srona hiểu được và cuối cùng cũng đạt được sự chứng ngộ.

11. Ngài xưa có vị thái tử, vì có thể sử dụng được năm loại vũ khí nên được gọi là “người có thể sử dụng năm loại vũ khí”. Sau khi tu luyện xong trên đường trở về quê hương, nơi chốn hoang dã, thái tử đã gặp một con quái vật. Con quái vật từ từ bước tới bức hại thái tử. Ban đầu thái tử phóng mũi tên, cho dù mũi tên đã phóng trúng nhưng chỉ

dính bện vào lông quái thú mà không hề tổn thương nó gì cả. Lần lượt kiếm, mâu, gậy, giáo tất cả đều bị cuốn vào lông, chẳng làm gì được nó.

Sau khi dùng hết vũ khí, thái tử ra nắm đấm bằng tay và đá bằng chân, nhưng tay và chân ấy đều dính vào lông của quái thú, thân thể thái tử dính vào thân quái thú và lơ lửng trên không. Thái tử dùng đầu nện vào ngực quái thú và đầu cũng dính luôn vào ngực.

Con quái thú nói rằng: “Ông đã hoàn toàn trong tay tôi rồi, bây giờ tôi ăn thịt ông”. Thái tử cười nói:

“Nhà ngươi có lẽ tưởng là ta đã hết vũ khí rồi thì phải. Ta vẫn còn vũ khí kim cang đây. Nếu nhà ngươi mà nuốt ta, cái vũ khí này sẽ thọc bụng nhà ngươi từ bên trong đây”.

Quái thú bấy giờ nhụt chí vì dũng khí của thái tử, liền hỏi: “làm sao có thể làm được điều ấy?”.

Thái tử trả lời: “nhờ sức mạnh của chân lý”.

Bấy giờ quái thú thả thái tử ra, lại còn thụ giáo của thái tử mà xa lìa điều ác.

12. Không biết xấu hổ với chính mình, không biết xấu hổ với người khác là phá hoại thế gian, biết xấu hổ với chính mình, biết xấu hổ với người khác là gìn giữ thế gian. Nếu có tâm tâm quý thì sẽ có lòng tôn kính cha mẹ sư trưởng người trên, và cũng giữ gìn trật tự anh em chị em. Quả thật, có tự mình phản tỉnh thì sẽ có xấu hổ với bản thân,

Con Đường Thực Tiễn

nhìn việc của người khác rồi tự mình thấy xấu hổ, điều này phải nói là đáng được tôn trọng.

Nếu khởi tâm sám hối thì tội sẽ không còn là tội, nhưng nếu không có tâm sám hối thì tội vĩnh viễn vẫn là tội, nhốt lấy người đó.

Khi nghe lời dạy đúng và thường nghĩ đến ý nghĩa ấy, nhờ thực tập lời dạy ấy mà thấm thấu. Nếu không nhớ nghĩ, không tu tập thì dù có nghe cũng không thể thấm thấu.

Tín, tâm, quý, nỗ lực và trí tuệ là sức mạnh to lớn trong thế gian. Trong đó, sức mạnh trí tuệ là chính, bốn cái kia là sức mạnh phụ kết hợp với trí tuệ ấy.

Tu hành mà bị vướng vào tạp sự, tạp đàm, ham ngủ là nguyên nhân của sự thoái lui.

13. Cùng tu hành nhưng cũng có người chứng ngộ trước, có người chứng ngộ sau. Nên khi nhìn thấy người khác đắc đạo, mình chưa đắc mà buồn lòng là không được.

Trong việc học bắn cung, dù ban đầu ít bắn trúng nhưng nếu học liên tục thì sẽ bắn trúng. Hay như dòng nước chảy nối nhau liên tục thì cuối cùng cũng ra đến biển, việc tu hành nếu không từ bỏ thì chắc chắn cũng sẽ chứng được đạo.

Như trước đã nói, nếu mở mắt ra thì ở đâu cũng có lời giáo huấn, cũng vậy, cơ duyên chứng đạo cũng hiển hiện khắp mọi nơi.

Khi đốt hương, mùi hương toả ra, biết rằng mùi hương ấy không phải có, cũng không phải không, không phải đi, cũng không phải đến. Cũng có người biết như thế mà chứng đạo.

Lại cũng có người đi trên đường chân giẫm phải cái gai. Từ cảm giác cái đau nhức ấy ý nghĩ xuất hiện trong anh ta rằng: cái đau vốn dĩ không phải là tâm cố định, chẳng qua là do tiếp xúc với duyên mà có nhiều thứ tâm, cùng một cái tâm nhưng loạn động thì thành phiền não xấu xa, nếu được chế ngự thì đạt thành giác ngộ cao đẹp.

Cũng có trường hợp, có người có nhiều tham dục, nghĩ về lòng dục của mình, biết rằng có khi nào đó nhiên liệu dục vọng này sẽ thành ngọn lửa trí tuệ, và thế là cuối cùng anh ta đã chứng nhập đạo giác ngộ.

Lại cũng có người nghe được lời dạy rằng: “hãy làm cho tâm an, nếu tâm được an thì mọi thứ trong đất trời này đều bình an”, biết được rằng sự sai biệt trong thế giới này đều bắt nguồn từ những quan điểm của tâm, và thế là ngộ đạo.

Tiết 3: Con Đường Của Niềm Tin

1. Người quy y vào đức Phật, vào giáo pháp của ngài và vào giáo đoàn của ngài thì gọi là tín đồ Phật giáo. Và tín đồ Phật giáo thường sẽ có giới luật, tín ngưỡng, bổ thí, trí tuệ. Cụ thể là như sau:

Không đoạt mạng sống của chúng sanh, không trộm cắp, không quan hệ tình ái với người ngoài hôn phối, không nói dối, không dùng chất kích thích làm mất tỉnh táo. Việc giữ gìn năm điều này là giới của tín đồ Phật giáo.

Tin vào trí tuệ của Phật là ý nghĩa của “tín” trong từ “tín đồ Phật giáo”. Xa lìa tâm tham lam, tâm tiếc vật, thường thích việc bố thí cho người khác là sự bố thí của tín đồ Phật giáo. Biết được lý nhân duyên, biết được lý vô thường là trí huệ của tín đồ Phật giáo.

Cũng giống như cây đã nghiêng về hướng đông thì nhất định khi nào đó nó sẽ ngã về hướng đông. Những ai có tín tâm sâu dày, cuộc sống thường ngày thường lắng lòng nghe lời Phật dạy, đến một lúc, dù kết thúc thân mạng này thế nào đi chăng nữa thì nhất định cũng sẽ được sinh về cõi Phật.

2. Chúng ta vừa mới nói tín đồ Phật giáo là người tin vào đức Phật, giáo pháp và giáo đoàn của Phật.

Đức Phật có nghĩa là người đã khai mở đạo giác ngộ, đem đạo giác ngộ ấy mà cứu độ và làm lợi ích cho chúng sinh.

Giáo pháp có nghĩa là lời dạy của đức Phật ấy. Giáo đoàn có nghĩa là đoàn thể hoà hợp tu hành đúng theo giáo pháp ấy.

Đức Phật, giáo pháp, giáo đoàn, ba yếu tố này tuy là ba nhưng không tách rời nhau. Phật thị hiện trong giáo pháp của ngài, giáo pháp ấy được thực hiện bởi giáo đoàn của ngài, nên ba yếu tố này cũng chỉ là một.

Như thế, tin vào giáo pháp và giáo đoàn cũng chính là tin vào đức Phật, nếu tin Phật thì tự nhiên cũng tin vào giáo pháp và giáo đoàn của ngài.

Do đó, con người dù chỉ tin vào đức Phật thôi cũng có thể được cứu độ và cũng có thể được giác ngộ. Vì Phật yêu thương tất cả chúng sanh như cha mẹ thương con. Cũng giống như con nghĩ về mẹ, con người nếu nghĩ về Phật, tin Phật thì sẽ thấy được Phật trước mắt, sẽ được Phật cứu độ.

Người tin Phật thường được sống trong ánh sáng của Phật, và một cách tự nhiên được thấm nhuần hương giác ngộ của Phật.

3. Trên đời này không có gì mang lại lợi ích to lớn hơn là việc tin tưởng vào đức Phật. Nếu chỉ có một lần duy nhất nghe tên của Phật, hoan hỷ tin tưởng, thì có được lợi ích lớn không gì hơn.

Do đó, con người cần phải tìm cầu học hỏi lời Phật dạy, cho dù đi vào trong thế giới đầy lửa dữ này khi nghe danh

Con Đường Thực Tiễn

hiệu của Phật thì nên sinh lòng hoan hỷ kính tin.

Quả thật, gặp Phật là điều khó, gặp được người chỉ dạy giáo pháp ấy cũng khó, nhưng tin được giáo pháp ấy lại càng khó hơn.

Nay đã gặp được người nói pháp khó gặp rồi, nghe được giáo pháp khó có thể nghe được rồi, do đó cần phải hoan hỷ kính tin đức Phật, đừng để mất lợi ích lớn này.

4. Chính tín tâm là bạn lành của con người, là lương thực trong cuộc lữ thế gian, là tài sản lớn nhất của con người.

Tín tâm chấp nhận được lời Phật dạy, là đôi tay trong sạch thọ nhận tất cả mọi công đức. Tín là ngọn lửa, đốt cháy sạch những tạp nhiễm trong tâm của con người, và đưa con người vào đạo.

Lòng tin làm cho con người thêm giàu có, hết lòng tham, bỏ lòng kiêu ngạo, dạy cho con người biết kính trọng và khiêm nhường. Và như thế, trí tuệ sẽ minh mẫn hơn, hành vi sẽ minh bạch hơn, tinh thần không bị tổn hại khi gặp khó khăn, không quá vướng mắc vào ngoại cảnh, không bị dụ dỗ, được tiếp thêm sức mạnh.

Lòng tin yểm trợ ta khi ta nản chí trên đường dài, dẫn dắt ta vào đạo giác ngộ.

Lòng tin cho ta tư tưởng như lúc nào cũng ở trước Phật, được Phật che chở, làm ôn hoà thân cũng như tâm ta, cho

ta cái đức luôn quý trọng và cảm thông với tất cả mọi người.

5. Người có lòng tin này, tai dù nghe âm thanh gì cũng như đang thưởng thức pháp âm của Phật, được trí tuệ hoan hỷ, biết được rằng tất cả những sự việc có trong đời đều là nhờ nhân và duyên mà thành, đạt được trí tuệ chấp nhận điều đó một cách tự nhiên.

Người có lòng tin này có trí tuệ biết rằng mọi vật nơi cõi đời này vốn chẳng qua là tạm bợ, đó là sự thật không bao giờ thay đổi, được trí tuệ không ưu sầu không hoảng hốt đối với sự biến đổi của vinh nhục thịnh suy.

Lòng tin được thể hiện qua ba việc, đó là sám hối, tùy hỷ và cầu nguyện.

Phản tỉnh lại bản thân mình một cách sâu sắc, tự biết tội và điều chưa thanh tịnh của mình mà sám hối. Nhìn thấy điều thiện của người khác mà hoan hỷ như là việc của mình, và khởi lòng cầu nguyện công đức cho người đó. Lại nữa, cũng nguyện mình khi nào cũng ở bên Phật, đi bên Phật, sống cạnh Phật.

Lòng tin này là tâm thành, là tâm sâu lắng, là tâm hoan hỷ bởi được sức thần của Phật dẫn vào cõi Phật.

Do đó, dù nghe danh hiệu của đức Phật được xướng tụng ở đâu, dù chỉ một niệm hoan hỷ kính tin, đức Phật sẽ ban cho sức mạnh chân tâm, dẫn dắt người đó vào cõi nước Phật, làm cho đạt đến vị trí không còn chất chông mê muội trở

Con Đường Thực Tiễn

lại nữa.

6. Lòng tin Phật như thế này là biểu hiện của Phật tánh trong tâm của mọi chúng sanh. Bởi vì, người biết Phật hiểu Phật sẽ là Phật, người tin Phật sẽ thành Phật.

Tuy nhiên, cho dù có Phật tánh đi chăng nữa nhưng Phật tánh ấy bị chìm sâu trong đáy bùn lầy phiền não, mê giác ngộ không thể nảy sinh, không thể khai hoa được. Làm sao tâm thanh tịnh hướng Phật có thể sanh khởi khi bị cuốn vào trong phiền não tham sân?

Trong rừng cây độc Eranda thì chỉ có Eranda nảy mầm, còn cây hương Chandana (Chiên-đàn) không thể mọc. Nếu cây Chandana có thể mọc trong rừng Eranda thì điều này thật sự hiếm. Nay nơi chỗ của con người mà có tâm tin Phật, hướng Phật cũng thế, phải nói là điều quý hiếm.

Do đó, tín tâm tin vào đức Phật của con người được gọi là “vô căn tín”. Vô căn có nghĩa là trong tâm của con người không có cái gốc rễ sinh ra niềm tin này, gốc rễ niềm tin này là nơi tâm từ bi của đức Phật. Ý là như vậy.

7. Tín là việc cao quý như thế này, chính là cội nguồn của đạo, là mẹ của chư công đức. Tuy nhiên, người cầu đạo không có đầy đủ tín này là vì năm mỗi nghi sau đây làm chướng ngại.

Một là nghi ngờ về trí tuệ của Phật.

Hai là nghi ngờ về đạo lý của giáo pháp.

Ba là nghi ngờ đối với người nói pháp.

Bốn là thường lạc lối trên con đường cầu đạo.

Năm là do không kiên nhẫn, do mạn tâm mà nghi ngờ đối với bạn đạo.

Quả thật trên đời này không có gì nguy hiểm bằng lòng nghi ngờ. Lòng nghi ngờ ngăn cách con người với nhau, là chất độc phá vỡ sự thân thiết, là ngọn dao gây hại sinh mạng của nhau, là cái gai làm đau lòng lẫn nhau.

Do đó người có được lòng tin thì phải biết rằng lòng tin đó vốn có những nhân duyên đã được sức từ bi của Phật từ quá khứ xa xưa gieo trồng nên.

Người có lòng tin phải biết rằng có sự gia hộ của đức Phật đưa ánh sáng lòng tin ấy đến với con người, phá tan bóng tối nghi ngờ nơi con người.

Những ai khi có được lòng tin, hoan hỷ với nhân duyên sâu dày đã được đức Phật ban cho từ quá khứ xa xưa, người ấy sẽ được sinh ra trong cõi Phật ngay trong kiếp sống này.

Quả thật, được sinh ra làm thân người là khó, nghe được giáo pháp cũng là điều khó, có được tín tâm lại càng khó hơn. Do đó, phải cố gắng tinh tấn lắng nghe lời Phật.

Tiết 4: Lời của Đức Phật

1. Người nghĩ rằng họ nhục mạ tôi, họ chế giễu tôi, họ đánh tôi, nghĩ như thế thì oán hận cứ liên tục không dứt.

Hận thù không thể diệt được hận thù, chỉ khi quên hận thù đi thì mới diệt được hận thù.

Như căn nhà vụng lợp thì bị đột nước mưa, tâm không khéo tu tập thì sẽ bị tham dục tấn công.

Lười biếng là con đường của sự chết, tinh tấn là con đường của sự sống. Người ngu mới lười biếng, người có trí thì sẽ tinh tấn.

Cũng như người thợ làm cung tên chuốt tên cho thật thẳng, người trí cũng phải làm cho tâm mình trở nên chính trực.

Tâm rất khó nắm giữ, khinh động, khó chế ngự. Chính việc chế ngự tâm này là có được sự an ổn.

Chính tâm này tạo ra ác sự cho con người, chứ không phải kẻ thù, cũng không phải kẻ địch tạo ra.

Người giữ gìn tâm này khỏi tham, khỏi sân, khỏi các ác sự thì đạt được an lạc chân thực.

2. Chỉ có lời nói hoa mỹ mà không có sự thực hành thì cũng như hoa có sắc mà không có hương.

Hương của các loài hoa thì không bay ngược gió. Nhưng hương của người đức hạnh thì có thể ngược gió bay muôn

phương.

Người không thể ngủ được thì thấy đêm dài hơn, người đã thấm mệt thì thấy đường xa hơn. Đối với người không biết giáo pháp chân chánh thì kiếp mê lầm và đau khổ càng dài.

Trong cuộc hành trình, nên đi cùng với kẻ bằng mình hoặc đi với kẻ hơn mình. Thà rằng đi một mình còn hơn là đi với người ngu.

Một người bạn xấu còn đáng sợ hơn là loài ác thú. Ác thú chỉ làm hại được thân xác ta, nhưng bạn xấu thì phá hoại cả tâm ta.

Do cứ nghĩ đến những vật sở hữu như đây là con của ta, đây là tài sản của ta nên người ngu phải khổ. Đến ngay bản thân còn không phải của mình thì huống hồ gì là con cái, tiền tài mà là của mình được.

Ngu ngốc mà biết mình ngu ngốc thì hơn hẳn người ngu mà cứ tưởng mình có trí.

Cũng giống như cái thìa múc canh không thể biết được hương vị thức ăn, người ngu mà có giao du với người trí đi nữa cũng không thể hiểu được trí tuệ của người trí.

Cũng giống như sữa tươi thường không dễ đông, hành vi ác không thành quả báo ngay lập tức, nhưng quả báo cũng sẽ đến với người ấy, như ngọn lửa âm ỉ trong đồng tro, ngấm cháy dần dần.

Người ngu thường khổ sở vì danh dự và lợi ích. Muốn được

Con Đường Thực Tiễn

địa vị, muốn có quyền lợi, muốn lợi ích. Họ thường phải khổ sở bởi những cái muốn này.

Người bạn tốt là người chỉ cho ta biết lỗi lầm, khiến trách ta điều xấu, điều thiếu sót. Cần phải quý trọng người ấy như là người đã chỉ cho ta kho báu vậy.

3. Kẻ nào biết hoan hỷ với lời giáo huấn thì có thể ngủ ngon. Vì tâm đã được an tĩnh, do đã được gột rửa trong sạch bởi những lời giáo huấn.

Như người thợ mộc uốn cây gỗ cho thẳng, người thợ làm cung uốn cánh cung cho thật cân, người thợ đào kênh thì vét kênh để có thể dẫn nước vào. Người có trí điều khiển tâm để tâm trở nên linh hoạt.

Cũng như tảng đá to không lay động khi bị gió thổi, tâm của người có trí cũng không dao động bởi lời khen tiếng chê.

Tự chiến thắng mình là chiến thắng vinh quang, hơn cả sự chiến thắng hàng vạn quân nơi chiến trường.

Dù sống cả trăm năm mà không biết đến chánh pháp thì không bằng sống một ngày mà có thể nghe được chánh pháp.

Dù là ai, nếu thật sự yêu bản thân mình thì thường nên giữ bản thân tránh xa điều xấu ác. Nên tỉnh thức chỉ ít là một lần trong đời, khi còn trẻ, khi tráng niên, hay là khi đã già.

Thế gian này lúc nào cũng bốc cháy. Cháy bởi ngọn lửa tham, sân, si. Phải mau mau chạy ra khỏi nhà lửa này càng sớm càng tốt.

Thế gian này quả như bọt nước, như tơ nhện giăng, như cái bình dơ bẩn. Do đó, con người cần phải giữ tâm luôn thanh tịnh.

4. Tránh không làm bất cứ điều gì ác, nên làm tất cả việc lành, giữ tâm ý mình trong sạch, đó là tinh túy lời dạy của đức Phật.

Nhẫn nhục là một trong những hạnh khó, người thường thực hành nhẫn nhục là người đạt được chiến thắng cao thượng.

Sống trong thế giới hận thù mà không hận thù, trong ưu sầu mà không ưu sầu, trong tham lam mà không tham lam. Cần phải sống cuộc đời thanh sạch vô ngã, không coi bất cứ vật gì là của riêng mình.

Không bệnh tật là cái lợi lớn nhất, biết đủ là điều quý nhất, được tin cậy là tình thân chân thật nhất, chứng ngộ là niềm vui lớn nhất.

Cảm thấy muốn rời xa khỏi điều ác, cảm nhận được sự tịch lặng, cảm nhận được niềm hoan hỷ đối với Phật pháp, người có được những cảm nhận này là người không sợ hãi.

Đừng chấp trước vào những điều yêu thích, đừng chán ghét những điều không ưa. Ưu sầu, sợ hãi và sự ràng buộc sinh

Con Đường Thực Tiễn

khởi lên do những yêu và ghét này.

5. Cũng giống như gỉ sắt sinh ra từ sắt nhưng sẽ huỷ hoại sắt, điều ác sinh ra từ con người nhưng sẽ huỷ hoại con người.

Có kính mà không đọc thì là kính bị bụi bám, có nhà mà không sửa chữa dọn dẹp thì là nhà bụi bặm, có thân người mà giải đãi thì chỉ là thân ô uế.

Hành vi không chân chánh làm nhiễm ô con người ta, tiếc rẻ đồ vật làm nhiễm ô sự bố thí, điều ác làm nhiễm ô không chỉ đời này mà cả đời sau.

Tuy nhiên, những nhiễm ô này không nghiêm trọng bằng nhiễm ô của vô minh, nếu rơi vào nhiễm ô này, con người ta không thể nào thanh tịnh lại được, trừ khi vô minh ấy đã được đoạn trừ.

Trong cuộc đời, con người ta dễ rơi vào sự vô tâm, không hồ thẹn, như con quạ tro tro, làm tổn thương người khác mà không thấy ân hận.

Trong cuộc đời, con người ta khó mà có tâm khiêm tốn, biết kính trọng người, xa lìa chấp trước, hành vi trong sạch, trí tuệ sáng suốt.

Thấy lỗi của người thì dễ, thấy lỗi của mình thì khó. Nhược điểm của người thì rêu rao khắp nơi như gió bay khắp bốn phương, nhược điểm của mình thì cố giấu như kẻ đánh bạc giấu bài.

Không trung chẳng hề ghi lại dấu vết của chim, của khói, hay giông tố; tà giáo không làm cho ai có thể giác ngộ; tất cả sự vật không hề là thứ vĩnh cửu; và tâm của người giác ngộ thì không hề bị lay động.

6. Phải giữ thân này cả bên ngoài và bên trong như người lính giữ thành trì vững chắc, để được như thế thì không được để sơ hở dù chỉ một phút giây.

Chính ta là chủ nhân của ta, chính ta là chỗ nương tựa cho ta. Do đó trước hết là phải chế ngự bản thân ta.

Tự chế ngự bản thân và tĩnh lặng tư duy chứ không nói nhiều là bước đầu tiên để đoạn trừ tất cả mọi trói buộc.

Mặt trời sáng rực vào ban ngày, mặt trăng chiếu tỏ vào ban đêm, vũ sĩ oai phong khi mang giáp trận, người cầu đạo sáng ngời khi yên tĩnh tư duy.

Người không giữ gìn các cửa ngõ giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, bị ngoại giới lôi cuốn thì không phải là người tu hành. Người giữ gìn chặt chẽ các căn môn, tâm tịch tĩnh, đó mới là người tu hành Phật đạo.

7. Những ai có chấp trước thì sẽ bị mê say, không thể nhìn sự vật một cách rõ ràng. Nếu lìa khỏi chấp trước thì có thể biết rõ đặc tướng của sự vật. Do đó, đối với tâm đã xa lìa chấp trước thì sự vật trở nên mới mẻ và sinh động.

Nếu có buồn ắt có vui, nếu có vui ắt có buồn. Nếu vượt lên

Con Đường Thực Tiễn

khỏi niềm vui nỗi buồn, vượt khỏi thiện cũng như ác thì sẽ được giải thoát.

Lo lắng về tương lai chưa tới hay nuôi tiếc về quá khứ đã qua thì sẽ khô héo như cây sậy bị chặt gãy.

Không hối tiếc những điều đã qua, không lo lắng về những điều chưa đến, coi trọng những gì có trong hiện tại thì thân tâm sẽ khoẻ mạnh.

Không chạy đuổi theo quá khứ, cũng không chờ đợi tương lai, nên tập trung tâm trí vào phút giây hiện tại.

Việc cần làm hôm nay không nên để đến ngày mai, làm một cách trọn vẹn có thể nhất bây giờ đó là cách sống một ngày có ý nghĩa.

Lòng tin là bạn tốt của con người, trí huệ là hướng dẫn viên ưu tú của con người. Cần phải tìm cầu ánh sáng giác ngộ, thoát khỏi bóng tối vô minh và khổ đau.

Lòng tin là sự giàu có nhất, lòng chân thành là hương vị thanh cao nhất, tích tập công đức là việc đầu tư hữu ích nhất trên đời. Hãy tu tập thân tâm đúng như lời Phật dạy để có được an lạc.

Lòng tin là lương thực trong cuộc hành trình ở thế gian này, công đức là nơi trú ẩn tốt nhất, trí tuệ là ánh sáng ban ngày và chánh niệm là sự thủ hộ ban đêm. Người sống đời sống không nhiễm ô thì không bị huỷ diệt, chính việc chiến thắng dục vọng nên người đó được gọi là người giải thoát.

Con Đường Thực Tiễn

Con người nên quên thân mình để hành động vì gia đình, quên nhà mình để vì thôn xóm, quên thôn xóm để vì quốc gia, và hãy quên tất cả để vì đạo giác ngộ.

Sự vật là vô thường, có đó rồi mất đó, nếu không còn trong vòng sinh diệt thì sẽ có an nhiên tịch tĩnh.

Tăng Thân

Chương thứ nhất

Bốn Phận Của Người Con Phật

Tiết 1: Đời Sống Xuất Gia

1. Những ai muốn làm đệ tử xuất gia của ta thì phải từ bỏ gia đình, xã hội, tài sản. Người từ bỏ tất cả những điều ấy để sống vì Phật Pháp thì đó là người kế thừa của ta, được gọi là đệ tử xuất gia.

Giả sử có người nắm vạt áo của ta mà theo, bước theo từng vết chân của ta đã bước, nhưng nếu vẫn còn các dục nhiều loạn tâm, thì người đó vẫn đang cách xa ta. Cho dù có hình tướng xuất gia nhưng người đó không thấy được giáo pháp. Vì không nhìn thấy được giáo pháp nên người ấy không thể thấy ta.

2. Đệ tử xuất gia của ta cần phải thực hiện bốn điều kiện căn bản trong cuộc sống.

Thứ nhất là, phải mặc áo vá từ những mụn vải cũ.

Thứ hai là, phải kiếm thức ăn bằng cách đi khát thực.

Thứ ba là, phải cư ngụ dưới gốc cây hay nơi hốc đá.

Thứ tư là, chỉ dùng thuốc trị bệnh được làm từ nước tiểu bò được chỉ định bởi tăng.

Ôm bình bát đến từng nhà khát thực là thực hành hạnh khát thực nhưng không ép buộc người khác mà xin, cũng không dụ dỗ hay lừa dối mà xin. Vị xuất gia ấy tin rằng sở dĩ làm như thế là có thể học được cách lìa bỏ mê lầm, tránh xa mọi

nổi khổ trên thế gian.

Như thế, nếu xuất gia mà chưa lìa khỏi dục vọng, tham sân vẫn còn nhiều loạn tâm, các căn môn vẫn chưa được giữ gìn thì vị đó chưa thật sự xuất gia.

3. Người có tự tin rằng mình là người xuất gia, nếu có ai hỏi thì sẽ đáp rằng tôi là người xuất gia, người đó chắc chắn có thể nói như sau:

“Những điều cần làm với tư cách là người xuất gia tôi đương nhiên tuân thủ.

Với việc xuất gia chân thật này, mong cho những ai cúng dường bố thí cho tôi sẽ được hạnh phúc lớn, đồng thời tôi cũng đạt được mục đích xuất gia của mình.”

Thế thì, những điều người xuất gia phải làm là gì? Có tà, có quý, cuộc sống thường nhật và ba hành vi thân miệng ý phải trong sạch, thường giữ gìn năm cửa ngõ giác quan, tâm không bị xao xuyến việc hưởng thụ dục lạc. Lại nữa, không khen mình chê người, không lười biếng và ham ngủ.

Ban đêm tọa thiền kinh hành, khi ngủ thì nằm nghiêng về bên phải, hai chân song song, nhớ nghĩ đến thời gian cần phải thức dậy lúc sáng mai rồi vào giấc ngủ an lành. Sáng sớm thức dậy, bắt đầu ngày mới cũng bằng thời khoá tọa thiền, kinh hành.

Trong sinh hoạt ngày thường phải thường xuyên giữ tâm chính trực, chọn chỗ an tĩnh mà ngồi, luôn kiểm soát thân

Bổn Phận Của Người Con Phật

tâm chơn chánh, phải tránh xa tham, sân, si, ham ngủ, vọng tưởng, hối tiếc, nghi ngờ và giữ tâm thanh tịnh.

Cứ như thế, giữ gìn chánh niệm, trí tuệ siêu việt sẽ sanh khởi, phiền não sẽ được diệt trừ, tập trung hướng về sự giác ngộ.

4. Nếu đã là người xuất gia mà quên mình là người xuất gia, không xả tham, lìa sân, không bỏ hận thù, ghen tức, tự phụ, lừa dối, người đó giống như người mang con dao hai lưỡi bọc trong miếng vải mỏng.

Không phải khoác áo cà-sa lên mình là thành người xuất gia, không phải cầm bình bát đi khất thực là thành người xuất gia, không phải cứ đọc kinh ngân nga là thành người xuất gia, đó chỉ là cái bề ngoài, không hơn không kém.

Dù bề ngoài là người xuất gia đi chẳng nữa mà chưa dứt trừ phiền não thì cũng không phải là người xuất gia. Cũng như cho dù đắp y cà-sa cho đứa trẻ thì cũng không thể gọi bé ấy là người xuất sĩ được.

Người có thể giữ tâm chánh niệm, có trí tuệ sáng tỏ, không còn phiền não, một lòng hướng đạo bồ-đề, bước trên con đường đích thực của người xuất gia, người như thế mới được gọi là người xuất gia chân thực.

Cho dù xương tan thịt nát cũng phải luôn cố gắng, quyết chí đạt đến chỗ cần chứng đạt, nếu có nỗ lực thì cuối cùng sẽ đạt được mục đích của việc xuất gia, có thể hoàn thành

hạnh thanh tịnh.

5. Lại nữa, con đường xuất gia là phải truyền trì chánh pháp. Thuyết pháp ấy cho tất cả mọi người, làm cho những ai đang ngủ quên thì tỉnh giấc, làm cho những ai đang ôm tà kiến thì có chánh kiến, hoằng truyền chánh pháp không tiếc thân mạng.

Tuy nhiên, bởi vì việc thuyết pháp này là điều không dễ, nên người ôm chí nguyện thuyết pháp lợi sinh thì phải đáp y ca-sa của Phật, ngồi chỗ ngồi của đức Phật, bước vào ngôi nhà của Phật rồi mới nói pháp.

Đáp y ca-sa của Phật có nghĩa là phải có tâm nhu hoà kham nhẫn. Ngồi chỗ ngồi của đức Phật có nghĩa là nhìn thấy mọi sự đều là không, không chấp trước. Vào ngôi nhà của Phật có nghĩa là có lòng đại từ bi đối với tất cả mọi người.

6. Lại nữa, người muốn nói pháp này phải chú ý bốn điều. Thứ nhất là về hành vi, thứ hai là về lời nói, thứ ba là về thệ nguyện, thứ tư là về lòng đại bi của vị ấy.

Thứ nhất, người tuyên thuyết giáo pháp là phải sống trên nguyên tắc nhẫn nại, phải nhu hoà, không hung hăng, xem mọi sự là không, nên không khởi tâm so đo thiện ác, cũng không cho rằng có điều gì đáng để tâm chấp trước, tâm phải an định và hành vi của thân phải nhu hoà.

Thứ hai, vị ấy phải học cách thận trọng khi tiếp xúc với

Bổn Phận Của Người Con Phật

nhiều hạng người khác nhau, giữ mình không gần với người có quyền thế, người có lối sống tà ác, và không thân cận người khác phái. Vị ấy cần phải thường ở chỗ vắng vẻ trau sửa tâm mình, tư duy về lý duyên khởi của sự vật, trú tâm như thế, vị ấy không nhục mạ người, không khinh khi người hay nói lỗi của người.

Thứ ba, vị ấy cần phải giữ tâm mình an tịnh, xem đức Phật là cha lành, xem bạn đồng tu là thầy dạy đạo, khởi lòng từ bi đối với tất cả chúng sanh mà bình đẳng nói pháp.

Thứ tư, vị ấy cần phải như đức Phật, phát huy lòng từ bi lên tới mức cao nhất, đối với người chưa biết cầu đạo thì phát nguyện làm cho kẻ ấy có thể nghe được giáo pháp, rồi theo nguyện ấy mà nỗ lực để đạt thành.

Tiết 2: Phận Sự của Phật Tử Tại Gia

1. Ở trước có nói, người tin vào Phật giáo, tức là người tin vào tam bảo: Phật, giáo pháp và giáo đoàn.

Do đó, người có niềm tin vào Phật giáo là phải có niềm tin bất hoại đối với đức Phật, giáo pháp và giáo đoàn, phải giữ gìn giới luật đã thọ với tư cách là Phật tử tại gia.

Giới luật của người Phật tử tại gia nghĩa là không sát sinh, không trộm cắp, không quan hệ tình ái bất chính, không nói dối, không sử dụng chất kích thích làm tâm trí say sưa.

Phật tử tại gia là người có niềm tin đối với tam bảo, và giữ gìn giới luật của người tại gia, bên cạnh đó còn phải làm cho người khác cũng có được niềm tin vào giới luật này. Cần phải cố gắng làm cho mọi người trong thân tộc, bạn bè, người quen biết có cùng niềm tin. Nhờ như thế mà tất cả mọi người đều có thể được nhuần ánh từ bi của Phật.

Việc có tín tâm đối với tam bảo và giữ gìn giới luật của Phật tử tại gia là để được tuệ giác giác ngộ, cho dù người tại gia sống trong cuộc đời còn ái dục nhưng phải cố gắng không để ái dục trói buộc.

Cha mẹ rồi cũng đến lúc phải biệt ly, gia đình rồi cũng đến lúc phải chia lìa. Cõi đời này rồi cũng đến lúc phải ra đi, không để tâm bị trói buộc nơi cái phải chia lìa, nơi cái phải ra đi, mà phải hướng tâm vào niết-bàn, nơi vốn không có sự chia ly ấy.

Bổn Phận Của Người Con Phật

2. Nếu nghe được lời dạy của đức Phật, có niềm tin sâu dày không thoái chuyển thì sẽ tự nhiên khởi tâm hoan hỷ. Nếu đạt đến tâm cảnh này thì nhận thấy mọi sự đều sáng tỏ, ánh sáng ấy phản chiếu trong tâm làm tâm sinh hỷ lạc.

Lòng tin này trong sáng và nhu hoà, thường hay nhẫn nại, không thích tranh giành, không làm phiền nhiễu người khác, thường xuyên nghĩ nhớ đến Phật pháp tăng. Do đó tâm vị ấy thường sinh hoan hỷ, có thể nhìn thấy ánh sáng giác ngộ ở bất cứ nơi đâu.

Nhờ có niềm tin mà người ta sống dưới ánh sáng giác ngộ của Phật, rời bỏ tư tưởng về cái tôi, không còn tham tiếc cái của tôi, do đó không còn sợ hãi trong cuộc đời, không còn chán nản vì bị sỉ nhục.

Vì tin rằng sẽ sinh về cõi nước của Phật nên không sợ chết, vì có niềm tin vào giáo pháp tôn quý và chân thật nên không run sợ, khi ở trước đám đông có thể nói năng một cách tự tin.

Lại nữa, vì vị ấy có đầy lòng từ bi nên không có ý niệm yêu ghét đối với mọi người, vì tâm trong sáng ngay thẳng nên cứ thế mà tiến tu, thực hành tất cả điều thiện.

Niềm tin ngày càng tăng dù là trong thuận duyên hay nghịch cảnh, biết hổ thẹn, kính quý lời Phật dạy, làm đúng như những gì đã nói, nói đúng như những gì đã làm, lời nói và hành động hợp nhất với nhau, nhìn sự vật với trí tuệ sáng suốt, lòng vững như núi, nguyện dần dần hướng đến đạo quả bồ-đề giác ngộ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Lại nữa, cho dù gặp chuyện gì xảy ra cũng dẫn dắt mọi người với tâm như tâm của Phật, dù ở trong cõi đời ác trược, sống cùng với con người nhiễm ô nhưng luôn cố gắng chuyển hoá những người ấy đến với điều thiện.

3. Do đó, mọi người trước tiên cần phải tự mình lập nguyện nghe giáo pháp.

Giả như có người bảo rằng “nếu bước vào trong đồng lửa đang cháy này thì sẽ được pháp” cũng phải có quyết tâm cầu đạo mà bước vào ngọn lửa ấy.

Việc đi trong thế giới đầy lửa dữ mà nghe được danh Phật thì đúng là sự cứu độ.

Làm được như thế thì bản thân sẽ có được giáo pháp. Cần phải bố thí rộng khắp, cung kính người đáng cung kính, phụng sự người đáng phụng sự, đối xử với người khác bằng lòng từ bi sâu rộng. Tự lợi, ích kỷ không phải là lối sống của người sống theo lời Phật dạy.

Như thế, người Phật tử tại gia cần phải chú trọng việc tu tập tâm, không xao nhãng bởi những sự việc khác. Vị ấy nghe giáo pháp, tin tưởng thực hành theo giáo pháp, không ganh ghét người, không bị lung lạc bởi lời bàn ra của người khác, không quan tâm đến tôn giáo nào khác nữa.

Người không có niềm tin vào Phật pháp thì vì họ chỉ nghĩ đến những thứ của bản thân nên tâm tính nhỏ hẹp, khi nào cũng rối ren. Còn người có lòng tin nơi Phật pháp thì vì tin

Bổn Phận Của Người Con Phật

rằng có một sức mạnh trí tuệ và từ bi gia hộ cho mình nên tự nhiên tâm tánh rộng rãi bao dung không chật vật rối rắm.

4. Lại nữa, người nghe được giáo pháp sẽ thấy được vốn dĩ thân này là vô thường, vốn là sự tập hợp của khổ đau, là nguồn gốc của điều xấu ác nên không chấp trước thân này.

Nhưng cũng cần phải nuôi dưỡng thân này một cách thận trọng, đó không phải vì tham lam dục lạc mà vì thân này có thể tu hành để chứng đạo và truyền trì Phật pháp.

Nếu không nuôi dưỡng thân này thì không thể giữ được mạng sống, nếu không có mạng sống thì không thể tu hành Phật đạo và truyền trì giáo pháp ấy.

Cũng giống như kẻ muốn qua sông thì phải giữ gìn chiếc bè, người đi đường xa thì phải săn sóc con ngựa. Người muốn thực hành theo giáo pháp để đạt đạo quả giác ngộ thì phải quý trọng giữ gìn thân thể này.

Lại nữa, người Phật tử tại gia cần phải biết việc mặc quần áo là để che thân, để tránh cái nóng cái lạnh, không phải là để trang sức phù phiếm.

Người ấy cũng cần phải biết ăn uống là để nuôi thân mà học đạo và truyền trì Phật pháp, chứ không phải để mà hưởng thụ.

Đối với nhà ở cũng vậy, không phải là để hưởng thụ cá nhân hay khoe khoang sự phú quý. Cần phải nghĩ rằng để

Bổn Phận Của Người Con Phật

sống trong ngôi nhà giác ngộ, để được phòng hộ khỏi bọn giặc tham dục thế gian, khỏi những cơn mưa bão tà giáo.

Cứ như thế đối với tất cả, bất cứ điều gì cũng không nghĩ là để cho thân này, cũng sẽ không có lòng kiêu ngạo đối với người khác, mà phải nghĩ là chỉ vì sự giác ngộ, vì giáo pháp, vì lợi ích cho mọi người.

Do đó, cho dù sống ở nhà cùng với gia đình nhưng lòng không hề lìa khỏi giáo pháp. Cư xử với gia đình bằng tâm từ bi, tìm kiếm phương cách để đánh thức niềm tin chánh pháp trong tâm của mọi người.

5. Những Phật tử tại gia vốn là thành viên của giáo đoàn Phật giáo này, ngày thường cần phải để tâm hầu cận mẹ cha, chăm sóc gia đình, chăm sóc bản thân và phụng thờ đức Phật.

Khi hầu cận mẹ cha, thì học cách thực hành tâm từ đối với tất cả sinh mệnh chúng sanh. Khi sống cùng vợ con thì học cách từ bỏ tham ái và hạnh phúc ích kỷ.

Khi nghe âm nhạc thì nên nghĩ muốn đạt được niềm vui trong giáo pháp, khi ở trong phòng thì nên nghĩ muốn bước vào cảnh giới của thánh giả, vĩnh viễn xa lìa nhiễm ô.

Khi bố thí cho người khác thì phải nghĩ muốn lìa bỏ hết tâm tham. Khi ở chỗ đông người thì nghĩ muốn bước vào chúng hội của chư Phật. Khi gặp điều bất hạnh thì nguyện có được tâm không bị dao động.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Khi quy y Phật thì nguyện cùng với mọi người sinh khởi tâm cầu đạo và thể đắc đại đạo.

Khi quy y giáo pháp thì nguyện cùng với mọi người bước vào kho tàng giáo pháp thâm sâu, được trí tuệ rộng lớn như biển cả.

Khi quy y tăng già thì nguyện cùng với mọi người dẫn dắt đại chúng, tiêu trừ tất cả chướng ngại.

Lại nữa, khi mặc quần áo thì không quên coi y phục là thiện căn và tàm quý.

Khi đi vệ sinh thì nguyện diệt trừ những thứ ô nhiễm tham sân si.

Khi thấy con đường dốc lên cao thì nghĩ muốn đạt đến đạo vô thượng, vượt khỏi thế giới u mê; khi nhìn thấy con đường dốc xuống thấp thì nên nguyện bước vào giáo pháp thâm sâu.

Khi nhìn thấy cây cầu thì nguyện sẽ bắc cây cầu giáo pháp để mọi người đi qua.

Khi nhìn thấy người đau buồn đáng thương thì khởi tâm đau buồn cho cuộc đời đổi thay vô thường.

Khi nhìn thấy người ham vui dục lạc thì nguyện xa lìa đời sống huyễn ảo, đạt được giác ngộ chân thật.

Khi được thức ăn ngon thì cảnh giác thiếu dục tri túc, nguyện xa lìa chấp trước; còn khi được thức ăn không ngon

thì nguyện xa lìa vĩnh viễn những tham dục thế gian.

Khi mùa hè nóng bức thì nguyện xa lìa cái nóng của phiền não được sự mát mẻ của giác ngộ, khi mùa đông lạnh giá thì nguyện được cái ấm áp đại bi của đức Phật.

Khi tụng kinh thì nguyện giữ gìn tất cả giáo pháp đừng quên mất.

Khi niệm Phật thì nguyện có được tuệ nhãn siêu việt như đức Phật.

Ban đêm khi đi ngủ thì nguyện dừng các nghiệp thân khẩu ý, làm trong sạch tâm mình; sáng sớm khi thức dậy thì nguyện giác ngộ tất cả, thấu hiểu được mọi điều.

6. Lại nữa, người Phật tử tại gia vì biết giáo lý “không”, tức là dạng thái vốn có của mọi sự mọi vật, nên không khinh khi những công việc trong đời, những hạng người trong nhân gian, mà chỉ nhận biết như thế, cứ như thế mà làm hoàn thành con đường giác ngộ.

Không nên cho rằng thế giới nhân gian là mê mờ nên vô nghĩa, thế giới của sự giác ngộ là tôn quý, có ý nghĩa. Cần phải nếm trải con đường giác ngộ trong tất cả mọi sự ở thế gian này.

Nếu nhìn sự vật bằng đôi mắt bị che đậy bởi vô minh thì thế gian quả là đầy lỗi lầm và vô nghĩa. Nhưng nếu quan sát bằng trí tuệ sáng suốt thì chính thế gian này là thế giới giác ngộ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Sự thật thì chỉ có một thế giới. Không có cái vô nghĩa và cái có nghĩa, cũng không có cái thiện cái bất thiện. Cho rằng có hai mặt như thế chẳng qua là do sự phân biệt của con người.

Nếu quan sát bằng trí tuệ không phân biệt thì tất cả mọi sự mọi vật đều có ý nghĩa cao quý.

7. Cứ như thế, người Phật tử tại gia tin Phật, trải nghiệm và trân quý mọi việc trong cuộc đời bằng tín tâm ấy, và cũng với tín tâm ấy mà nghiêng mình phụng sự tha nhân.

Do đó người Phật tử không có tâm kiêu ngạo mà chỉ có tâm khiêm hạ, tâm phụng sự người khác, tâm như đại địa có thể dung chứa hết thảy, tâm phụng sự hết thảy mà không một chút phàn nàn, tâm nhẫn nại đối với sự khổ, tâm không biếng nhác, tâm ban bố thiện căn đối với tất cả người nghèo.

Như thế, vị ấy có tâm an ủi người khốn khó, là mẹ hiền của hết thảy chúng sanh, chính tâm từ ấy là tâm quý kính chúng sanh, coi tất cả như là cha mẹ mình, bạn hữu mình.

Do đó, đối với người Phật tử tại gia, cho dù bị trăm ngàn người oán ghét, xem như kẻ thù hay cố ý làm hại đi nữa thì họ cũng không thể toại ý được. Cũng giống như cho dù vật có độc mấy đi chăng nữa cũng không thể làm tổn hại biển cả.

8. Lại nữa, người Phật tử tại gia vui với hạnh phúc của mình bằng sự phản tỉnh và biết ơn. Lòng tin Phật này chính là nhờ Phật lực, là điều được đức Phật ban tặng.

Chúng ta biết rằng trong thế giới bùn lầy phiền não không có sẵn hạt giống tín tâm, nhưng nhờ lòng từ bi của Phật, những hạt giống tín tâm ấy được gieo trồng vào chốn bùn lầy này, và thế rồi có tâm tín ngưỡng Phật.

Như trước đây có đề cập, cây hương Chiên-đàn không thể mọc trong rừng cây độc Eranda. Cũng thế, hạt giống tín tâm với Phật không thể nảy mầm trong phiền não.

Tuy nhiên, giờ đây nó nảy mầm, niềm hoan hỷ khai hoa trong phiền não thì có thể biết rằng, thật ra gốc rễ của nó không ở đây mà ở nơi khác. Gốc rễ của nó ở trong tâm của đức Phật.

Người Phật tử khi bị ngã chấp chi phối thì cũng do tâm tham, sân, si mà hiềm khích, đố kỵ, ghen ghét, làm tổn hại người. Nhưng khi trở về với Phật thì thực hành hạnh nguyện của Phật cao cả như đã nói trước đây. Điều này thật sự phải nói là điều tuyệt vời.

Tiết 3: Phương Châm Trong Sinh Hoạt

1. Quả là điều sai lầm nếu cho rằng bất hạnh đến từ bên ngoài, phía đông hay phía tây gì đó mà không biết rằng nó bắt đầu từ bên trong bản thân mình. Do đó nếu không tu sửa bên trong mà chỉ lo phòng chống thứ bên ngoài là điều sai lầm.

Ngày xưa có tục lệ mà tất cả mọi người đều tuân theo. Đó là, sáng thức dậy súc miệng, rửa mặt rồi, lễ lạy sáu phương đông, tây, nam, bắc, phương trên, phương dưới, cầu nguyện một ngày an lành không có điều bất hạnh nào từ bên ngoài đến nhà.

Tuy nhiên, những gì đức Phật dạy thì có chút khác biệt. Ngài dạy tôn kính sáu phương một cách đúng đắn, thực hành hiền đức để phòng tránh điều bất hạnh.

Để phòng hộ sáu phương này, trước hết chúng ta cần phải lìa bỏ bốn hành vi nhiễm ô, điều phục bốn tâm xấu, và đóng chặt sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản.

Bốn hành vi nhiễm ô đó là, sát sanh, trộm cắp, tà hạnh và lừa dối.

Bốn tâm xấu đó là, tham lam, sân hận, ngu si và hèn nhát.

Sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản đó là, ham thích sử dụng chất gây say rồi hành động đại dột, chơi bời thâu đêm và đắm mình trong những điều phù phiếm, đam mê các thứ giải trí phim nhạc kịch, cờ bạc, kết giao với bạn xấu và, lơ là công việc do những điều trên.

Bốn Phận Của Người Con Phật

Sau khi lìa bỏ bốn hành vi nhiễm ô, điều phục bốn tâm xấu và đóng chặt sáu cửa ngõ làm khuynh gia bại sản, rồi tiếp theo là thực hành lễ bái sáu phương một cách đúng đắn.

Vậy, gì là sáu phương? Phương đông là đạo của cha mẹ và con cái, phương nam là đạo của thầy trò, phương tây là đạo của vợ chồng, phương bắc là đạo của thân hữu, phương dưới là đạo chủ tớ, phương trên là đạo lý đối với người truyền trao giáo lý.

Trước hết, về đạo của cha mẹ và con cái ở phương đông, con cái cần phải làm năm điều sau đây đối với cha mẹ. Đó là, chăm sóc cha mẹ, làm việc cho cha mẹ, bảo vệ gia tộc, giữ gìn gia sản và lo việc giỗ chạp cho người đã khuất.

Đáp lại, cha mẹ cũng nên làm năm điều sau đây đối với con cái. Đó là, tránh làm những điều xấu ác, bồi đắp những hành động lành, dạy cho con cái biết kiến thức đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, lo cho con cái đến khi chúng kết hôn, và trao gia sản cho con khi cần phải trao.

Nếu thực hành năm điều trên về đạo của cha mẹ và con cái thuộc phương đông, thì sẽ được an bình và không có sầu não.

Tiếp theo, đạo thầy trò thuộc phương nam. Người trò cần phải đứng dậy khi thầy đến gần, đáp ứng những yêu cầu của thầy, lắng nghe một cách nghiêm túc, không quên tặng quà cho thầy, tiếp nhận bài học từ thầy một cách quý trọng.

Đáp lại, người thầy cũng cần phải hướng dẫn cho học trò

Bổn Phận Của Người Con Phật

tự mình thực hành một cách đúng đắn, truyền trao đúng những kiến thức mà người thầy đã học được và, chuẩn bị cho học sinh phương hướng để nhận được danh dự, lợi ích và sự tôn quý ở bất cứ nơi đâu.

Thực hành đạo của thầy trò thuộc phương nam như thế thì sẽ có được bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo của vợ chồng thuộc phương tây. Người chồng cần phải đối xử với người vợ bằng sự quý trọng, lịch sự và chung thủy, tin tưởng người vợ bằng cách cho cô ấy quyền quyết định, và tặng quà cho cô ấy. Người vợ cần phải làm tốt những phần việc của mình, đáp ứng nhu cầu các thành viên trong gia đình, chung thủy với chồng, bảo vệ tài sản của gia đình và quán xuyến tốt những sự việc của gia đình.

Thực hành đạo về vợ chồng thuộc phương tây như thế thì sẽ có được bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo về thân hữu thuộc phương nam. Cần phải cung cấp cho người bạn những gì bạn thiếu, nói chuyện với bạn bằng sự tử tế, làm việc vì lợi ích của bạn, luôn thấu hiểu và đối xử với bạn bằng sự chân thành. Cần phải cố gắng ngăn chặn bạn mình rơi vào con đường xấu ác, giữ gìn hộ tài sản của bạn mình khi anh ấy/ cô ấy lạc đường, lắng nghe những tâm tư của bạn mình khi anh ấy/ cô ấy gặp vấn đề, giúp đỡ bạn mình khi anh ấy/ cô ấy gặp khó khăn và hỗ trợ gia đình của bạn mình khi cần thiết.

Thực hành đạo về thân hữu thuộc phương bắc như thế thì

Bổn Phận Của Người Con Phật

sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Tiếp theo là đạo về chủ tớ thuộc phương dưới. Cần phải nghĩ đến năm điều sau đây trong việc ứng xử với người hầu. Để cho người ấy làm việc phù hợp với khả năng của họ. Cung cấp cho họ bữa ăn ngon và lương thưởng đầy đủ. Chăm sóc một cách tử tế khi họ bệnh. Chia sẻ cho họ bất kỳ món ngon nào bạn có và cho họ nghỉ ngơi những khi thích hợp.

Đôi lại, người hầu cũng cần phải phục vụ chủ với những điều sau. Nên thức dậy trước chủ và đi ngủ sau chủ, khi nào cũng thành thật, thành thạo công việc, và không mang lại sự ô danh cho chủ tốt.

Thực hành đạo về chủ tớ thuộc phương dưới như thế sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Kế đến là đạo về việc phụng sự người dạy đạo thuộc phương trên. Nên đối xử với sư dạy đạo bằng sự tôn trọng nhất, cả về thân khẩu ý. Nên chào đón các nhà truyền giáo bằng sự quý kính, lắng nghe và thẩm sát về lời dạy của họ, và cúng dường cho họ.

Đôi lại, người dạy đạo cần phải từ bỏ điều không tốt, bồi dưỡng lòng tốt, từ mẫn bằng trái tim nhân hậu, truyền trao những chuẩn mực đạo đức, làm cho người nghe thấu hiểu giáo lý và cũng làm cho họ có được năng lượng bình an.

Thực hành đạo về việc phụng sự người dạy đạo thuộc phương trên như thế sẽ được điều bình an không sâu khổ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Như thế, việc lễ bái lục phương không có nghĩa là lễ lạy sáu phương hướng để cầu mong tránh khỏi tai họa từ bên ngoài, mà là để trở thành người phòng vệ sáu phương, tự mình ngăn chặn những tai họa xảy ra từ chính nơi bản thân mình.

2. Cần phải nhìn nhận ra những người bạn nên kết thân và những người không nên thân thiết.

Người không nên thân thiết là người tham lam, người miệng lưỡi, người hay tâng bốc và người sống lãng phí.

Người bạn nên kết thân là người giúp đỡ ta một cách chân tình, người sẵn sàng đồng cam cộng khổ, người khuyên ta thẳng thắn khi cần thiết và người thấu hiểu ta.

Người bạn đích thực là người có thể kết giao một cách an toàn, thường hướng cho bạn mình đi trên con đường đúng đắn, bí mật lo cho hạnh phúc của bạn mình, an ủi bạn mình khi gặp bất hạnh, giúp đỡ bạn mình khi cần thiết, giữ gìn bí mật của bạn và cho bạn lời khuyên bổ ích.

Có được người bạn như thế hoàn toàn không phải dễ, nhưng bản thân phải cố gắng để trở thành một người bạn như thế. Với hành vi thiện lành ấy, người bạn tốt như ánh thái dương chiếu sáng trong thế gian.

3. Công ơn của cha mẹ thì cho dù có nỗ lực đến đâu cũng không thể đền đáp được. Dù trong cả trăm năm vai

Bổn Phận Của Người Con Phật

trái công cha, vai phải công mẹ mà đi đi chẳng nữa cũng không thể đền đáp thâm ân ấy được.

Lại nữa, dù có ngày đem dùng nước hoa tắm gội cho cha mẹ đến cả trăm năm, cho dù làm tròn tất cả việc hiếu dưỡng, và cho đến đưa cha mẹ lên làm vua một nước, cố gắng nỗ lực để làm cho cha mẹ hưởng thụ vinh hoa thì công ơn cha mẹ cũng không thể đáp đền hết được.

Tuy nhiên, nếu làm cho cha mẹ từ bỏ con đường xấu ác, đưa cha mẹ trở về con đường chân chánh khi cha mẹ lỡ lạc đường, làm cho cha mẹ tin vào lời Phật dạy, lìa bỏ tham lam, vui thích bố thí, nếu làm được như vậy là có thể báo đáp được ơn sanh thành dưỡng dục lớn lao. Hay cũng có thể là còn hơn cả sự đền đáp.

4. Gia đình là nơi những con người có tâm hồn gần gũi nhau chung sống. Nếu những thành viên trong gia đình yêu thương lẫn nhau thì ngôi nhà ấy sẽ như là vườn hoa tuyệt đẹp. Nhưng nếu những thành viên ấy mất hoà khí với nhau thì điều đó cũng như cơn sóng to gió dữ có sức huỷ diệt vườn hoa kia.

Trường hợp ấy, trước tiên phải giữ tâm mình, tự mình phải đi đúng hướng trên con đường cần phải đi, không nên nói đến việc của người.

5. Ngày xưa, có người thanh niên kính tín tam bảo. Bố mất sớm nên hai mẹ con sống với nhau một cách thuận hoà.

Bổn Phận Của Người Con Phật

Thế rồi chàng thanh niên lập gia đình, đón nàng dâu mới về và ba người sống chung.

Ban đầu thì họ chung sống với nhau thân thiết, là một gia đình êm ấm trong vùng. Nhưng sau đó thì xảy ra sự xích mích giữa mẹ chồng nàng dâu, sóng gió nổi lên đến nỗi không thể hàn gắn lại được, cuối cùng người mẹ đã ra đi để hai người trẻ sống ở nhà.

Người mẹ ra ở riêng một thời gian thì nàng dâu sinh được người con trai. Có lời đồn nàng dâu nói rằng “khi cùng sống với mẹ chồng vì cứ luôn bị làm phiền nên phước lành mãi mà không đến. Nay ở riêng thì trời ban phước lành đưa con thế này đến ngay”. Lời đồn ấy đến tai người mẹ đang sống hiu quạnh một mình.

Người mẹ nổi giận khóc than: “mẹ chồng bị cho ra khỏi nhà mà trời ban phước, đạo đức chính nghĩa đã không còn trong thế gian này”.

Bà khóc la: “tôi phải chôn cất cái đạo lý này”, rồi đi vào nghĩa địa như một người điên.

Thần Indra biết việc, liền hiện ra trước người mẹ này, hỏi han thuyết phục bà nhưng vô hiệu.

Vị thần bèn nói: “thế thì ta sẽ thiêu chết đứa bé và mẹ của nó cho người tha lỗi lòng được không?”.

Người mẹ hoảng hốt với lời nói của thần Indra. Bà cuống quýt ăn năn xin lỗi vì sự sai trái của mình và cầu xin thần tha mạng cho con dâu và cháu trai. Cùng ngay lúc đó, con

Bổn Phận Của Người Con Phật

traí và nàng dâu nhận ra lỗi lầm đã sai từ trước đến nay nên đi tìm mẹ, họ vào đến nghĩa trang này. Thần Indra hoà giải cho hai người phụ nữ, mang trở lại gia đình êm ấm như xưa.

Nếu tự mình không từ bỏ đạo đức chánh nghĩa thì chánh nghĩa không bao giờ bị diệt vong. Chánh nghĩa đôi khi như thể là bị mất đi nhưng thật ra nó không mất. Khi nó biến mất, chẳng qua là do nó rời khỏi tâm hồn của con người mà thôi.

Khi các thành viên trong gia đình không vừa lòng nhau thì quả thật đó là mầm mống của niềm bất hạnh đáng e ngại. Chỉ một chút hiểu lầm thôi cũng có thể thành hoạ lớn. Trong cuộc sống gia đình cần phải đặc biệt chú ý điều này.

6. Về gia kế của gia đình, ai cũng phải chăm chỉ cố gắng như con kiến, con ong mật. Tuyệt đối không được sống nhờ vào sức của người khác hay đợi người khác giúp cho.

Và lại nữa, cũng không nên nghĩ rằng của cải có được nhờ sự nỗ lực của mình là của riêng mình, chỉ mình mình phung phí chi tiêu. Cần phải chia một phần cho người khác, một phần để dành phòng khi bất trắc mà sử dụng. Ngoài ra còn nên vui vẻ cống hiến cho xã hội, cho sự phát triển của giáo đoàn tôn giáo.

Luôn ghi nhớ rằng trên thế gian này không có một vật gì là của ta. Tất cả chẳng qua là do nhân duyên mà đến với mình, chẳng qua là tạm thời giữ lấy. Cho nên cần phải quý trọng,

Bổn Phận Của Người Con Phật

chừng mực đối với bất cứ vật gì.

7. Khi ngài Anan được hoàng hậu của vua Udayana, bà Syamavati cúng dường năm trăm chiếc y, ông liền vui vẻ thọ nhận.

Nhà vua nghe được điều này, nghi ngờ không biết Anan có nhận vì do tâm tham hay không. Vua liền đến hỏi Anan.

“Thưa tôn giả, ngài nhận năm trăm chiếc y để làm gì?”

Anan đáp: “thưa đại vương, có nhiều tỳ-kheo đắp y đã rách, tôi chia những chiếc y này cho họ”. “Thế những y rách ấy thì làm gì?”. “Chúng tôi dùng để làm miếng trải ngoạ cụ”. “Thế miếng trải ngoạ cụ cũ thì làm gì?”. “Chúng tôi dùng làm miếng trải gối”. “Thế miếng trải gối cũ?”. “Chúng tôi dùng làm miếng lót sàn nhà”. “Thế miếng lót sàn nhà cũ?”. “Chúng tôi dùng làm miếng lau chân”. “Thế miếng lau chân cũ?”. “Dùng làm giẻ lau linh tinh”. “Thế giẻ lau cũ?”. “Thưa đại vương, chúng tôi sẽ xé nó ra từng miếng nhỏ, trộn với bùn để làm tường nhà”.

Cần phải sử dụng đồ vật một cách quý trọng. Và cũng cần tái sử dụng chúng nhiều lần. Đây là cách sử dụng những thứ tạm thời ta giữ gìn, không phải của ta.

8. Mối quan hệ vợ chồng không phải chẳng qua chỉ là do hợp điều kiện mà có thể tác thành. Cũng không phải là mối quan hệ do hai nhục thể con người sống chung một

Bổn Phận Của Người Con Phật

chỗ. Vợ và chồng cần phải nâng tầm mật thiết mối quan hệ của mình bằng cách cùng nhau tu tập tâm trong thánh giáo.

Ngày xưa có cặp vợ chồng được mọi người gọi là “cặp đôi hoàn hảo”, một hôm đến chỗ của đức Thế Tôn mà thưa rằng: “Thưa Thế Tôn, chúng con quen biết nhau từ thuở nhỏ rồi sau đó mới thành vợ chồng. Cho đến bây giờ trong tận đáy lòng của chúng con chưa hề có một chút nghi ngờ nhau về sự trung trinh. Xin hãy chỉ cho chúng con làm thế nào để trong kiếp sau cũng có thể thành vợ chồng, cùng nhau chung sống hạnh phúc như ở kiếp này?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Cả hai người có cùng đức tin tôn giáo thì được. Cùng thọ nhận một giáo lý, cùng tu dưỡng tâm, cùng thực hành bổ thí, cùng có trí tuệ như nhau thì có thể đời sau cũng được sống một lòng với nhau”.

9. Không có sự khinh hay trọng giữa nam và nữ trên con đường tiến đến giác ngộ. Nếu người phụ nữ phát tâm cầu đạo thì cũng được gọi là “người cầu đạo giác ngộ”.

Phu nhân Thắng Man (Śrīmālādevī), công chúa con vua Ba-tư-nặc (Prasenajit), hoàng phi vua nước Ayodhya là người cầu đạo giác ngộ này, bà có lòng tin vững chắc vào giáo pháp của đức Thế Tôn, ở trước Thế Tôn mà lập mười nguyện như sau:

“Thưa Thế Tôn, con nguyện từ nay cho đến khi thành chánh giác con sẽ

(1) không phạm giới đã thọ.

Bổn Phận Của Người Con Phật

(2) không vô lễ với người lớn hơn mình.

(3) Không nổi giận đối với bất kỳ ai”.

“Con nguyện

(4) không ganh tỵ, không đố kỵ với người và vật sở hữu của người.

(5) không khởi tính vị kỷ tiếc nuối cho dù đối với tâm mình hay đồ vật.

(6) không cất giữ tài sản cho riêng mình mà có được vật gì sẽ đem tặng cho người nghèo khó, cho họ được hạnh phúc.

(7) Cho dù có thực hành tứ nhiếp sự, bố thí cho người, nói lời từ ái, làm lợi ích cho người hay xem việc của người như việc của mình đi chăng nữa thì đó cũng không phải là để hồi hướng phước báo cho mình, với tâm không nhiễm ô, không xấu ác, không chướng ngại, con nguyện bao dung tất cả chúng sanh.

(8) Nếu nhìn thấy có người cô độc, hay người bị giam cầm trong lao ngục, hay người khốn khổ vì bệnh tật, hay nhiều những người chịu những điều thống khổ khác nhau, ngay lập tức con sẽ nói pháp cho họ nghe để làm yên lòng họ, cứu giúp họ khỏi nỗi thống khổ.

(9) Nếu nhìn thấy có kẻ săn bắn, bạo hành thú vật hay phạm những giới khác, con sẽ cố gắng bằng tất cả năng lực của mình, trừng phạt trường hợp cần trừng phạt, khuyên bảo trường hợp cần khuyên bảo, làm cho họ chấm dứt những hành vi ác ấy.

(10) Con nguyện sẽ không quên những lời dạy chân thật mà con đã có được. Vì người quên mất lời dạy chân thật là lìa khỏi giáo pháp siêu việt, không thể đến được bến bờ

giác ngộ”.

“Và lại nữa, con cũng phát thêm ba nguyện nữa để cứu giúp những kẻ bất hạnh trên. Đó là,

(1) Với hạnh nguyện chân thật này con sẽ làm an ổn tất cả chúng sanh. Và bằng thiện căn ấy dù sinh ra ở đâu cũng có được trí tuệ chánh pháp.

(2) Khi có được trí tuệ chánh pháp con sẽ nói pháp cho tất cả chúng sanh nghe.

(3) Con nguyện bảo vệ chánh pháp mà mình đã đạt được bằng mọi giá, cho dù có hy sinh thân mạng và tài sản”.

Ý nghĩa chân thực của đời sống tại gia là tương trợ nhau tiến triển trên con đường đạo. Nếu ai phát tâm đi trên con đường này cũng sẽ có cùng hạnh nguyện như phu nhân Thắng Man, đích thực sẽ là đệ tử ưu tú của đức Phật.

Chương thứ hai

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Tiết 1: Tăng Thân

1. Chúng ta thử hình dung có một đồng hoang rộng lớn tối tăm, không có một chút ánh sáng. Ở đó có nhiều loài sinh vật sống lúc nhúc trong đó.

Tuy nhiên, do tối tăm nên chưa từng biết nhau, mỗi mỗi riêng sống một mình, buồn bã lo sợ. Cảnh tượng quả thật đáng thương.

Bỗng nhiên ở đó có ánh sáng chiếu đến. Một nhân vật ưu việt bỗng xuất hiện, trên tay cầm cây đuốc lớn. Cánh đồng hoang tối tăm bỗng bừng sáng sửa rõ ràng.

Khi ấy, những sinh vật từ trước đến nay đã sống lúc nhúc trong bóng tối đứng lên, nhìn quanh, biết rằng chung quanh cũng có nhiều kẻ giống mình, hoảng hốt cất tiếng kêu vui, chạy lại gần nhau mà ôm chầm lấy nhau, vui vẻ nói chuyện cùng nhau.

Cánh đồng hoang được nói trên đây là chỉ cho cuộc đời này, sự tối tăm là chỉ cho việc không có ánh sáng trí tuệ đúng đắn. Không có trí tuệ trong tâm thì dù có gặp nhau cũng không biết tương tri hoà hợp. Nên sống một mình chết cũng một mình. Cô độc một mình. Cử động mà không có ý nghĩa gì thì buồn bã lo sợ là điều đương nhiên.

Một nhân vật ưu việt cầm cây đuốc lớn xuất hiện là chỉ cho đức Phật chiếu ánh sáng trí tuệ đến con người.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Nhờ được ánh sáng này chiếu soi, con người mới biết đến bản thân mình, đồng thời cũng thấy được người khác, ngạc nhiên vui mừng, từ đó cộng đồng hoà hợp được hình thành.

Cho dù có bao nhiêu ngàn vạn người đi chẳng nữa nếu không biết đến nhau thì cũng không phải là xã hội.

Xã hội có nghĩa là nơi có ánh sáng trí huệ chân thật soi rọi, biết đến nhau, tin tưởng nhau, là đoàn thể hoà hợp.

Sự hoà hợp thật sự là sinh mệnh, và là chân ý nghĩa của xã hội hay đoàn thể.

2. Tuy nhiên, trong đời này có ba loại đoàn thể.

Thứ nhất là đoàn thể được tập hợp vì có vị chỉ đạo có sức mạnh về quyền thế và tài chính. Thứ hai là đoàn thể được tập hợp vì điều kiện thuận lợi, tồn tại cho đến khi nào các thành viên còn hợp nhau và không tranh cãi nhau. Thứ ba là đoàn thể lấy giáo pháp làm trung tâm và lấy sự hoà hợp làm sinh mệnh.

Đương nhiên, trong ba loại đoàn thể này, đoàn thể chân thật là loại đoàn thể thứ ba. Các thành viên của đoàn thể này sinh hoạt trong cùng một tinh thần, từ đó sinh ra nhiều công đức, do đó ở đó có bình an, có sự hoan hỷ, đạt được như ý và có phước đức.

Và cũng như nước mưa trên núi chảy xuống thành sông nhỏ, tiếp theo đến sông lớn, rồi hoà mình ra biển rộng.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Cho dù con người với nhiều hoàn cảnh sống khác nhau nhưng được gọi nhuần cùng một trận mưa giáo pháp, rồi từ đoàn thể nhỏ bước vào xã hội, rồi cuối cùng hoà mình vào biển giác ngộ có cùng một hương vị giải thoát.

Tâm hồn của tất cả mọi người hoà hợp với nhau như nước với sữa thì ở đó có đoàn thể hoà hợp được thành lập.

Do đó lời dạy chân thật quả thật là nguồn lực cơ bản để tạo đoàn thể đẹp trên trái đất này. Như trước đã nói, đó là ánh sáng để mọi người thấy biết lẫn nhau, xoá bằng phẳng những vết lồi lõm trong tâm của con người.

Đoàn thể chân thật này vì lấy giáo pháp làm nguồn lực cơ bản như thế nên đã được gọi là giáo đoàn.

Và các thành viên trong đó, do vì tâm của họ phải được giáo dưỡng bởi giáo pháp này, nên cho dù về lý mà nói thì giáo đoàn là bao gồm hết thầy nhân gian trên địa cầu này, nhưng về thực chất thì là đoàn thể của những người có cùng niềm tin về Phật.

3. Đoàn thể nhà Phật này có hai nhóm. Một bên là những người thuyết giảng giáo pháp và thọ nhận vật phẩm cúng dường từ cư sỹ tại gia, và phía ngược lại là người cúng dường y thực. Cả hai nương nhau hỗ trợ nhau, cùng duy trì và phát triển giáo đoàn, nỗ lực lưu truyền giáo pháp cứu trụ trong thế gian.

Như thế, các thành viên trong giáo đoàn lấy sự hoà hợp làm

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

kim chỉ nam, tận tâm đảm nhiệm sứ mệnh của giáo đoàn ấy. Chư tăng giảng dạy giáo lý cho cư sĩ tại gia, cư sĩ tại gia lãnh thọ và tín phụng giáo lý ấy, thế là cả hai đạt được sự hoà hợp.

Các thành viên trong giáo đoàn cùng nhau hoà thuận, không tranh cãi nhau, vui sống chung với người có cùng niềm tin chí nguyện, từ ái cho nhau, đồng sức đồng lòng mà nỗ lực tu học.

4. Ở đây, trong giáo đoàn có sáu nguyên tắc. Thứ nhất là nói lời từ hoà, thứ hai là hành động từ hoà, thứ ba là giữ ý từ hoà, thứ tư là chia cho nhau những gì có được, thứ năm là cùng nhau giữ gìn giới luật thanh tịnh, thứ sáu là cùng nhau giữ gìn chánh kiến.

Trong đó, giữ gìn chánh kiến là phần chính, năm thứ còn lại được nội hàm trong chánh kiến này.

Ngoài ra có hai loại bảy quy tắc làm cho giáo đoàn hưng thịnh.

(1) Thường xuyên tập hợp lại và nói với nhau về giáo pháp.

(2) Hoà kính lẫn nhau.

(3) Kính ngưỡng giáo pháp, tôn trọng giới luật không sửa đổi chúng.

(4) Khi giao tiếp, người lớn kẻ nhỏ cần phải tôn trọng giữ lễ với nhau.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

(5) Giữ gìn tâm ý lấy sự chính trực và quý kính làm phương châm.

(6) Nên ở chỗ nhàn tịnh để làm cho tâm thanh tịnh, nhường đường cho người đi trước mình đi sau.

(7) Kính ái mọi người, tiếp đón nồng hậu khách vắng lai và thăm hỏi tử tế người bị bệnh. Nếu giữ gìn bảy điều này thì giáo đoàn không suy vong.

Loại thứ hai như sau.

(1) Giữ tâm thanh tịnh không mong quá nhiều tạp sự.

(2) Giữ tâm vô dục lìa bỏ tất cả tham ái.

(3) Nhẫn nại vô tranh.

(4) Giữ sự yên lặng không nói lời vô ích.

(5) Tuân thủ pháp tắc không phóng túng buông lung.

(6) Giữ lòng theo Phật pháp không chạy theo ngoại giáo.

(7) Sống tiết độ trong sinh hoạt hằng ngày. Nếu giữ gìn bảy điều này thì giáo đoàn không suy vong.

5. Như trước đã đề cập, giáo đoàn là tổ chức lấy hoà hợp làm sinh mệnh. Giáo đoàn có bất hoà là không phải giáo đoàn, do đó cần phải nỗ lực để không xảy ra bất hoà. Khi xảy ra bất hoà thì phải nỗ lực nhanh chóng dập tắt điều bất hoà ấy.

Không có chuyện vết máu có thể làm sạch bằng máu, hận thù cũng không thể hoá giải được bằng hận thù, chỉ có việc quên hận thù ấy đi thì mới có thể hoá giải được.

6. Ngày xưa có vị vua tên là Trường Thọ (Dīghīti). Bị vị vua hiếu chiến ở nước láng giềng tên là Brahmadatta cướp mất nước. Vua Trường Thọ cùng hoàng hậu và hoàng tử đi lần trốn nhưng đã bị quân địch bắt được. Chỉ có vị hoàng tử là may mắn thoát.

Hoàng tử tìm mọi cách để cứu vua cha nhưng vô hiệu. Trong ngày vua cha bị tử hình, hoàng tử cải trang theo đến tận nơi hành quyết, nhìn theo hình dáng tiêu tụy của cha mà khóc trong tuyệt vọng.

Nhà vua nhìn thấy hoàng tử trong đám đông, ông nói như thể là đang nói một mình rằng: “đừng nhìn lâu, đừng nóng vội. Không lấy oán mà trả oán thì oán ấy mới tiêu tan”.

Sau đó, một thời gian dài hoàng tử nghĩ cách phục thù cho cha. Cuối cùng thì cũng được hoàng gia thuê làm việc, rồi tiếp cận được với nhà vua và được nhà vua tín nhiệm.

Một hôm, vua Brahmadatta đi săn, hoàng tử nghĩ hôm nay phải đạt được mục đích báo thù, liền bí mật đưa vua đi cách xa quân lính, chỉ có chàng và nhà vua chạy theo con mồi vào sâu trong núi. Vì mệt lả, nhà vua gối đầu lên đùi chàng thanh niên ấy mà ngủ thiếp đi.

Vị hoàng tử thấy thời cơ đã đến, rút kiếm ra kề vào cổ vua Brahmadatta. Nhưng lúc đó trong đầu chàng loé lên tiếng nói của người cha già lúc lâm chung, mấy lần tính giết mà không thể giết thì đột nhiên nhà vua thức dậy. Ông nói rằng vừa mơ thấy điều đáng sợ, đó là bị hoàng tử của vua Trường Thọ cắt cổ.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

Hoàng tử cho biết rằng đã giờ kiếm gí vào nhà vua nhưng ngay lúc ấy mối thù lâu nay bỗng chốc tan biến, tự mình nói rõ danh tính rồi quăng kiếm xuống mà quỳ trước nhà vua.

Nhà vua sau khi nghe được lời nói của vua Trường Thọ lúc lâm chung liền rất cảm động, cả hai cùng hứa sẽ bỏ qua lỗi lầm cho nhau, nhà vua trả lại đất nước cho hoàng tử và sau đó trở thành nước làng giềng thân thiết lâu dài.

Ở đây, trong lời nhắn nhủ của vua Trường Thọ, “đừng nhìn lâu” có nghĩa là đừng kéo dài mối hận thù, “đừng nóng vội” có nghĩa là đừng vội vàng phá vỡ tình bằng hữu.

Hận thù đương nhiên không thể làm tiêu tan bởi hận thù mà chỉ có quên hận thù ấy đi thì mới có thể tiêu tan được.

Trong giáo đoàn hoà hợp thì khi nào cũng cần phải biết đến ý nghĩa của câu chuyện này.

Tinh thần của câu chuyện này không phải chỉ riêng dành cho các thành viên trong giáo đoàn mà cũng là điều cần biết đối với tất cả mọi người trong xã hội.

Tiết 2: Cõi Phật

1. Như trước đã nói, giáo đoàn lấy sự hoà hợp làm chủ đạo. Bên cạnh đó, nếu các thành viên của giáo đoàn không quên sứ mệnh truyền trì lời Phật dạy thì giáo đoàn cứ dần dần càng được gia tăng, giáo pháp càng được lan rộng.

Giáo pháp được lan rộng ở đây có nghĩa là người tu tập tâm cầu đạo giác ngộ ngày càng nhiều lên, và cũng có nghĩa là ma quân tham sân si được thống lãnh bởi ma vương ái dục và vô minh chi phối thế giới này sẽ bị suy yếu, và ở đó trí tuệ, quang minh, niềm tin và sự hoan hỷ nắm quyền chi phối.

Lãnh thổ của ác ma là tham dục, tối tăm, tranh giành, đao kiếm, máu me, chiến tranh, tật đố, ghen ghét, đố kỵ, dối trá, nịnh bợ, a dua, dẫu diễm, phê phán.

Bây giờ ở đây được trí tuệ chiếu sáng, được từ bi gọi nhuần, gốc rễ của niềm tin được bén rễ, hoa hoan hỷ nở bùng, lãnh thổ của ác ma bỗng chốc trở thành cõi Phật.

Cũng giống như ngọn gió thanh lương êm dịu hay một vài cành hoa cũng là tín hiệu của mùa xuân, nên nếu có một người khai mở được tuệ giác Phật thì cỏ cây hoa lá rừng núi đại địa tất cả đều trở thành cõi Phật.

Bởi vì nếu tâm thanh tịnh thì chỗ người đó ở cũng trở thành thanh tịnh.

2. Tất cả những cư dân nơi thế giới được kinh điển giới

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

thiệu ấy, có tâm hồn thanh cao tĩnh tịnh. Điều này là nhờ lòng đại bi không mệt mỏi của đức Phật ban bố cho, ánh sáng nội tâm của ngài quét sạch những ô nhiễm trong tâm của tất cả chúng sanh.

Tâm thanh cao tịnh tĩnh ấy đồng thời cũng là tâm sâu lắng, tâm hợp đạo, tâm bố thí, tâm trì giới, tâm nhẫn nhục, tâm tinh tấn, tâm định tĩnh, tâm trí huệ, tâm từ bi, và tâm sử dụng phương tiện làm cho chúng sanh thể đắc được đạo màu. Nên ở đó cõi nước của đức Phật được tạo lập.

Nhà có vợ con cũng trở thành nhà có đức Phật trú ngụ, quốc gia có nhiều sự phân biệt về mặt xã hội cũng trở thành cõi nước của những con người có lòng từ.

Cung điện vàng son mà ở đó con người chìm đắm trong dục lạc thì không phải là chỗ trú ngụ của đức Phật. Am tranh nhỏ sơ sài đến nỗi ánh trăng có thể lọt vào mà chủ nhà có tâm chân chính thì đó sẽ là chỗ trú ngụ của đức Phật.

Cõi nước của đức Phật được kiến lập trên tâm của một người, rồi từ đó chiêu gọi những người có cùng lòng tin, và con số cứ thế gia tăng. Từ gia đình đến xóm làng, đến xã phường, đến quận huyện, đến tỉnh thành, đến quốc gia, và sau cùng là làm rộng ra trên toàn thế giới.

Sự thật, việc lời Phật dạy được truyền bá rộng khắp chính là mở rộng cõi nước của Phật.

3. Đương nhiên, nếu được nhìn từ góc độ nào đó thì thế

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

giới này là lãnh thổ của ác ma, là thế giới của dục vọng, là đấu trường đầy máu lửa. Nhưng đối với người có niềm tin vào sự giác ngộ của đức Phật nơi thế giới này thì máu mủ tanh nhơ trở thành sữa tốt, dục vọng hoá thành từ bi, giành lấy thế giới này từ tay ác ma mà tác thành cõi Phật.

Dùng cái thìa mà múc cho hết nước đại dương là điều không thể, nhưng cũng nhất quyết muốn thành tựu việc này cho dù phải trải qua nhiều đời, đó là tâm nguyện của kẻ có niềm tin Phật.

Đức Phật chờ chúng ta ở bờ bên kia, bờ bên kia là thế giới của sự giác ngộ, là cõi nước vĩnh viễn không còn tham sân si. Ở đây, chỉ có ánh sáng trí huệ chiếu tỏ, chỉ có mưa từ bi gội nhuần.

Cõi nước ấy là nơi chốn trở về nghỉ ngơi cho tất cả, những kẻ buồn phiền, kẻ thống khổ, kẻ đau thương, hay là cả người đã mỏi mệt vì việc lưu bố chánh pháp trong cõi đời này.

Cõi nước ấy là cõi Phật, có ánh sáng vô tận, thọ mạng vô tận, người ở đây sẽ không còn quay trở lại thế giới u mê này.

Và cõi ấy là cõi nước đầy những niềm vui giác ngộ giải thoát, hoa toả hương trí huệ và những con chim hót ra tiếng pháp. Quả là cảnh giới cuối cùng mà tất cả mọi người nên trở về.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

4. Cõi nước này là chỗ nghỉ ngơi nhưng không phải là chỗ an nhàn phóng dật. Đài hoa ấy không phải là chỗ ngủ nghỉ thoải mái vô ích, mà đó là nơi lấy lại năng lượng để tiếp tục sứ mệnh giác ngộ giải thoát của đức Phật.

Sứ mệnh của đức Phật thì không biết khi nào kết thúc được. Ngày nào còn con người, còn sinh vật tồn tại nơi thế gian này, cũng như còn những thế giới mà tâm của những chúng sanh ấy tạo nên, thì sứ mệnh của Phật chưa thể kết thúc.

Nay nhờ sức của Phật mà những vị đệ tử của ngài đã đến bờ tịnh độ bên kia, tùy theo những nhân duyên khác nhau mà quay trở lại thế giới này để thừa hành Phật sự ấy.

Như ánh lửa từ một ngọn đuốc nhỏ, dần dần truyền sang cho những ngọn đuốc khác, cứ thế truyền đến vô tận. Ánh lửa tâm của Phật cũng dần dần truyền cho nhiều người, sẽ vĩnh viễn không bao giờ cùng tận.

Những vị thánh đệ tử của Phật cũng thừa hành Phật sự này, đem ánh sáng của Phật truyền rộng cho nhiều thế hệ, để kiến tạo nên cõi Phật sáng ngời vĩnh viễn không bao giờ cùng tận.

Tiết 3: Những Vị Đã Nhận Được Ánh Quang Từ Cõi Phật.

1. Syamavati, hoàng hậu của vua Udayana có niềm tin sâu sắc vào Phật pháp.

Hoàng hậu ở suốt trong cung điện không bao giờ ra ngoài. Bà có người gái hầu tên là Uttara có trí nhớ tốt, thường đến chỗ Thế Tôn nghe pháp rồi về nói lại cho hoàng hậu nghe, nhờ vậy niềm tin của bà ngày càng sâu sắc.

Vị vương kỹ thứ hai của nhà vua tên là Māgandhiya do vì ghen ghét Syamavati nên lập kế hoạch sát hại. Bà ta nói xấu hoàng hậu với vua, cuối cùng vua xiêu lòng và tính chuyện giết chết hoàng hậu Syamavati.

Tuy nhiên khi đó hoàng hậu đứng trước nhà vua một cách bình thản, ông không thể ra tay sát hại vị hoàng hậu có dung nghi đầy từ ái như thế, cuối cùng vua đã từ bỏ ý định giết bà và xin lỗi hoàng hậu về sự bất tín nóng vội ấy.

Vương kỹ Māgandhiya càng ghen tức. Một hôm khi vua đi vắng, bà mưu kế với ác nhân thiêu cháy hậu cung của hoàng hậu Syamavati. Hoàng hậu bình tĩnh động viên những người hầu đang hoảng sợ, và rồi không lo lắng, không sợ hãi, bà đã chết cùng với nàng hầu Uttara trong ánh đạo mà bà đã học được từ những bài giảng của đức Thế Tôn.

Trong hàng tín nữ tại gia của đức Phật, Syamavati là vị từ tâm đệ nhất, Uttara là đa văn đệ nhất.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

2. Hoàng tử Mahānāma dòng dõi Shakya là em họ của đức Phật. Là người có niềm tin sâu sắc vào giáo pháp của đức Phật và đã chí thành quy y làm đệ tử của đức Phật.

Một hôm vị vua nước Kosala hung ác tên là Virudaka tấn công hoàng tộc Shakya và tiêu diệt dòng họ này. Hoàng tử Mahānāma đã đến gặp ông để xin tha mạng cho dân trong thành, nhưng nhà vua hung ác này không đồng ý. Hoàng tử bèn xin vua chỉ trong khoảng thời gian chàng lặn một hơi dưới hồ, chỉ trong chừng đó thời gian, mở cửa cho dân trong thành thoát ra là được.

Nhà vua nghĩ rằng một hơi lặn xuống nước của con người thì chẳng là bao nhiêu thời gian nên đã đồng ý. Thế là Mahānāma lặn xuống hồ, cửa thành được mở ra, dân trong thành vui mừng tháo chạy. Nhưng mãi mà không thấy Mahānāma bơi lên. Sau khi xuống hồ chàng đã xoắn cột vào gốc cây, tự giết mình để cứu lấy mọi người.

3. Utpalavarna (Liên Hoa Sắc) là một vị ni nổi tiếng thần thông, người được so sánh với ngài Mục-kiền-liên, thường dẫn chư tỳ-kheo-ni đi khắp nơi giáo hoá, là vị lãnh đạo xuất sắc trong các tỳ-kheo-ni.

Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một kẻ hung ác, đã làm lung lạc vua Ajatasatru (A-xà thế), lập kế hoạch phản nghịch đức Thế Tôn nhưng sau đó vua đã quy y Thế Tôn mà không theo lời của Devadatta. Devadatta đến hoàng cung nhưng bị chặn lại nên không vào được, trong khi ông ta đứng trước

cổng thành thì nhìn thấy Utpalavarna đi ra. Vô cùng tức giận, Devadatta lấy hết sức bình sinh giáng nắm đấm lên đầu vị ni này.

Utpalavarna chịu đau về chùa, chư ni đến an ủi hỏi han, bà nói với họ rằng: “Thưa quý vị, mạng sống của con người là không thể lường trước được, mọi sự mọi vật đều là vô thường, vô ngã, chỉ có thế giới giác ngộ là tịch tịnh, bình an. Quý vị hãy cố gắng nỗ lực mà tu học”. Nói như thế xong bà tĩnh lặng trút hơi thở cuối cùng.

4. Angulimalya ngày trước vốn là tay giết người vô số, sau được đức Thế Tôn giáo hoá và trở thành đệ tử của ngài, do tội lỗi từ trước khi xuất gia, trên đường đi khát thực về ngài đã bị người bức hại.

Đó là một ngày, Angulimalya vào thành khát thực rồi bị những người có hận thù đánh trọng thương, toàn thân máu me nhưng cuối cùng Angulimala cũng về đến chùa, ông lễ bái đức Thế Tôn rồi thốt lên lời hoan hỷ rằng:

“Thưa Thế Tôn, con vốn là người vô hại, vì ngu si mà đã giết hại nhiều người, chỉ để gom góp ngón tay, vì vậy mà có tên là Angulimalya (vòng ngón tay) này.

“Nay đệ tử đã quy y Tam bảo, đạt được trí tuệ giác ngộ. Muốn điều khiển con ngựa người ta dùng dây dùng roi. Thế Tôn thì không dùng dây, không dùng roi, cũng không dùng móc sắt, nhưng ngài đã điều phục được tâm con.

Kiến Lập Thế Giới Thanh Tịnh

“Thưa Thế Tôn, hôm nay con nhận lấy quả báo mà con phải nhận. Con không còn trông mong sự sống hay cái chết, con chỉ trông mong đến thời khắc tĩnh lặng”.

Nói những lời như thế xong Angulimalya đi vào tịch diệt.

5. Maudgalyayana (Mục-kiền-liên), cùng với Sariputra (Xá-lợi-phất), là một trong hai vị đại đệ tử của đức Phật.

Nhìn thấy việc giáo pháp của đức Phật thấm đượm lòng người như nước vào đất, những kẻ ngoại đạo nổi tâm đố kỵ nên tìm cách gây cản trở.

Tuy nhiên, không có gì ngăn cản được sự lan rộng của giáo pháp chân thật ấy, nên những kẻ ngoại đạo bèn manh tâm giết hại Maudgalyayana, đệ tử lớn của đức Phật.

Lần thứ nhất rồi đến lần thứ hai, Maudgalyayana đã tránh được đòn tấn công của những người này nhưng đến lần thứ ba thì bị họ vây trong vòng vây đông đảo, ngài đã bị hại.

Maudgalyayana đã bị đánh đập đến bầm dập gãy xương, ngài tĩnh lặng chịu đựng sự bạo hành, tâm giác ngộ không hề dao động, bình an đi vào cõi diệt.

Kinh Tăng Chi Bộ (Aṅguttara Nikāya)

Này các Tỳ-kheo, một người khi xuất hiện ở đời đem lại an lạc cho số đông, đem lại hạnh phúc cho số đông; người được sinh ra vì lòng thương tưởng đối với đời, vì lợi ích, an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Người đó là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn Giác. Này các tỳ-kheo, đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự xuất hiện của một người khó tìm thấy trong cuộc đời. Là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, người khó tìm thấy trong cuộc đời là con người vi diệu. Người ấy là ai? Là Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự mệnh chung của một người được số đông thương tiếc. Đó là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, có một người sinh ra trong đời là vô tử, vô song. Người đó là ai? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn Giác. Đó chính là một người.

Này các tỳ-kheo, sự xuất hiện của một người là sự xuất hiện của đại nhĩ, đại quang, đại minh. Đó là của ai? Là của Như Lai, bậc A-la-hán, đáng Toàn Giác. Đó chính là một người. (Aṅguttara Nikāya I-13)

Phật điển y cứ cho nội dung sách này

Đức Phật

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn dẫn cứ</i>
Chương thứ nhất			
1	2	1	Phật truyện
	4	7	Pāli, Tăng Chi bộ 3-38
	4	19	Pāli, Trung bộ 3-26, kinh Thánh Cầu
	5	5	Phật truyện
	6	1	Pāli, Trung bộ 9-85, kinh Bồ-đề Vương Tử
	6	5	Phật truyện
	6	13	Pāli, Kinh Tập 3-2, kinh Tinh Càn
	6	18	Phật truyện
	7	2	Pāli, Luật tạng Đại phẩm, phẩm thứ nhất (sao)
	8	1	Trường A-hàm II, kinh Du Hành
2	9	1	Trường A-hàm II, kinh Du Hành
	9	14	Kinh Bát-nê-hoàn
	11	9	Kinh Di Giáo
	11	15	Trường A-hàm II, kinh Du Hành v.v...
Chương thứ hai			
1	13	1	Kinh Quán Vô Lượng Thọ; Kinh Duy-ma
	13	4	Kinh Thủ Lăng Nghiêm

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	13	9	Kinh Duy-ma, kinh Đại Bát Niết-bàn
	13	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Lượng thứ 16
	14	12	Kinh Tâm Địa Quán
	14	19	Kinh Đại Bát Niết-bàn
2	16	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3
	16	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Tín Giải thứ 4
	18	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5
3	20	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Lượng thứ 16
Chương thứ ba			
1	22	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Quang Minh Giác thứ 5
	22	20	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	23	4	Kinh Hoa Nghiêm
	23	13	Kinh Kim Quang Minh, phẩm Tam Thân thứ 3
2	26	1	Kinh Hoa Nghiêm
	26	7	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
	26	11	Kinh A-di-đà
	26	16	Kinh Hoa Nghiêm
	26	23	Kinh Tạp A-hàm 35-5

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
3	27	3	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	29	1	Pāli, Trung Bộ 8-77, Thiện Sanh Ưu-bà-tắc đại kinh
	29	21	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	30	8	Kinh Lăng-già
	30	17	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Tánh khởi thứ 32
	31	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn thứ 25
	31	10	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	31	20	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí dụ thứ 3
	32	1	Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ thứ 3

Lời dạy của đức Phật

Chương thứ nhất

1	34	1	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 1-6; Tương Ưng Bộ 56-11-12, Kinh Chuyển Pháp Luân
	35	7	Pāli, Bồn Sự 103
	35	16	Pāli, Trung bộ 2, kinh Nhất Thiết Lậu
	35	22	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, thứ 18
	36	9	Kinh Thắng Man

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
3	39	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
Chương thứ hai			
1	42	1	Pāli, Trung bộ 4-35, Tát-giá-ca tiểu kinh
	43	19	Pāli, Tăng Chi bộ 5-49, Muṇḍarāja-vagga
	44	6	Pāli, Tăng Chi bộ 4-185, Samaṇa- sutta
	44	12	Pāli, Tăng Chi bộ 3-134, Uppāda- sutta
2	45	1	Kinh Lăng Già
	45	4	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Lô-xá- na Phật thứ 2
	45	12	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ-ma Thiên Cung thứ 16
	46	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
	46	7	Kinh Lăng Già
	46	11	Pāli, Tăng Chi bộ 4-186, Ummagga-sutta
	46	14	Kinh Pháp Cú 1, 2, 17, 18
	46	22	Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Pāli, Tương Ưng bộ 1-2-1-6 kinh Kāmada
3	48	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dạ-ma Thiên Cung thứ 16

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
4	48	6	Kinh Lăng Già
	48	19	Pāli, Trung bộ 3-22, kinh Xà Dụ
	49	11	Kinh Lăng Già
	49	15	Kinh Lăng Già
	52	1	Pāli, Luật tạng Đại Phẩm 1-6; kinh Chuyển Pháp Luân
	52	14	Kinh Lăng Già
	52	18	Kinh Tạp A-hàm quyển 43, kinh Khúc Gỗ Trôi
	53	5	Kinh Lăng Già và khác
	53	15	Pāli, Trung bộ 2-18, kinh Mật Hoàn
	54	1	Kinh Lăng Già
	54	11	Kinh Lăng Già
	54	23	Kinh Duy-ma, phẩm Nhập Bát Nhị
	56	15	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
	56	22	Kinh Lăng Già và khác
Chương thứ ba			
1	58	1	Pāli, Luật Tạng Đại phẩm 1-5
	58	12	Pāli, Luật Tạng Tiểu Phẩm 5-21
	58	19	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
2	63	1	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
	64	16	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	64	22	Kinh Pháp Hoa phẩm Hoá Thành Dụ thứ 7; kinh Thủ Lăng Nghiêm

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn diễn cứ</i>
3	65	10	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Như Lai Tánh Khởi thứ 32
	65	13	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	65	17	Kinh Phạm Võng
	66	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	67	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
Chương 4			
1	71	1	Kinh Thắng Man
	71	18	Pāli, Tăng Chi bộ 2-11
	72	4	Pāli, Bốn Sự kinh 93
	72	9	Pāli, Luật Tạng Đại phẩm
	72	17	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-68
	73	3	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-34
	73	17	Kinh Phương Quảng Đại Trang Nghiêm
	73	23	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 1-6; kinh Chuyển Pháp Luân
	74	3	Pāli, Trung Bộ 2-14, Tiểu kinh Khổ Uẩn
	74	14	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	75	10	Pāli, Bốn Sự kinh 24
	77	1	Pāli, Trung Bộ 51, kinh Kandaraka
	77	15	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-130
2	78	6	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-113
	79	1	Pāli, kinh Bốn Sự 100
	79	14	Kinh Thí Dụ

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	80	10	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	81	14	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-62
	82	4	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-35
	83	8	Pāli, trường Lão Ni Kệ Chú
4	85	1	Kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ
Chương thứ năm			
1	90	1	Kinh Vô Lượng Thọ quyền thượng
	93	2	Kinh Vô Lượng Thọ quyền hạ
	94	8	Kinh Quán Vô Lượng Thọ
2	97	1	Kinh A-di-đà

Con Đường Tu Hành

Chương thứ nhất

1	102	1	Pāli, Trung Bộ 2, kinh Nhất Thiết Lậu
	103	11	Pāli, Trung bộ 26, kinh Thánh Cầu
	104	1	Pāli, Tương Ưng Bộ 35-206
	104	23	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 41- 42
	106	18	Pāli, Trung Bộ 19, kinh Song Tâm
	107	12	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú
2	109	1	Pāli, Tăng Chi bộ 3-117
	109	10	Pāli, Trung Bộ 3-21 kinh Ví Dụ Cái Cưa

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn diễn cứ</i>
	112	2	Pāli, Trung Bộ 3-23 kinh Gò Mối
	113	9	Pāli, kinh Bốn Sanh 4-497, Mātanga Jātaka
	116	3	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 9
	116	11	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 11
	117	3	Kinh Tứ Thập Nhị Chương, 13
	118	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 2-4, Samacitta- sutta
3	119	1	Kinh Tạp Bảo Tạng
	124	1	Kinh Bách Dụ
	127	1	Luận Đại Trí Độ
	128	8	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	129	7	Kinh Tạp Bảo Tạng
Chương thứ hai			
1	133	1	Pāli, Trung Bộ 7-63, Kinh Ví Dụ Mũi Tên
	134	20	Pāli, Trung Bộ 3-29, Kinh Ví Dụ Lỗi Cây
	135	22	Kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp
	136	6	Pāli, Trưởng Lão kệ chú
	137	21	Pāli, Trung Bộ 3-28, Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi
	138	9	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	138	21	Kinh Bách Duyên (avadānaśataka)
	140	5	Kinh Đại Bát Niết-bàn

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	141	23	Kinh Đại Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, phẩm Thường Đề thứ 88
	143	4	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 34
2	145	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-88
	145	13	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-81
	145	19	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-82
	146	11	Kinh Bát Nê-hoàn quyển thượng
	147	4	Pāli, Trung Bộ 14-141, Kinh Phân Biệt Thánh Đế
	148	7	Kinh Bát Nê-hoàn, quyển thượng
	149	1	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-16
	149	8	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Minh Nạn thứ 6
	149	21	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	150	10	Kinh Tạp Bảo Tạng
	150	23	Kinh Kim Quang Minh, phẩm Xả Thân 26
	151	11	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	152	2	Pāli, Trưởng Lão Kệ Chú
	152	18	Pāli, Bốn Sanh Kinh 55
	153	19	Pāli, Bốn Sự kinh 39, 40
	154	3	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	154	6	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	154	9	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-12
	154	14	Kinh Bát Nê Hoàn
	154	22	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
3	156	1	Pāli, Tương Ưng bộ 55-21, 22

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn diễn cứ</i>
	156	20	Pāli, Tăng Chi Bộ 5-32
	157	4	Kinh Duy-ma
	157	16	Kinh Thủ Lăng Nghiêm
	157	23	Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ
	158	8	Pāli, Tương Ưng Bộ 1-4-6
	158	11	Kinh Hoa Nghiêm phẩm Ly Thế Gian thứ 33
	159	2	Kinh Hoa Nghiêm phẩm Thập Nhân thứ 24
	159	11	Kinh Kim Quang Minh phẩm Trống Vàng thứ 4
	159	19	Kinh Quán Vô Lượng Thọ
	159	21	Kinh Vô Lượng Thọ
	160	2	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	160	19	Pāli, Trung Bộ 2-16 kinh Tâm Hoang Dã
	161	9	Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ
4	162	1	Kinh Pháp Cú
	168	13	Pāli, Tương Ưng Bộ 1-4-6
	169	1	Kinh Tăng Nhất A-hàm
	169	4	Kinh Đại Bát Niết-bàn

Tăng Thân

Chương thứ nhất

1	172	1	Pāli, Kinh Bốn Sự 100; Trung Bộ 1-3 kinh Thừa Tự Pháp
	172	5	Pāli, Kinh Bốn Sự 92

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	172	11	Pāli, Luật Tạng Đại Phẩm 1-30
	173	5	Pāli, Trung Bộ 4-39, Mã Ấp Đại kinh
	174	6	Pāli, Trung Bộ 4-40, Mã Ấp Tiểu kinh
	175	2	Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư thứ 10
	175	7	Kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp Sư thứ 10
	175	15	Kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh thứ 14
2	177	1	Pāli, Tương Ưng Bộ 55-37, Mahānāma
	177	9	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-75
	177	15	Pāli, Tương Ưng Bộ 55-37
	177	19	Pāli, Tương Ưng Bộ 55-54, Gilāyanam
	178	1	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thứ 22
	179	5	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	181	11	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Tịnh Hạnh thứ 7
	183	12	Kinh Phật Thăng Đao Lợi Thiên vị Mẫu Thuyết Pháp
	184	7	Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Kim Cang Tràng Bồ-tát Hồi Hướng thứ 21
	185	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
3	186	1	Kinh Lễ Lạy Sáu Phương
	190	22	Pāli, Tăng Chi Bộ 2-4
	191	14	Pāli, Tăng Chi Bộ 3-31
	191	23	Pāli, Kinh Bốn Sanh 417, Ca-chiên-diên Bốn Sanh
	193	13	Kinh Lễ Lạy Sáu Phương
	193	23	Kinh Pháp Cú Thí Dụ 4; Pāli, Pháp Cú kinh chú
	194	21	Chú thích thư của Miến Điện
	195	15	Kinh Thắng Man
Chương thứ hai			
1	198	1	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	199	10	Pāli, Tăng Chi bộ 3-118
	200	18	Pāli, Tương Ưng Bộ
	201	9	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 10-1&2
	201	14	Kinh Trường A-hàm II, kinh Du Hành
	202	17	Pāli, Luật tạng Đại phẩm 10-1&2
	203	1	Luật tạng Đại phẩm 10-1&2; kinh Trường Thọ Vương
2	205	1	Pāli, Tương Ưng bộ
	205	17	Kinh Trung Ấm
	205	23	Kinh Duy Ma
	206	24	Kinh Đại Bát Niết-bàn
	207	18	Kinh A-di-đà
	208	1	Kinh Vô Lượng Thọ
	208	12	Kinh Duy-ma
3	209	1	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú 1

<i>Tiết</i>	<i>trang</i>	<i>dòng</i>	<i>Nguồn điển cứ</i>
	209	7	Kinh Tăng Nhất A-hàm 34-2
	210	1	Pāli, Pháp Cú Kinh Chú 1
	210	17	Kinh Tăng Nhất A-hàm 5-1
	210	21	Hữu Bộ Luật, Phá Tăng sự 10
	211	10	Kinh Ương Quật Ma La
	212	5	Kinh Tăng Nhất A-hàm 26

Phụ lục

LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO

– Truyền thừa từ Ấn Độ đến Nhật Bản–

1. ẤN ĐỘ

Một trong những sự kiện tạo ra kỷ nguyên vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng của nhân loại khi “ánh sáng Châu Á” xuất hiện rực rỡ ở vùng Trung Ấn, hay nói cách khác, từ xứ sở này, khi dòng suối từ bi và trí tuệ lưu xuất, nó đã gội nhuần tâm hồn người Châu Á, trải qua nhiều thế kỷ về sau và mãi cho đến bây giờ.

Đức Phật Gotama, người mà về sau được gọi là Shakyamuni (Thích-ca Mâu-ni), là vị thánh giả xuất thân từ dòng tộc Shakya, ngài đã lìa khỏi gia đình, xuất gia, lần về phương nam rồi đến nước Magadha (Ma-kiệt-đà), cuối cùng ngài đã chứng được quả vị giác ngộ dưới gốc cây Bồ-đề, khoảng giữa thế kỷ thứ 5 trước Tây lịch. Từ đó cho đến khi nhập Bát Niết-bàn, suốt 45 năm, ngài không ngừng tuyên thuyết diệu pháp về từ bi và trí tuệ. Và kết quả là đến cuối thế kỷ ấy, pháp thành đã được dựng lên một cách vững chắc trên khắp vùng Trung Ấn.

Đến thời kỳ của vua Ashoka (A-dục, tại vị năm 268-232 TTL), vị vua đời thứ ba của vương triều Maurya, thì giáo pháp của đức Phật Gautama được truyền bá đến toàn cõi Ấn Độ, và đó cũng là thời kỳ Phật giáo có cơ hội vượt ra khỏi lãnh thổ nước này, được truyền đến những đất nước xa xôi.

Vương triều Maurya là vương triều đầu tiên thống nhất đất nước Ấn Độ. Khoảng đời vua thứ nhất là Chandragupta (tại vị năm 317-293 TTL), lãnh thổ nước này bao gồm từ phía Bắc là dãy núi Himalaya, phía Đông là vịnh Bengal, phía Tây là dãy núi Hindu Kush, phía Nam là dãy núi Vindhya. Đến thời vua Ashoka thì lãnh thổ được mở rộng thêm đến vùng cao nguyên Deccan nhờ chinh phục được vùng đất phía Nam như những vùng Kalinga v.v...

Vị vua này vốn dĩ là người có tính cách hung bạo, tương truyền ông bị mọi người gọi là Chandāshoka (A-dục bạo ác). Tuy nhiên khi chinh phục vùng Kalinga, nhìn thấy những điều thảm khốc từ chiến tranh, ông hoàn toàn thay đổi, từ động cơ ấy ông trở thành người có niềm tin nhiệt thành

đối với giáo lý từ bi và trí tuệ. Từ đó trở đi, vị vua này trở thành tín giả Phật giáo, công hiến nhiều Phật sự quan trọng, trong đó đáng chú ý nhất là hai việc sau.

Thứ nhất là “văn khắc Ashoka”, tức là cho kiến tạo những mẫu văn khắc về phương châm chính trị theo quan điểm của nhà Phật, trên trụ đá hay trên vách núi đá trong toàn lãnh thổ. Thứ hai là cùng với việc lưu bố giáo pháp của đức Phật trên toàn cõi Ấn Độ, nhà vua còn cho sứ giả đi khắp các nước bốn phương, ngoài lãnh thổ Ấn Độ để truyền bá ý chỉ giáo pháp về từ bi và trí tuệ. Trong đó, đặc biệt đáng chú ý là có các sứ giả được phái đến cả những đất nước xa xôi như Syria, Egypt, Kyrene, Macedonia và Epeiros, thời kỳ này Phật giáo được truyền rộng đến thế giới phương Tây. Và cũng thời kỳ này, sứ giả Mahendra (Pāli: Mahinda) được phái đến Srilanka, ông đã thành công trong việc “trồng cây đại thụ chính pháp nơi đảo quốc Lãng-già (Lankādvīpa, Pāli: Lankādīpa) xinh đẹp này”, và cũng có nghĩa là đã xác lập được cứ điểm của Phật giáo phía Nam.

2. SỰ HƯNG KHỞI CỦA PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Những tín đồ Phật giáo sau này thường sử dụng cụm từ “Phật giáo Đông tiệm”. Chuyện là, những thế kỷ trước kỷ nguyên Tây lịch thì rõ ràng là diện mạo Phật giáo đã hướng về phía Tây, nhưng sau đó, khoảng trước sau kỷ nguyên Tây lịch, diện mạo ấy bắt đầu hướng về phía Đông. Tuy nhiên, trước khi đề cập đến điều này chúng ta cần phải nói đến một chuyển biến trọng đại trong Phật giáo. Đó chính là làn sóng mới được gọi là “đại thừa”, truyền thống Phật giáo này đã bắt rễ mạnh mẽ và có đặc thù dễ nhận biết trong Phật giáo ngay cả đến ngày nay.

Không ai có thể nói chính xác “làn sóng mới” ấy có tự khi nào, vì sao xuất hiện, những ai đã hình thành nên nó. Về điều này chúng ta chỉ có thể nói được hai ý. Thứ nhất, hiển nhiên đó chính là sự kiện được sinh ra từ hệ tư tưởng thuộc Đại Chúng bộ, tức bởi những tỷ-kheo có tư tưởng tiến bộ. Thứ hai, có nhiều thư tịch Phật điển trong hệ kinh điển đại thừa đã tồn tại khoảng từ thế kỷ thứ hai, thứ nhất trước tây lịch đến thế kỷ thứ nhất sau tây lịch. Và khi tư tưởng đặc sắc của Long Thọ (Nāgārjuna) dựa vào nội dung những kinh điển đại thừa ấy được triển khai, bóng dáng của

Phật giáo đại thừa đã được thể hiện một cách sinh động trên sân khấu lịch sử tôn giáo.

Trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo, Phật giáo đại thừa đã đóng vai trò vô cùng trọng đại. Đối với Phật giáo các nước Đông Á như Trung Quốc, Nhật Bản hay Việt Nam, hầu hết lịch sử của những quốc gia này đều phát triển dưới sự ảnh hưởng của Phật giáo đại thừa. Đây hoàn toàn không phải là điều lạ. Bởi vì ở những quốc gia này, việc cứu giúp cho số đông rất được chú trọng triển khai, được xem là điều lý tưởng, đem lý tưởng ấy vào thực tiễn thì mẫu hình con người lý tưởng ấy là bồ-tát đã được phác họa. Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho lý tưởng bồ-tát này, những thành quả tri thức trong lãnh vực tâm lý học hay hình nhi thượng học bởi những nhà tư tưởng đại thừa cũng đều là những thành quả tuyệt vời. Theo cách này, rõ ràng đại thừa Phật giáo một mặt liên hệ với giáo lý của đức Phật Gotama, mặt khác có nhiều điểm mới đã được thêm vào trong dòng chảy giáo pháp trí tuệ và từ bi. Với những bổ sung này, Phật giáo càng trở nên tràn đầy nhiệt huyết và giàu có năng lượng, như con sông lớn có dòng chảy dạt dào, tưới tắm cho nền văn hoá và tư tưởng của những quốc gia phương Đông.

3. TÂY VỰC (VÙNG TRUNG Á)

Người Trung Quốc lần đầu tiên biết đến Phật giáo là thông qua vùng Tây Vực. Do đó, khi nói đến con đường của Phật giáo từ Ấn Độ đến Trung Quốc thì trước tiên phải bắt đầu nói từ con đường Tơ Lụa (Silk road). Con đường này xuyên qua vùng địa vực hoang vu Trung Á, là con đường mậu dịch nối hai miền Đông và Tây với nhau, có mặt khoảng thế kỷ thứ hai trước tây lịch, thời vua Vũ Đế nhà Hán (140-87). Thời đó, lãnh thổ nhà Hán được mở rộng phía Tây, những đất nước phía Tây tiếp giáp với nước này là Đại Uyển (Ferghana), Khương Cư (Sogdiana), Đại Nguyệt Thị (Tukhara) và cả An Tức (Parthia), ở đó, tinh thần của chủ nghĩa giao thương vốn được hưng khởi bởi đại đế Alexander vẫn còn sôi nổi. Và nơi con đường mậu dịch cổ đại nối liền các quốc gia ấy, tơ lụa của Trung Quốc là thương phẩm đóng vai trò rất lớn. Đó là lý do con đường ấy được gọi là con đường Tơ Lụa. Từ khoảng trước sau kỷ nguyên Tây lịch,

liên quan đến Phật giáo, mối giao thoa văn hoá giữa Trung Quốc và Ấn Độ ban đầu cũng thông qua con đường tơ lụa này. Như thế có thể nói, con đường tơ lụa là con đường huyết mạch của Phật giáo.

4. TRUNG QUỐC

Lịch sử tiếp nhận Phật giáo của người Trung Quốc được bắt đầu từ việc tiếp nhận kinh điển và phiên dịch kinh điển. Đầu tiên nhất, xưa nay thường được biết là kinh Tứ Thập Nhị Chương, được mang đến và phiên dịch ra tiếng Trung Quốc bởi nhóm ngài Ca-diếp-ma-đăng vào niên hiệu Vĩnh Bình (58-76 STL) thời vua Hán Minh Đế. Nhưng ngày nay điều đó được xem chỉ là truyền thuyết, sử liệu đáng ngờ. Cái sớm nhất có thể xác chứng là sự nghiệp phiên dịch của ngài An Thế Cao ở Lạc Dương vào khoảng những năm 148-171. Từ đó cho đến thời Bắc Tống (960-1129), gần một ngàn năm, việc phiên dịch kinh điển Phật giáo ở Trung Quốc liên tục được tiến hành.

Thời kỳ đầu, việc mang kinh điển đến Trung Quốc và đảm nhiệm vai trò chính trong phiên dịch hầu hết là chư Tăng đến từ các nước Tây Vực. Ví dụ, ngài An Thế Cao vừa nhắc đến ở trên là người nước An Tức, tức Parthia, ngài Khương Tăng Khải đến Lạc Dương khoảng thế kỷ thứ ba và dịch kinh Vô Lượng Thọ là người vùng Samarkand (Sogdiana), hay người dịch kinh Chánh Pháp Hoa thường được cho là ngài Trúc Pháp Hộ là người nước Nguyệt Thị, đến Lạc Dương và Trường An khoảng từ cuối thế kỷ thứ ba đến đầu thế kỷ thứ tư. Và khoảng đầu thế kỷ thứ năm có ngài Cưu-ma-la-thập đến từ nước Khương Tư (Kucha), việc phiên dịch kinh điển ở Trung Quốc đạt đến một đỉnh cao đáng kể.

Từ đó trở đi, bắt đầu có những nhân vật từ Trung Quốc đi Ấn Độ học tập tiếng Phạn và cầu pháp, tức hoạt động của các vị tăng “nhập Trúc cầu pháp” được bắt đầu. Người đầu tiên là ngài Pháp Hiển (339-420?), xuất phát từ Trường An vào năm 399 và trở về nước sau 15 năm ở Ấn Độ. Người nổi tiếng nhất là ngài Huyền Trang (602-664), xuất phát năm 627 và trở về năm 645, hết 19 năm cầu pháp ở Ấn Độ. Còn ngài Nghĩa Tịnh (635-713) đến Ấn Độ từ đường biên, xuất phát năm 671 và trở về cũng bằng đường biển sau 25 năm sau.

Những vị tăng này tự mình đến Ấn Độ học tiếng Phạn, tự mình chọn lựa kinh điển rồi mang về, và sau khi về nước, đã chủ trì công việc phiên dịch kinh điển ấy. Trường hợp của ngài Huyền Trang cho thấy ngài là người có học lực ngoại ngữ rất xuất chúng, sự nghiệp phiên dịch kinh điển đầy tinh lực của ngài đưa lịch sử phiên dịch kinh điển của Trung Quốc đạt đến tầm cao mới. Các học giả ngày nay gọi những dịch bản cũ trước đó, đại biểu là của ngài Cưu-ma-la-thập, là “cựu dịch”, những dịch bản từ của ngài Huyền Trang trở đi là “tân dịch”. Cách gọi như thế có nguyên do như trên.

Nhờ vào lượng lớn kinh điển Phật giáo đã được phiên dịch, khuynh hướng tư tưởng và hoạt động tôn giáo của những nhà hoạt động Phật giáo ở đây dần dần có khuynh hướng Trung Quốc hoá, thể hiện rõ sự tự tin, nhu cầu và tư chất của người Trung Quốc. Đầu tiên, việc họ đặc biệt đề tâm đến khái niệm “không”, hình nhi thượng học được đề cập trong kinh Bát-nhã cũng là một biểu hiện của khuynh hướng này. Sau đó, khuynh hướng vứt bỏ cái gọi là tiểu thừa chỉ chú ý đến đại thừa cũng là một biểu hiện. Khuynh hướng này càng nổi bật hơn trong Thiên Thai tông, và có thể nói đỉnh cao của nó là sự xuất hiện của Thiền tông.

Thiền Thai tông ở Trung Quốc được hoàn thành khoảng nửa sau thế kỷ thứ sáu, do vị tổ thứ ba Thiên Thai Đại Sư, Trí Nghi (智顗, 538-597). Trong các tư tưởng gia Phật giáo Trung Quốc, Trí Nghi là nhân vật nổi bật nhất. Sự phân loại giáo pháp đức Phật thành “năm thời tám giáo” (ngũ thời bát giáo) của vị tăng này có sức ảnh hưởng rộng rãi về lâu sau, không chỉ trong phạm vi Phật giáo Trung Quốc mà đến cả toàn Đông Á.

Một đánh giá cho thấy, ban đầu ở Trung Quốc, kinh điển đã được thỉnh về bất kể thứ tự thành lập của chúng, rồi được phiên dịch ra theo như những gì đã thỉnh về. Trước số lượng lớn các kinh điển này, vấn đề là làm thế nào để biết thứ tự thành lập và giá trị của chúng. Vì nếu biết được điều này thì có thể đánh giá được Phật giáo một cách toàn thể và cho người ta biết bản thân nên dựa vào cái nào. Đó là chủ đề gọi là giáo phán (thẩm định, đánh giá về giáo lý Phật giáo), hay còn gọi là giáo tướng phán thích. Về điều này trước tiên, giáo phán là sự triển khai tư tưởng theo cách của người Trung Quốc, trong đó, giáo phán của Trí Nghi là cái

rất có hệ thống và chứng tỏ có kiến thức uyên thâm, có tính thuyết phục. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của ngành nghiên cứu Phật giáo ngày nay, sức ảnh hưởng của giáo phán này đã đến hồi chấm dứt.

Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, tông phái xuất hiện muộn nhất là Thiền tông, vị sa-môn người nước ngoài tên là Bồ-đề-đạt-ma (?-528) được cho là sơ tổ của tông phái này. Nhưng hạt giống được ông ấy gieo trồng được khai hoa mạnh mẽ và trở thành tinh hoa của Phật giáo Trung Quốc thì phải từ tổ thứ sáu Huệ Năng (638-713) trở về sau, từ thế kỷ thứ 8 trở đi liên tiếp có nhân tài xuất hiện, làm hưng long cho Thiền tông trải qua nhiều thế kỷ.

Người ta có thể nhìn thấy tư duy mới mẻ về Phật giáo, vốn có nguồn gốc sâu xa từ bản chất của người Trung Quốc. Đó chính là Phật giáo mang màu sắc Trung Quốc. Và dòng chảy giáo lý của đức Phật Gotama, với sự gia nhập của dòng chảy tư tưởng mới như thế, đã dần dần trở thành con sông lớn mạnh, tưới tắm thấm nhuần khắp cả các quốc gia Đông Á.

5. NHẬT BẢN

Lịch sử Phật giáo Nhật Bản bắt đầu từ thế kỷ thứ sáu. Năm 538, vua nước Paikche (hay Kudasa, Bách Tế: Triều Tiên) sai sứ đến hiến tặng cho triều đình thiên hoàng Kinmei một tượng Phật và một số kinh điển. Đây là lần đầu tiên Phật giáo được truyền đến quốc gia này. Lịch sử Phật giáo của nước này từ đó đến nay kể đã gần 1500 năm.

Chúng ta có thể hiểu chiều dài lịch sử Phật giáo Nhật Bản ấy được liên kết thành ba tiêu điểm như sau.

Tiêu điểm thứ nhất là Phật giáo thế kỷ thứ 7 thứ 8. Nếu theo sự kiện thì đây là thời kỳ kiến tạo chùa Horyuji và Todaiji. Nhìn lại thời đại này chúng ta thấy trào lưu văn hoá rất hưng thịnh trên toàn Châu Á. Trong khi những thế kỷ này là thời đại nền văn minh phương Tây bị chìm đắm trong bóng tối, thì nền văn minh phương Đông được phát triển khai hoa. Ở Trung Quốc, ở Tây Vực, ở Ấn Độ, hay các nước vùng Nam hải đều phát triển cao độ về cả tri thức, tôn giáo hay nghệ thuật. Phật giáo đã gắn kết cùng với những hoạt động đó, gột rửa toàn thể giới phương Đông

bằng làn sóng nhân văn rộng lớn. Trào lưu mới này của văn hoá Nhật Bản được biết đến là việc xây dựng hai ngôi chùa Horyuji tráng lệ và Todaiji hùng vĩ, và những hoạt động về nghệ thuật tôn giáo đầy sắc màu liên quan đến hai ngôi chùa này, cho thấy sự hấp thụ trào lưu văn hoá ấy ở vùng Cực Đông, trào lưu văn hoá phổ biến ấy đã bao trùm trên toàn Châu Á.

Trước đó, Nhật Bản còn là thời kỳ bán khai. Nay người ta được tắm mình trong nền văn hoá lớn đương đại. Bông hoa của nền văn minh bỗng nhiên bùng nổ. Đó là bước ngoặt may mắn dành cho người Nhật Bản trong những thế kỷ này. Và chủ thể của nền văn hoá mang tầm vóc quốc tế ấy không gì khác ngoài Phật giáo. Chính vì vậy, chùa chiền Phật giáo lúc bấy giờ trở thành những trung tâm mang tính xã hội rất quan trọng, tăng sĩ là những người dẫn đầu của nền tri thức mới này, và kinh điển là phương tiện chuyên chở những tư tưởng ưu việt. Phật giáo đã được phát triển như một nền văn hoá rộng lớn chứ không chỉ là một tôn giáo. Đây là thực tế của Phật giáo thời kỳ đầu khi mới được truyền đến Nhật Bản.

Đến khoảng đầu thế kỷ thứ 9, xuất hiện hai nhân vật vĩ đại đó là Saicho (Tối Trừng 最澄 767-822) và Kukai (Không Hải 空海 772-835), là những nhà sáng lập tông phái Phật giáo Nhật Bản đầu tiên, được gọi là thời kỳ Phật giáo Hei-An. Phật giáo tại đây ban đầu chỉ là loại văn hoá để giới quý tộc tiêu khiển cho qua thời giờ, thì giờ đây đã được những vị này thực hiện với ý nghĩa tu hành vốn có của nó. Trước đây Phật giáo chủ yếu ở hoàng cung phố thị nay được đem vào núi cao, kiến lập đạo tràng để tu hành. Hơn 300 năm sau, hậu duệ của hai vị tăng này là hai phái Tendai (Thiên Thai 天台) và Shingon (Chân Ngôn 真言) đã đưa Phật giáo phát triển chủ yếu vào trong giới quý tộc và triều đình Nhật Bản.

Tiêu điểm thứ hai liên quan đến Phật giáo thế kỷ thứ 12, 13. Thời kỳ này, Nhật Bản đã sinh ra những vị tăng ưu tú như Honen (Pháp Nhiên 法然 1133-1212), Shinran (Thân Loan 親鸞 1173-1262), Dogen (Đạo Nguyên 道元 1200-1253), Nichiren (Nhật Liên 日蓮 1222-1282) v.v... Ngày nay khi nói đến Phật giáo Nhật Bản thì không thể không đề cập đến những vị này. Thế thì vì sao chỉ trong những kỷ nguyên ấy Nhật Bản

đã sinh ra những vĩ nhân như thế? Vì có một vấn đề chung, rất lớn mà giới Phật giáo Nhật Bản phải đối diện. Vấn đề chung ấy là sự tiếp nhận Phật giáo theo tinh thần của dân tộc ở xứ sở này.

Sẽ có người hỏi: “nhưng vì sao? chẳng phải Phật giáo đã truyền đến đây trước đó lâu rồi sao?”. Sự thật lịch sử đúng là như thế. Nhưng con người ở xứ sở này sau khi tiếp nhận rồi thì làm thành cái của riêng dân tộc mình, việc tiếp thụ văn hoá như thế cần sự nỗ lực cả mấy trăm năm. Nói tóm lại, sự nỗ lực tiếp nhận Phật giáo bắt đầu từ thế kỷ thứ 7 thứ 8 ở đất nước này và kết quả của sự nỗ lực ấy là mùa xuân trăm hoa đua nở của Phật giáo Nhật Bản ở thế kỷ thứ 12, 13.

Phật giáo Nhật Bản sau đó dựa trên nền tảng được xây dựng bởi những vị sư nổi tiếng trước đó mà tiếp nối cho đến ngày nay. Tức là, sau sự xuất hiện của nhiều vị sư kiệt xuất ở những thế kỷ đó thì trong lịch sử Phật giáo Nhật Bản, không còn xuất hiện những nhân tài như thế nữa. Tuy nhiên, cũng trong dòng lịch sử Phật giáo Nhật Bản, có thể nói, còn có một điểm đáng chú ý, đó là kết quả nghiên cứu Phật giáo nguyên thủy trong lãnh vực Phật giáo học cận đại.

Phật giáo Nhật Bản từ ban đầu, dưới sự ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc nên hoàn toàn là Phật giáo đại thừa. Sau những nhân tài kiệt xuất thế kỷ thứ 12, 13 cho đến nay, giáo lý đại thừa chủ yếu bởi những vị tổ này đóng vai trò chủ lưu của Phật giáo Nhật Bản. Trong dòng lịch sử Phật giáo của một xứ sở như thế, việc nghiên cứu Phật giáo nguyên thủy được tiến hành khoảng từ hậu bán thời Mei-ji trở đi. Nhờ đó, hình tượng đức Phật Thích-ca đã ít nhiều tái hiện được trước những người có thể đã quên rằng còn có người sáng lập Phật giáo bên cạnh người sáng lập giáo phái. Và giáo pháp của đức Phật Thích-ca được làm rõ trước những người vốn không chú ý gì khác ngoài giáo học bấy lâu. Mặc dù điều này vẫn còn nằm trong phạm vi của học vấn, chưa đủ mạnh để đánh thức niềm nhiệt huyết tôn giáo mới, nhưng chí ít thì tri thức Phật giáo mà con người ở xứ sở này có được là sự thay đổi lớn. Đây có thể coi là tiêu điểm đáng nói thứ ba.

LỊCH SỬ LƯU TRUYỀN THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Phật giáo là tôn giáo lấy lời dạy của đức Phật Thích-ca trong 45 năm giáo hoá làm nền tảng. Do đó, lời của đức Thích Tôn là thứ có quyền uy tuyệt đối trong Phật giáo. Dù nói trong Phật giáo có tám vạn bốn ngàn pháp môn, có nhiều tông chỉ, tông phái thì tất cả đều có trong lời dạy của đức Thích Tôn. Và những ghi chép cho lời dạy ấy là những kinh điển được gọi là đại tạng kinh hay nhất thiết kinh.

Thích Tôn thường chủ trương bình đẳng giữa con người. Ngài đã thuyết pháp với những lời dạy bình dị, bằng lời nói ngày thường, để ai cũng có thể hiểu được đầy đủ. Và cho đến lúc nhập diệt ở tuổi 80, ngài đã liên tục thuyết pháp cho tất cả mọi người, không ngừng nghỉ một ngày nào.

Sau khi đức Thích Tôn nhập diệt, mỗi mỗi người trong hàng đệ tử đã truyền đạt lại cho mọi người những lời dạy của đức Thích Tôn mà chính họ đã nghe. Tuy nhiên, khi truyền đạt lại, có lẽ cũng có việc nghe nhầm hoặc nhớ nhầm. Mặc dù lời của đức Thích Tôn luôn phải được truyền trao một cách chính xác nhất. Tất cả mọi người đều phải được cơ hội tiếp xúc với lời dạy ấy một cách bình đẳng nhất.

Để truyền lại cho người đời sau lời Phật dạy một cách chính xác không nhầm lẫn, các trưởng lão đã ngồi lại với nhau tiến hành chỉnh lý lại lời dạy ấy. Hoạt động này gọi là “kết tập kinh điển”.

Mấy tháng ròng rã kết tập, rất đông tỷ-kheo trưởng lão tập hợp, tụng lên những lời dạy mà mỗi người đã nghe được, biết được rồi cùng nhau thảo nghị xem có sai gì hay không. Từ việc này cho thấy việc truyền trao lời của đức Thích Tôn đã được kính cẩn và thận trọng đến thế nào. Những lời dạy đã được chỉnh lý như thế cuối cùng đã được ghi chép lại bằng văn tự. Những lời dạy của đức Thích Tôn đã được ghi chép bằng văn tự ấy đã được các cao tăng chú thích, giảng giải thêm. Đây gọi là “luận”. Lời dạy của đức Phật, cái được luận giải thêm vào sau này, và giới luật của tăng-già, ba nhóm này gọi là “tam tạng”. Tam tạng là kinh tạng, luật tạng, luận tạng. Tạng có nghĩa là cái chứa đựng, là cái thu thập lại tất cả lời dạy của Phật giáo. Kinh là lời dạy của chính đức Phật, luật là cái nói về giới luật của Tăng-già, luận là những chú thích được viết ra bởi các

bậc cao tăng.

Hầu hết các giáo phái đều có duy trì tam tạng của mình. Nhưng ngày nay chỉ có tạng Pāli thuộc Thượng Toạ bộ là còn đầy đủ nhất. Tạng Pāli này đóng vai trò quan trọng, là nguồn kinh sách phổ thông ở các nước có truyền thống Phật giáo ở Đông Á và Đông Nam Á.

Phật giáo lần đầu tiên được truyền vào Trung Quốc theo truyền thuyết là năm 67 thời vua Minh Đế - Hậu Hán, nhưng chính xác được truyền đến và phiên dịch ra chữ Hán là 84 năm sau đó, tức năm 151 thời vua Hoàn Đế - Hậu Hán. Cũng giống như Phật giáo đại thừa tại Ấn Độ thời bấy giờ, cả kinh điển nguyên thủy và kinh điển đại thừa đều được truyền vào Trung Quốc mà không có sự phân biệt gì. Từ đó trở đi suốt hơn 1700 năm liên tục được dịch sang tiếng Trung Quốc. Con số kinh điển được dịch ra lên đến 1440 bộ, 5586 quyển. Việc nỗ lực gom góp lại và bảo tồn những kinh điển này sớm nhất là bắt đầu từ thời nhà Ngụy. Nhưng để những kinh điển này được ấn hành thì phải đến thời Bắc Tống. Tuy nhiên vào thời này, những trước tác của các cao tăng Trung Quốc cũng được thêm vào, nên việc gọi là “tam tạng” đã không còn thích hợp nữa. Thời nhà Tùy người ta gọi là “nhất thiết kinh”, và trong thời nhà Đường thì gọi là “đại tạng kinh”.

Phật giáo cũng được truyền vào Tibet khoảng thế kỷ thứ 7, từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 11, trong khoảng 150 năm người Tibet liên tục nỗ lực phiên dịch, hầu hết thánh điển Phật giáo Ấn Độ đã được dịch ra tiếng Tibet.

Ngày nay kinh điển đã được phiên dịch ra rất nhiều thứ tiếng, không chỉ có tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Việt, tiếng Sinhala, Campuchia, Thổ Nhĩ Kỳ và hầu hết các ngôn ngữ Đông Dương mà cũng còn được dịch ra những ngôn ngữ như Latin, Pháp, Anh, Đức, Ý... Từ việc này chúng ta có thể nói, ân huệ của đức Phật Thích-ca đã dần dần lan khắp trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, về mặt nội dung thì do đã trải qua hơn 2000 năm phát triển và biến thiên, số lượng đã vượt số vạn quyển, cho dù đại tạng kinh có được làm hoàn hảo đến đâu đi chăng nữa thì việc nắm bắt được chân ý lời dạy của đức Phật cũng không phải là việc dễ dàng. Do đó, điều cần thiết là chọn ra những phần trọng yếu từ đại tạng kinh và lấy đó làm nền

tăng cho tín tâm của mỗi người.

Trong Phật giáo, lời dạy của đức Phật là nơi nương tựa tối tôn. Do đó, lời dạy của đức Phật phải có sự gần gũi, có mối liên quan sâu sắc nhất trong đời sống hàng ngày của chúng ta. Nếu không phải như thế thì cho dù có vạn quyển kinh mà rút cuộc không lay chuyển gì được tâm chúng ta rồi chấm hết. Với ý nghĩa này, thánh điển Phật giáo, chí ít là những thánh điển lúc nào cũng có thể cầm theo bên mình, được yêu cầu phải có tính giản yếu, về chất thì phải không sai lạc, đủ để đại diện cho toàn bộ nhưng phải chính xác, và từ ngữ gần gũi dễ hiểu.

Quyển Thánh điển này đã được tạo ra với sự kính cẩn và thận trọng như thế, là nội dung có được từ biên cả lời dạy của đức Phật, kế thừa từ dòng chảy đại tạng hai ngàn mấy trăm năm. Đương nhiên, ấn phẩm này không thể là cái hoàn hảo về mặt nội dung. Lời của đức Phật sâu sắc vô hạn, đức hạnh của ngài là vô tận cùng không ai có thể dễ dàng nói hết.

Do đó, chúng tôi thành thật mong muốn cuốn sách này sẽ được cải tiến hơn nữa để trở thành một ấn phẩm trung thực và có giá trị trong những phiên bản có sửa đổi và được phát hành trong tương lai.

NHỮNG BƯỚC TIỀN CỦA SÁCH NÀY

Sách này được biên tập dựa trên quyển *Tân Dịch Phật Giáo Thánh Điển* được xuất bản vào tháng 7 năm 1925 (niên hiệu Taisho thứ 14) bởi Hội Phổ Cập Tân Dịch Phật Giáo Thánh Điển do ông Kizu Muan đại diện.

Ấn bản tiếng Nhật đầu tiên của sách này do giáo sư Yamabe Shugaku và giáo sư Akanuma Chizen chấp bút với sự cộng tác của nhiều học giả Phật giáo suốt 5 năm ròng mới được ra đời.

Thời Showa (1926-1989), Hội Phổ Cập đã xuất bản quyển *Thánh Điển Phật Giáo - Bản Phổ Thông* (*The Popular Edition of Buddhist Text* 国民版仏教聖典), được lưu hành rộng rãi trên toàn quốc.

Vào tháng 7 năm 1934, khi hội nghị Thanh Niên Phật Giáo họp tại Nhật Bản, một trong những hoạt động kỷ niệm hội nghị này là bản dịch tiếng Anh của *Thánh Điển Phật Giáo – Bản Phổ Thông* trên, là *The Teaching of Buddha*, được xuất bản bởi Liên Đoàn Thanh Niên Phật Giáo Nhật Bản, với sự cộng tác của ông D. Goddard. Năm 1962, kỷ niệm 70 năm Phật giáo được giới thiệu đến Hoa Kỳ, ông Yehan Numata, người sáng lập tập đoàn Mitsutoyo đã xuất bản ấn bản tiếng Anh *The Teaching of Buddha*.

Năm 1965, khi ông Numata hiến tịnh tài để thành lập Hiệp Hội Phật Giáo Truyền Đạo, thánh điển này được lên kế hoạch phổ cập ra toàn thế giới, đây là một trong những hoạt động của hiệp hội này.

Theo kế hoạch ấy, năm 1966 đã cơ cấu được những thành phần nhân sự để biên tập mới quyển *Thánh Điển Phật Giáo*. Thành viên gồm có bảy vị, các giáo sư Kazuyoshi Kino, Shūyū Kanaoka, Zennō Ishigami, Shinkō Sayeki, Kōdō Matsunami, Shōjun Bandō và Takemi Takase. Cùng với sự cộng tác của giáo sư Fumio Matsunami, ông N. A. Waddell và ông Toshisuke Shimizu, bản *Thánh Điển Phật Giáo Nhật – Anh Đối Dịch* được xuất bản theo những nguyên tắc hiện đại.

Năm 1972, dựa trên bản thánh điển này, các giáo sư Shūyū Kanaoka, Zennō Ishigami, Shōyū Hanayama, Kwansei Tamura và Takemi Takase đảm trách biên tập và xuất bản bản Anh ngữ.

Sau đó, một uỷ ban gồm những giáo sư Ryōtatsu Shioiri, Takemi Takase, Hiroshi Tachikawa, Kwansei Takamura, Shōjun Bandō và Shōyū Hanayama (tổng biên tập) được thành lập để biên tập bản tiếng Nhật của *The Teaching of Buddha*, phiên bản này được xuất bản vào năm 1973.

Tiếp theo, năm 1974, một uỷ ban gồm các giáo sư Kōdō Matsunami, Shōjun Bandō, Shinkō Sayeki, Dōyū Tokunaga, Kwansei Tamura và Shōyū Hanayama (tổng biên tập) được thành lập để biên tập lại bản tiếng Anh của *The Teaching of Buddha*, với sự cộng tác của ông Richard R. Steiner. Bản biên tập lần này được kết hợp với phiên bản tiếng Nhật (xuất bản năm 1973). Kết quả là có được ấn phẩm *The Teaching of Buddha* bản Nhật và Anh ngữ.

Năm 1978, có các giáo sư Shigeo Kamata và Yasuaki Nara tham gia vào uỷ ban biên tập. Năm 2001, các giáo sư Kenneth Tanaka, Shōgo Watanabe, Yoshiyasu Yonezawa và Sengaku Mayeda (quyền tổng biên tập) gia nhập vào uỷ ban.

Năm 2013, hiệp hội Phật Giáo Truyền Đạo có sự thay đổi về tổ chức, từ Quỹ Hợp Nhất (Incorporated Foundation) thành Quỹ Hợp Nhất Vì Lợi Ích Cộng Đồng (Public Interest Incorporated Foundation). Nhân việc thay đổi này, thành viên của uỷ ban biên tập được tái lập, gồm có các giáo sư Sengaku Mayeda (tổng biên tập), Zennō Ishigami, Kiyotaka Kimura, Kenneth Tanaka, Makio Takemura, Yasuaki Nara, Chizuko Yoshimizu, Yoshiyasu Yonezawa và Shōgo Watanabe. Từ năm 2017, giáo sư Makio Takemura đảm nhiệm chức vụ tổng biên tập, uỷ ban họp mặt hàng năm để cố gắng tìm cách làm cho Lời Dạy Của Đức Phật đáp ứng hiệu quả đến những nhu cầu của xã hội ngày nay.

Về bản dịch tiếng Việt của *The Teaching of Buddha*, vốn dĩ đã được ấn hành từ năm 1983, do giáo sư Yonosuke Takeuchi và ông Nguyễn Dịch Hoàn (trường Đại Học Ngoại Ngữ Tokyo) dịch Việt. Tuy nhiên bản dịch này đã tồn tại nhiều bất cập cần cải chính. Năm 2019, phiên bản Việt ngữ mới của *The Teaching of Buddha* được lên kế hoạch thực hiện. Ấn bản tiếng Việt lần này do Sư cô Thích Nữ Thanh Trì (Võ Thị Vân Anh, giảng viên Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Tp. HCM) đảm trách.

Tháng 01 năm 2020

CHỈ MỤC CHO SINH HOẠT THƯỜNG NHẬT

<i>Đời người</i>	trang	dòng
Ý nghĩa của đời người	4	19
Thế giới hiện thực	85	22
Cách sống lý tưởng	205	23
Nhân sinh quan sai lầm	40	10
Nhận thức đúng đắn về cuộc đời	37	1
Lối sống thiên lệch	52	1
Cho người mê muội (chuyện ngụ ngôn)	112	2
Một cuộc đời (chuyện ngụ ngôn)	79	14
Nếu chạy theo đời sống ái dục (chuyện ngụ ngôn)	79	1
Những điều mà người già người bệnh người chết dạy cho chúng ta (chuyện kể)	82	4
Cái chết là điều đương nhiên sẽ đến (chuyện kể)	83	8
Năm điều ít ai có thể thành tựu được trong đời này	43	19
Bốn điều chân thật trong đời	44	6
Mê hay giác cũng là do tâm	45	1
Hai mươi điều khó thực hiện nhưng là điều cao quý đối với người phàm	117	3
<i>Niềm tin</i>		
Niềm tin là ngọn lửa	158	8
Ba phương diện của niềm tin	159	11
Niềm tin là điều bất tư nghì	160	10
Niềm tin là sự biểu hiện chân thật	159	19

	trang	dòng
Điều chân thật thì khó nhìn thấy như người mù sờ voi (chuyện ngụ ngôn)	66	1
Phật tánh được hiển bày nhờ minh sư (chuyện ngụ ngôn)	68	7
Phật tánh bị phiền não che khuất (chuyện ngụ ngôn).....	64	22
Nghi ngờ làm chướng ngại niềm tin	160	20
Phật là cha lành của con người	32	1
Trí huệ của Phật rộng sâu như biển	30	21
Tâm của Phật là đại từ bi	13	1
Tâm từ bi của Phật là vĩnh viễn	13	20
Thân Phật không phải nhục thân	11	20
Đức Phật đã thuyết pháp xuyên suốt cuộc đời của ngài	20	22
Đức Phật thị hiện niết-bàn để giáo huấn con người	20	22
Đức Phật dùng phương tiện để cứu độ khổ não cho con người (chuyện ngụ ngôn)	16	5
.....	16	20
Thế giới giải thoát	207	10
Quy y Phật Pháp Tăng	157	4
Học ba môn giới định huệ	145	1
Tám thánh đạo	147	6
Sáu con đường đi đến giác ngộ	148	8
Bốn chánh cần	148	16
Bốn niệm trụ	148	7
Năm lực để đạt được giác ngộ	149	1
Bốn vô lượng tâm	151	11

	trang	dòng
Người biết bốn chân lý	35	7
Tử và đời vô thường	10	23
Người niệm Phật thì sẽ sanh về tịnh độ	99	3
Tự mình là ngọn đèn, nương tựa vào chính bản thân mình	9	3

Tu Tập

Điều quan trọng nhất đối với bản thân là gì (chuyện ngụ ngôn)	133	9
Cẩn trọng bước đầu tiên	116	23
Đừng quên tâm ban đầu (chuyện ngụ ngôn)	134	20
Muốn thành tựu đạo quả phải nhẫn nại nhiều khổ nạn (chuyện kể)	140	5
Dù cho có thất bại bao nhiêu cũng nên can đảm (chuyện kể)	152	18
Đừng xao động bởi nghịch cảnh (chuyện kể)	109	10
Người cầu đạo cũng như cầm ngọn đèn đi vào căn phòng tối	35	22
Lời dạy chân thật có thể tìm thấy ở khắp mọi nơi (chuyện kể)	143	4
Con người có khuynh hướng dao động theo tâm	106	18
Điều quan trọng của giáo lý là tu tâm	9	18
Trước hết là tu sửa nội tâm	186	20
Nếu nuôi dưỡng tâm	107	3

	trang	dòng
Những trạng thái tâm (chuyện ngụ ngôn) .	104	1
Tâm không phải là ngã	42	13
Đừng để tâm dẫn dắt	9	7
Điều phục tâm	136	6
Làm chủ tâm	9	23
Mọi điều xấu ác đều từ thân miệng ý	75	17
Lời nói và tâm	110	16
Thân này chẳng qua là vật vay mượn		
(chuyện kể)	127	1
Thân này đầy dẫy như bản	115	6
Đừng tham lam	9	7
Giữ gìn thanh tịnh thân miệng ý	109	1
Cố gắng nhưng không quá sức		
(chuyện kể)	152	2

Khổ não

Phiền não sinh khởi từ tâm chấp nê	39	1
Cách tránh phiền não	11	9
Mê lầm là ngã vào giác ngộ	53	22
Con đường thoát khỏi mê lầm	102	1
Nếu dập tắt được lửa phiền não thì có		
được thanh lương của giác ngộ	125	18
Chính ái dục là nguồn gốc của mê lầm	74	14
Hãy coi ái dục là con rắn độc núp		
dưới hoa	74	16
Đừng chấp vào căn nhà đang cháy		
(chuyện ngụ ngôn)	16	16
Dục vọng là nguồn gốc của tội lỗi	103	16

	trang	dòng
Thế giới này đang bốc cháy	72	9
Con người vì danh lợi mà tự thiêu đốt mình	104	23
Con người huỷ hoại bản thân vì tham lam tài sắc	105	3
Những đặc trưng sai biệt của người hiền trí và người ngu si	118	1
Người ngu không nhận ra cái xấu ác của bản thân (chuyện ngụ ngôn)	125	1
Người ngu chỉ nhìn thấy kết quả rồi ghen đua với phúc lạc của người khác	125	4
Cách hành xử của người ngu (chuyện ngụ ngôn)	130	9

Đời sống thường nhật

Bố thí rồi thì hãy quên ý niệm bố thí	150	3
Bảy cách bố thí không tài vật	150	10
Phương pháp để được giàu sang (chuyện kể)	129	7
Phương pháp mang lại hạnh phúc	116	14
Đừng quên ơn (chuyện kể)	122	22
Những tính cách của con người	77	15
Mong trả thù là đọa tai hoạ	116	3
Phương pháp giảm thiểu hận thù (chuyện kể)	203	1
Đừng dao động vì lời sỉ nhục của người (chuyện kể)	107	12
Không sống vì việc ăn, mặc, ở	180	20

	trang	dòng
Thức ăn và y phục không phải để		
hưởng thụ khoái lạc	102	17
Tâm niệm đối với thức ăn	182	22
Tâm niệm đối với đồ mặc	182	8
Tâm niệm đối với việc ngủ nghỉ	183	9
Tâm niệm đối với cái nóng cái lạnh	183	2
Tâm niệm trong đời sống thường nhật	181	18

Kinh tế

Cách sử dụng đồ vật	194	2
Tài vật không phải là thứ của mình		
vĩnh viễn	193	17
Không cất giữ tài vật chỉ cho riêng mình ..	196	3
Cách để được giàu có (chuyện kể)	129	7

Đời sống gia đình

Gia đình là nơi mà mọi người tâm		
tình với nhau	191	14
Những hành vi phá hoại gia đình	186	20
Cách báo ơn cha mẹ	191	8
Đạo làm con đối với cha mẹ	187	9
Đạo vợ chồng	188	7
Vợ chồng nên có cùng tín ngưỡng		
(chuyện kể)	194	21

Đạo của người xuất gia

Người xuất gia không chỉ đơn thuần là

	trang	dòng
mặc áo cà-sa và tụng kinh Phật	174	10
Người xuất gia không phải là người kế thừa tự viện và tài sản của tự viện	172	1
Người nhiều tham muốn không phải là người xuất gia chơn chánh	172	5
Nếp sống đúng đắn cần phải giữ gìn của người xuất gia	173	8
<i>Đời sống xã hội</i>		
Ý nghĩa đời sống xã hội	199	6
Thực trạng xã hội	85	22
Những loại đoàn thể trong xã hội	199	10
Cộng đồng xã hội chân thực	199	17
Ánh hào quang chiếu soi đêm tối	198	7
Sự hoà hợp trong mối quan hệ giữa người với người	200	5
Phương pháp sống hoà hợp trong cộng đồng xã hội	201	9
Giáo đoàn lý tưởng	200	11
Xã hội lý tưởng của người con Phật	206	24
Khi trật tự bị đảo loạn thì sẽ bị huỷ diệt (chuyện ngụ ngôn)	124	1
Tranh giành và ghen ghét đi cùng với sự huỷ diệt (chuyện ngụ ngôn)	124	1
Nên kính trọng người cao tuổi (chuyện kể)	119	1
Đạo thầy trò	187	21
Đạo bằng hữu	188	17

	trang	dòng
Cách chọn bạn	190	6
Đạo chủ tứ	189	2
Đối với kẻ phạm tội	196	16
Tâm niệm của người làm thầy dạy đạo.....	175	15

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

(Theo thứ tự bảng chữ cái)

BA-LA-MẬT, HAY BA-LA-MẬT-ĐA (Pāramitā):

Hán Việt là “đáo bỉ ngạn”, dịch nghĩa là “vượt qua bờ bên kia”, nghĩa là đạt đến cõi nước của Phật nhờ việc tu hành các pháp môn của Phật giáo. Thường được hiểu rằng thực hành sáu hạng mục tu hành sau thì hành giả có thể vượt thoát thế giới sinh tử này để đạt đến thế giới của sự giác ngộ. Đó là, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Phong tục ở Nhật Bản có hai tuần lễ HIGAN vào mùa xuân và mùa thu hàng năm là có nguồn gốc từ thuật ngữ này.

BỒ-TÁT (bodhisattva):

Vốn dĩ từ ngữ này chỉ cho thời kỳ tu hành trước khi thành đạo của Gautama Siddhārtha, có ý nghĩa là người tìm cầu sự giác ngộ. Từ khi đại thừa Phật giáo hưng khởi, từ ngữ này được giải thích rộng nghĩa hơn, chỉ cho tín đồ Phật giáo Đại thừa. Về mặt hướng thượng thì lấy sự giác ngộ của đức Phật làm mục đích, về mặt hướng hạ thì nỗ lực dẫn dắt tất cả mọi người cùng đều hướng đến sự giác ngộ của Phật, người có nhân cách lý tưởng như thế gọi là bồ-tát. Và ngoài ra còn được dùng để gọi những trợ thủ của đức Phật có uy thần như Quan Âm, Văn Thù, những vị mang một phần lòng từ bi và trí tuệ của đức Phật mà ứng hiện cứu độ khổ não cho chúng sanh.

ĐẠI THỪA (Mahāyāna):

Trong lịch sử Phật giáo, có hai dòng truyền tư tưởng chính, đó là Thượng Toạ bộ (Theravāda) và Đại Thừa (Mahāyāna). Nhóm truyền thống Phật giáo Đại thừa được truyền bá đến các nước Tây Tạng, Trung Quốc, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam... Truyền thống Phật giáo Thượng Toạ bộ được truyền đến Miến-điện, Tích-lan, Thái-lan... Từ ngữ “cỗ xe lớn” (Đại thừa) có ý nghĩa là có thể dung nhận tất cả chúng sanh đang chịu khổ não trong thế giới sinh tử này, và có thể bình đẳng dẫn dắt tất cả những chúng sanh ấy đi vào cảnh giới giác ngộ.

KINH (sūtra):

Là tập hợp ký lục những lời dạy của đức Phật. Từ ngữ này vốn dĩ có ý nghĩa là sợi chỉ may, chỉ cho sự thu thập số lượng lớn những tri thức trong tôn giáo và học vấn nói chung. Là một bộ phận trong tam tạng (Tripiṭaka).

LUÂN HỒI (Saṃsāra):

Chỉ cho sự thay đổi sinh tử từ đời quá khứ đến đời hiện tại, từ đời hiện tại đến đời vị lai, quay vòng như bánh xe, cũng được nói là “luân hồi sanh tử”. Con người khi chưa thoát khỏi thế giới này để đến thế giới giác ngộ thì vẫn luôn phải chuyển sanh trong sáu nẻo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, a-tu-la, cõi người và cõi trời. Người vượt thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử này thì được gọi là Buddha.

NIẾT-BÀN (Nirvāṇa):

Về ngữ nghĩa, có ý nghĩa là “thối tắt”. Đây là trạng thái mà các dục vọng và phiền não của nhân gian bị dập tắt nhờ sự tu tập và thiền định chánh trí. Người đạt được trạng thái này được gọi là Phật. Gautama Siddhārtha đã đạt được trạng thái này ở tuổi 35. Tuy nhiên, ngày nay chỉ hiểu niết-bàn là trạng thái khi đức Phật diệt độ, bởi vì cho rằng khi nhục thể không còn thì lửa phiền não mới hoàn toàn tiêu mất.

NGHIỆP (karman):

Mặc dù ý nghĩa gốc của từ ngữ này là hành vi, nhưng trong mối quan hệ nhân quả, nó được xem là tiềm tại lực, là kết quả của các hành vi trong quá khứ. Nghĩa là, vì mỗi hành động của chúng ta đều mang theo kết quả thiện hay ác, khổ hay lạc. Tùy theo hành vi thế nào, sức ảnh hưởng của hành vi ấy vào kết quả trong tương lai được gọi là nghiệp. Nếu có hành vi thiện lành thì chiêu cảm thành kết quả thiện lành. Có ba chủng loại nghiệp, đó là nghiệp thuộc thân, thuộc miệng, thuộc ý.

PĀLI (-ngôn ngữ):

Là ngôn ngữ được sử dụng trong Phật giáo Theravāda. Người ta tin rằng đây là ngôn ngữ được sử dụng để ghi chép kinh điển Phật giáo cổ xưa nhất. Vì đây là một trong những loại ngôn ngữ Prakrit, ngôn ngữ bình dân của Sanskrit, nên không có sự khác biệt lớn giữa Pāli và Sanskrit. Ví dụ, Dharma trong Sanskrit thì là Dhamma trong Pāli, Nirvāṇa trong Sanskrit thì Nibbāna trong Pāli. Xem thêm phần Sanskrit.

PHÁP (Dharma):

Là lời dạy chân thật được chỉ dạy bởi đấng đã giác ngộ, tức Phật-đà. Nội dung cụ thể được gọi là tam tạng, tức ba loại thánh điển gồm: kinh (những lời dạy do đức Phật nói ra), luật (những điều luật sinh hoạt do đức Phật chế định), và luận (những giải thích và luận thích cho kinh và luật). Pháp là lời dạy chân thật này cùng với Phật là bậc giác giả, Tăng là đoàn thể chúng đệ tử Phật, tạo thành ngôi tam bảo nền tảng y cứ của Phật giáo.

PHẬT (Buddha):

Vốn dĩ là từ ngữ để chỉ Phật Thích-ca Mâu-ni khai sáng ra đạo Phật, người đã đạt đạo giác ngộ khoảng hơn 2500 năm trước tại Ấn Độ. Chữ Buddha có nghĩa là người đã giác ngộ, Hán Việt dịch âm là Phật-đà, tỉnh lược thành “Phật”. Mục đích của Phật giáo là mỗi cá nhân đều phải đạt được trạng thái Phật này, tuy nhiên có sự khác biệt về phương pháp và thời gian tu hành nên Phật giáo có sự phân chia ra nhiều tông phái.

Trong Phật giáo Đại thừa, từ mẫu hình đức Phật lịch sử Thích-ca Mâu-ni, còn có nhiều vị Phật khác, ví dụ: Phật A-di-đà (Amitābha), Phật Dược Sư (Bhaiṣajyaguru), Phật Tỳ-lô-giá-na (Mahāvairocana) v.v... tượng trưng cho các phương diện trong giáo lý Phật-đà, được số đông chấp nhận,

Ngoài ra, ở Nhật Bản, người ta gọi người đã khuất là “Hotoke” (Phật), điều này do ảnh hưởng tư tưởng “vãng sanh thành Phật” của giáo học Tịnh Độ, tin rằng người đã khuất sẽ sinh vào tịnh độ và ở đó họ sẽ thành Phật.

SANSKRIT (tiếng Phạn):

Là ngôn ngữ văn chương cổ điển của Ấn Độ cổ đại; một trong những ngôn ngữ thuộc họ ngôn ngữ Ấn Âu. Được chia thành Sanskrit Vệ-đà và Sanskrit cổ điển. Kinh điển của truyền thống Phật giáo Đại thừa được viết bằng ngôn ngữ này theo phong cách riêng, được gọi là Sanskrit Phật giáo (Buddhist Hybrid Sanskrit).

TAM TẠNG (Tripiṭaka):

Là ba nhóm văn điển Phật giáo. Đây cũng là Pháp. Gồm có Kinh (Sūtra) bao gồm những lời Phật dạy; Luật, gồm những giới luật do ngài quy định; và A-tỳ-đàm, bao gồm những giải thích và nghị luận về giáo pháp và giới luật. Sau này, các tác phẩm Phật giáo được viết bởi các cao tăng Trung Quốc, Nhật Bản cũng được đưa vào kho tàng kinh điển Phật giáo. Xem thêm mục Pháp.

TÁNH KHÔNG (śūnyatā):

Là khái niệm biểu hiện tư tưởng cho rằng chư tồn tại không có thật thể, không có ngã. Mọi sự vật đều do duyên mà sinh, không hề có cái ngã bất biến thật thể. Con người không nên chấp rằng có hay không có cái ngã thật thể. Mọi tồn tại, ngay cả con người hay là những sự vật khác đều tồn tại trong mối tương quan. Không có chuyện có một khái niệm, tư tưởng, chủ nghĩa độc lập tồn tại. Đây là tư tưởng căn bản của hệ kinh Bát-nhã.

TĂNG-GIÀ (Saṅgha):

Là đoàn thể bao gồm cả Tăng, Ni, nam nữ cư sĩ Phật tử. Thời kỳ đầu từ ngữ này được dùng để chỉ cho đoàn thể Tăng Ni. Về sau, khi Đại thừa Phật giáo hưng khởi, bất kể là Tăng Ni hay Cư sĩ, những ai đặt mục đích tu hành bồ-tát hạnh, đều cùng được coi là thành viên tăng. Tăng-già là một trong ba ngôi báu.

THƯỢNG TOẠ BỘ (Theravāda):

Đây là bộ phái Phật giáo đại diện cho truyền thống Phật giáo phía Nam. Thera có nghĩa là trưởng lão. Là trưởng phái của các vị trưởng lão trong lịch sử, nhóm những vị sư trưởng lão bảo thủ, ủng hộ việc tuân thủ giới luật, ngược với nhóm những vị sư khác có tư tưởng cấp tiến tự do hơn (tư tưởng của những vị sư mà sau này được phát triển thành Phật giáo Đại thừa, thuộc truyền thống Phật giáo phía Bắc). Những xu hướng đối nghịch này trong Phật giáo được biết là đã bắt đầu từ thời nguyên thủy, một vài thế kỷ sau khi đức Phật diệt độ, khi Đại Thiên (Mahādeva), một vị tăng cấp tiến đòi tự do giải thích năm điều luật. Điều này đã kích động sự chia rẽ thành Thượng Toạ bộ và Đại Chúng bộ, bộ phái được cho là tiền thân của Phật giáo đại thừa sau này.

TRÍ TUỆ (Prajñā):

Một trong sáu ba-la-mật. Là khả năng phán đoán đúng đắn gì là chánh gì là tà, người có đầy đủ trí huệ này gọi là Phật-đà. Trí huệ này không phải chỉ là tri thức đơn thuần, mà là khả năng nhìn thấu chân tướng tồn tại đằng sau mọi hiện tượng. Việc tu hành để đạt được cảnh địa này gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

VÔ NGÃ (anātman):

Là một trong những giáo nghĩa cơ bản nhất của Phật giáo. “Tất cả mọi tồn tại và hiện tượng trong thế giới này vốn không có thật thể có thể nắm bắt”. Phật giáo chủ trương chư hành vô thường, dĩ nhiên giải thích rằng, mọi tồn tại trong thế giới này không tồn tại vĩnh viễn, vì không có thật thể, khác với những tôn giáo tại Ấn Độ thời bấy giờ cho rằng mọi tồn tại đều có thật thể, gọi là “ngã”. Ngã ở đây tương đương với “linh hồn” trong những tôn giáo khác.

VÔ THƯỜNG (anitya):

Mọi tồn tại đều sinh diệt biến hoá, không hề đứng yên ở một trạng thái cố định nào. Là một biểu hiện rõ về lập trường tư tưởng khác với những tôn giáo khác của Phật giáo. Mọi sự vật đều trải qua bốn giai đoạn: sinh, tồn tại, biến dị và cuối cùng là diệt vong. Quán sát quá trình này là điều cần thiết để phản tỉnh một cách sâu sắc về cái khổ. Điều này cũng được phân tích theo lối hình nhi thượng học từ quan điểm của nhiều học phái, tuy nhiên, không nên chỉ cường điệu mặt tiêu cực, u ám, vì sự sinh thành và phát triển cũng là một phương diện của vô thường.

VỀ HIỆP HỘI PHẬT GIÁO TRUYỀN ĐẠO VÀ SỰ CÔNG HIẾN

“THE TEACHING OF BUDDHA”

Nói đến Hiệp hội Phật Giáo Truyền Đạo, trước tiên phải nói đến một doanh nhân, đó là ông Yehan Numata, người sáng lập công ty Mitsutoyo.

Thành lập công ty để sản xuất dụng cụ đo lường vào năm 1934, Yehan Numata có niềm tin vững chắc rằng thành công của một doanh nghiệp là nhờ vào sự kết hợp hài hoà của Trời, Đất, Con Người; và sự hoàn hảo của con người chỉ có được là nhờ vào sự phối hợp một cách cân bằng giữa trí tuệ, tình yêu và lòng can đảm (trí, bi, dũng). Ông đã làm mọi thứ có thể với niềm tin này để cải tiến kỹ thuật sản xuất dụng cụ đo lường và hoàn thiện con người.

Ông tin rằng để đạt được hoà bình trên thế giới là phải dựa vào sự hoàn thiện của con người. Hướng đến mục đích đó có giáo lý của Phật-đà. Do đó, cùng với việc điều hành doanh nghiệp, ông đã nỗ lực quảng bá và hiện đại hoá âm nhạc Phật giáo, quảng bá hình ảnh của đức Phật và lời dạy của ngài kể từ khi thành lập công ty.

Tháng 12 năm 1965, ông đã thành lập một quỹ hợp nhất từ các quỹ tư nhân của mình để tham gia vào việc truyền bá Phật giáo và đồng thời cũng hỗ trợ cho nền hoà bình thế giới. Và như thế, hiệp hội Phật Giáo Truyền Đạo được bắt đầu như là một tổ chức công cộng.

Theo ý nguyện của người sáng lập, công việc của hiệp hội Phật Giáo Truyền đạo là tìm kiếm giải pháp cho vấn đề: làm gì để lưu bố giáo lý của Phật-đà rộng xa để mọi người đều được lợi ích và được thọ hưởng ánh sáng từ bi và trí tuệ vĩ đại của ngài.

Nói tóm lại, mọi nỗ lực có thể để lưu bố Lời Dạy của Đức Phật là nhiệm vụ chính yếu của hiệp hội Phật giáo Truyền Đạo.

Quyển sách “The Teaching of Buddha” này là kết quả mà chúng tôi đã suy ngẫm về lịch sử tôn giáo đất nước Nhật Bản, hầu như không có tác phẩm nào có thể gọi là quyển sách giáo lý Phật giáo được giải thích theo cách của người Nhật thật sự. Mặc dù trên thực tế, chúng tôi luôn rất tự hào về văn hoá Phật giáo của chúng tôi.

Quyển sách này là món ăn tinh thần cho những ai đọc nó. Nó đã được chuẩn bị một cách thấu đáo để mọi người có thể giữ nó trên bàn làm việc, hay mang theo bên mình để có thể tùy ý tiếp xúc với Ánh Sáng tâm linh sống động.

Mặc dù vẫn chưa thật sự hoàn hảo như chúng tôi mong muốn, nhưng phiên bản hiện tại của “The Teaching of Buddha” đã qua một chặng đường dài với sự nỗ lực của nhiều người để đáp ứng nhu cầu của con người đương đại một cách chính xác, dễ đọc, và là sự giới thiệu có thẩm quyền về Phật giáo, đồng thời, là một hướng dẫn thực tế và là nguồn cảm hứng hằng ngày thật sự.

Mong muốn của hiệp hội Phật Giáo Truyền Đạo là sớm thấy một ngày khi có càng nhiều gia đình có quyển sách này, và càng nhiều càng tốt các Phật tử tại gia chúng ta được thụ hưởng và tắm mình trong Ánh Sáng của bậc Thầy vĩ đại.

Chúng tôi rất hoan nghênh sự góp ý của chư đạo giả, xin cứ ghi thư về cho Hiệp Hội Phật Giáo Truyền Đạo bất cứ lúc nào.